



ĐẠI HỌC QUỐC GIA

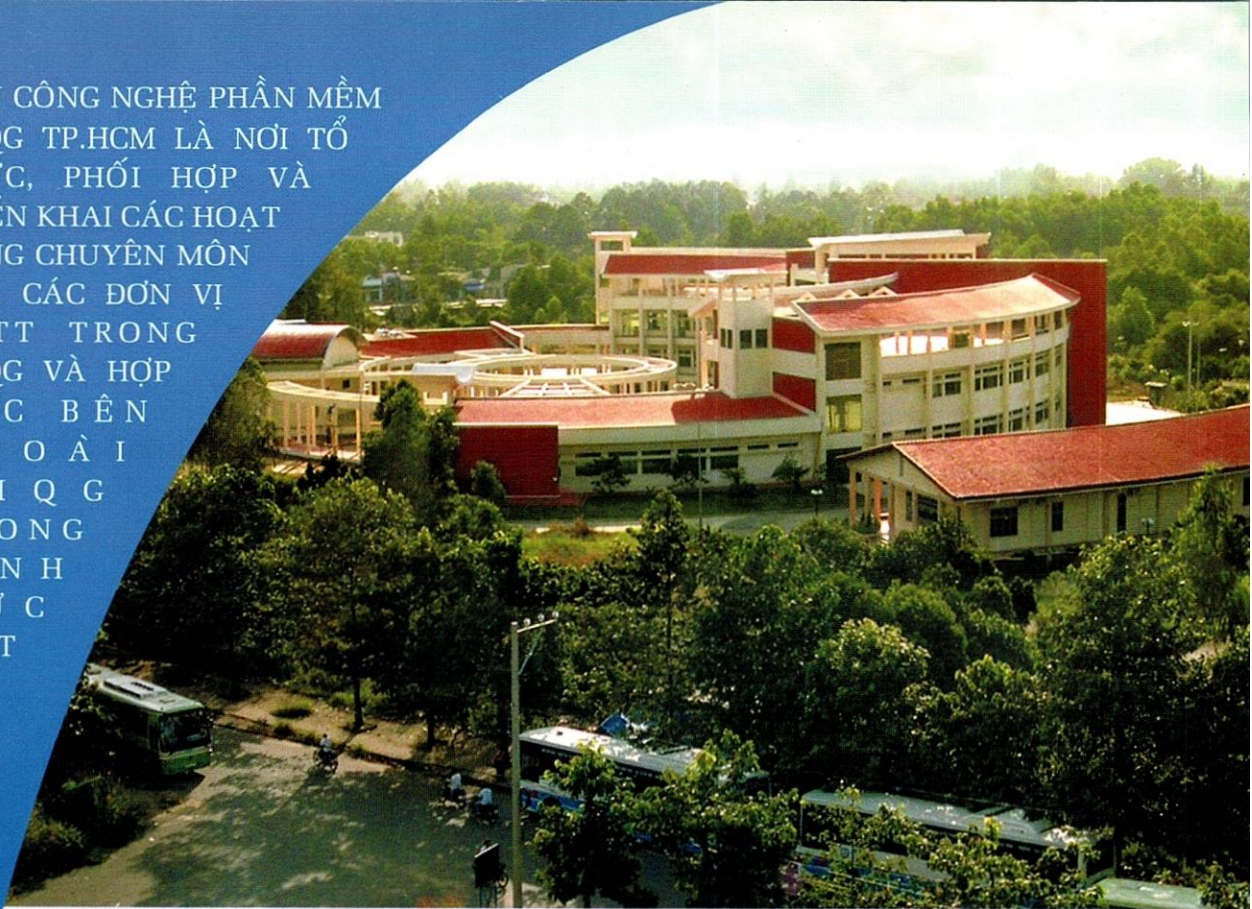
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chào mừng

30 năm giải phóng miền Nam,
thống nhất đất nước



KHU CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM
ĐHQG TP.HCM LÀ NƠI TỔ
CHỨC, PHỐI HỢP VÀ
TRIỂN KHAI CÁC HOẠT
ĐỘNG CHUYÊN MÔN
CỦA CÁC ĐƠN VỊ
CNTT TRONG
ĐHQG VÀ HỢP
TÁC BÊN
NGOÀI
ĐHQG
TRONG
LĨNH
VỰC
CNTT



NƠI HỘI NHẬP CỦA TRI THỨC VÀ CÔNG NGHỆ

■ TỔNG QUAN

Khu Công nghệ Phần mềm Đại học Quốc gia TP.HCM, tên giao dịch: VNU-ITP, được thành lập theo Quyết định số 157/QĐ/ĐHQG/TCCB ngày 02 tháng 05 năm 2003 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Phát triển sản phẩm & dịch vụ CNTT

■ CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỤ THỂ

- Tư vấn, xây dựng, quản trị và bảo vệ hệ thống thông tin.
- Nghiên cứu phát triển ứng dụng an ninh mạng.
- Vườn ươm CNTT nơi hỗ trợ các sản phẩm, doanh nghiệp tiềm năng.
- Nghiên cứu, thiết kế, triển khai thực hiện các dự án CNTT.
- Triển khai các Chương trình đào tạo nguồn nhân lực về CNTT:
 - + Đào tạo công nghệ mạng theo tiêu chuẩn của Cisco Networking Academy và Sun Microsystems Education.
 - + Đào tạo và huấn luyện nhân lực phục vụ Đề án tin học hóa quản lý hành chính (đề án 112 - Chính phủ).
 - + Bồi dưỡng kiến thức nâng cao cho các giảng viên về CNTT theo chuẩn quốc tế.
 - + Tổ chức các Hội thảo Khoa học Công nghệ.

VNU-ITP

ƯU TIÊN CÁC HOẠT ĐỘNG MANG TÍNH CHẤT
HỢP TÁC GIỮA ĐHQG-HCM, VÀ CÁC ĐƠN VỊ
NGHIÊN CỨU SẢN XUẤT KHÁC.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Viet Nam National University Ho Chi Minh City (VNU-HCM)

B ẢN T I N

SỐ 74 THÁNG 4-2005

- * Đại tướng Võ Nguyên Giáp:
 “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước
 thắng lợi vĩ đại của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam” 04
- + * Ký ức mùa xuân 1975 *Nguyễn Quang Diễm* 07
- + * Công tác giáo trình trong ĐHQG - HCM *TS. Nguyễn Hoàng Thụy* 09
GS. TSKH Trương Minh Vê
- + * Về tuyển sinh Đại học, Cao đẳng *PGS. TS Nguyễn Hội Nghĩa* 11
- + * Về việc xây dựng định hướng chiến lược
 nghiên cứu KHXX&NV của ĐHQG - HCM *GS. TSKH Trần Ngọc Thềm* 15
- + * Định hướng chiến lược phát triển
 công nghệ sinh học ĐHQG - HCM *PGS. TS. Trần Linh Thuộc* 19
- + * Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ
 lĩnh vực môi trường ĐHQG - HCM *GS. TS. Lâm Minh Triết* 24
- + * Về chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao
 tại trường ĐHBK, ĐHQG - HCM *Trần Thị Ngọc Dung* 27
- * ĐHQG - HCM khai giảng khóa tập huấn
 nâng cao năng lực giảng dạy ngoại ngữ *Thảo Nguyên* 31
- * Trang tin 34

Tổng biên tập:
PGS.TS. Nguyễn Quang Diễm
Tổ chức bản thảo:
TS. Nguyễn Khắc Cảnh
 ĐT: 7242181 - 1355
ThS. Nguyễn Thị Minh Lan
 ĐT: 7242181 - 1352

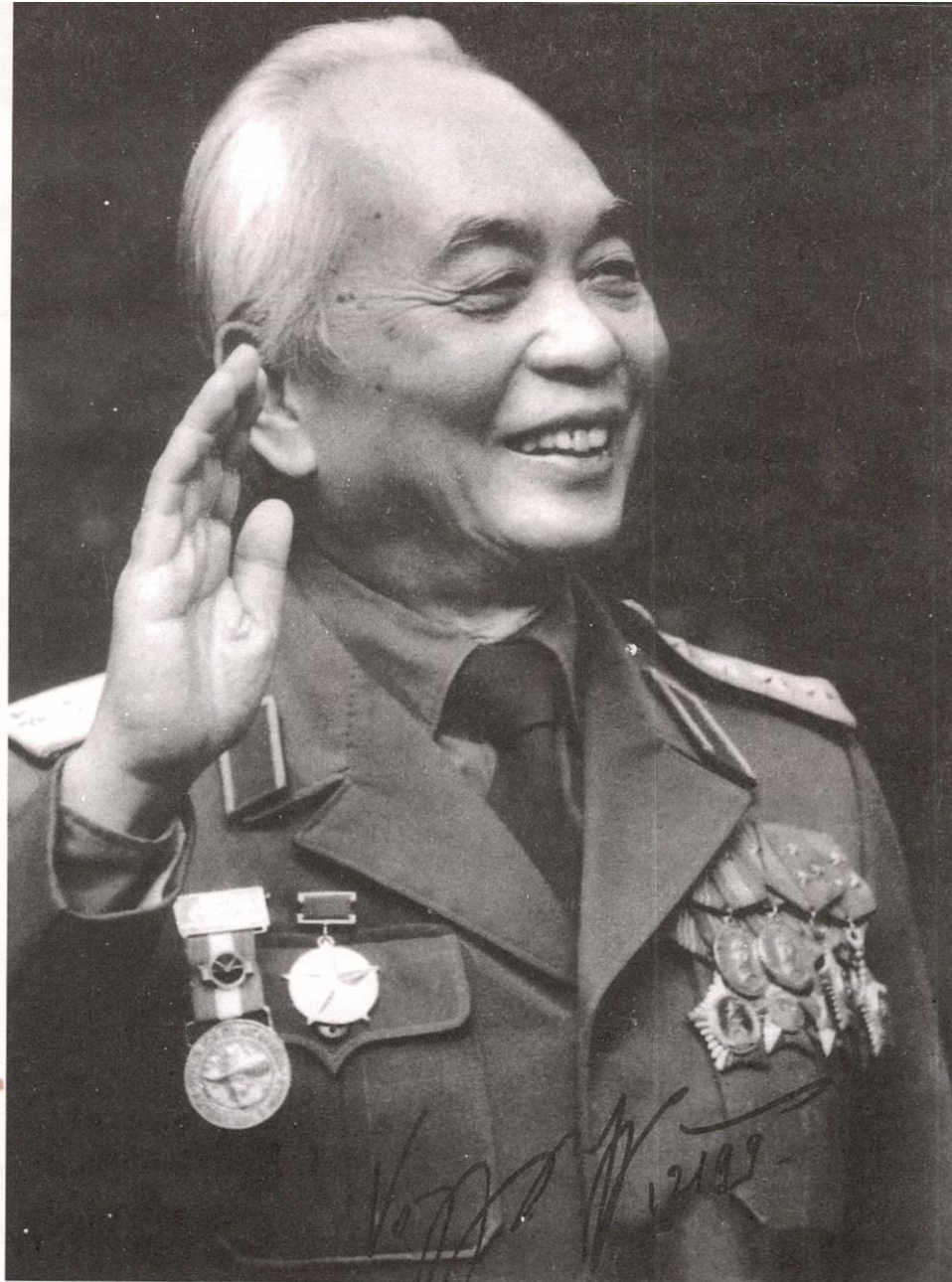
Trình bày:
Đặng Đức Lợi

* Bài vở thư từ xin gửi về:
 Phòng 424, Nhà điều hành ĐHQG-
 HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung,
 Quận Thủ Đức, TP.HCM.

ĐT: 7242181-1352

Email: bantindhgg@vnuhcm.edu.vn
 * Bản tin ĐHQG-TP.HCM. Giấy phép
 xuất bản số 2900/BQ-GPXB do Bộ
 VHTT cấp ngày 29-9-1997.

* In tại Xí nghiệp in Thành Công



Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP:

"Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước -
thắng lợi vĩ đại của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam"

THAM GIA HỘI THẢO KHOA HỌC "ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 -
BẢN LĨNH VÀ TRÍ TUỆ VIỆT NAM" (TP HỒ CHÍ MINH, NGÀY 14-15/4/2005), ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP
ĐÃ VIẾT BÀI "CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC - THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA BẢN LĨNH VÀ TRÍ TUỆ
VIỆT NAM", TRONG ĐÓ, ĐẠI TƯỚNG ĐÃ TỔNG KẾT MỘT CÁCH TOÀN DIỆN CUỘC CHIẾN TRANH
CHỐNG MỸ CỦA DÂN TỘC, RÚT RA NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ SÂU SẮC. BẢN TIN ĐHQG-HCM
TRÂN TRỌNG TRÍCH ĐĂNG MỘT SỐ PHẦN TRONG BÀI VIẾT NÀY.

(...)

Một câu hỏi lớn lâu nay không ít người đã đặt ra: Vì đâu nhân dân Việt Nam, từ không một tấc sắt trong tay, vùng lên bẻ gãy gông xiềng nô lệ, lại đánh thắng "hai đế quốc to" trong một cuộc chiến tranh không cân sức, giành lại non sông đất nước, tiến lên giải phóng xã hội, giải phóng con người?

Sẽ không tìm được câu trả lời cho câu hỏi này nếu không nhìn sâu vào chiều dày lịch sử hàng nghìn năm, vào nền văn hóa dân tộc, vào truyền thống và di sản quân sự của tổ tiên, vào đường lối cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thật vậy, một sự kiện hiếm thấy trong lịch sử thế giới là các bộ tộc người Việt cổ sinh sống trên mảnh đất này đã sớm có một triết lý sống, hình thành và phát triển một nền văn hóa dân tộc mà hạt nhân là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, cố kết với nhau, tương thân tương ái, vừa dũng cảm vừa thông minh. Chính nhờ sức mạnh khôn lường của nền văn hóa ấy mà dưới ách đô hộ hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, dân tộc ta không hề bị đồng hóa và cuối cùng đã vùng lên giành lại nền độc lập.

Cho đến khi vị tổ Trung hưng đầu tiên là Anh hùng dân tộc Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, thì kỷ nguyên một nghìn năm độc lập tự chủ đã được mở ra, chỉ gián đoạn bằng 20 năm đô hộ của quân Minh. Suốt trong một nghìn năm ấy, dân tộc ta dưới triều đại của các vị vua yêu nước đã đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn nhiều lần, từ Tống, Nguyên đến Minh, Thanh.

Đặc biệt trong thế kỷ XIII, dân tộc ta đã đánh thắng quân Mông Nguyên là đội quân xâm lược mạnh nhất thời bấy giờ đã



từng chinh phục nhiều dân tộc từ Á sang Âu, đã chiếm lĩnh cả nước Trung Hoa, vậy mà ba lần xâm lược Đại Việt là ba lần thất bại. "Nam quốc sơn hà nam đế cư". Hễ kẻ thù đụng đến nước ta thì "vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước chung sức", giữ vững quê hương, bảo vệ xã tắc.

Từ Hịch tướng sĩ và Di chúc Canh Tý đến Bình Ngô đại cáo, một học thuyết quân sự Việt Nam đã hình thành và phát triển: "lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", "trăm họ là binh", "lấy đoản binh chống trường trận", "lấy ít địch nhiều", "lấy nhỏ thắng lớn". Học thuyết ấy đã biết vận dụng phép biện chứng đối yếu thành mạnh, kết hợp lực, thế, thời, mưu, cuối cùng đạt tới nguyên vọng sâu xa là giành lại và giữ vững chủ quyền dân tộc với những tư tưởng vượt thời đại: "tập hợp bốn phương mạnh mẽ", "đập tắt muôn đời chiến tranh", "đem lại thái bình muôn thuở".

(...)

Tư tưởng cơ bản của học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh là trên cơ sở phát huy tinh thần quyết chiến quyết thắng, không có gì quý hơn độc lập, tự do, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc. Trong chỉ thị thành lập đội Việt Nam

tuyên truyền giải phóng quân. Bác Hồ viết: Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân.

Trong lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người nói: "Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc". Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người lại khẳng định: "Cuộc kháng chiến của ta là toàn dân, thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân. 31 triệu đồng bào ở cả hai miền Nam Bắc, bất kỳ già trẻ gái trai phải là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ cứu nước". Người nêu cao chính sách đại đoàn kết dân tộc, "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công".

Đi đôi với tư tưởng "toàn dân đánh giặc" học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển lên một đỉnh cao mới nghệ thuật đánh giặc truyền thống của dân tộc lấy nhỏ đánh lớn, lấy yếu đánh mạnh, giải quyết thành công trong điều kiện của thời đại mới một vấn đề hầu như một nghịch lý là "nước nhỏ đã đánh thắng đế quốc to là Pháp và Mỹ".

Bác Hồ nói: "Nay tuy châu chấu đầy voi

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra".

Bài toán "châu chấu đá voi" chống kẻ xâm lược có nền công nghiệp khoa học kỹ thuật phát triển, có trang bị rất hiện đại, có tiềm lực quân sự kinh tế rất mạnh như đế quốc Mỹ đặt ra cho dân tộc ta phải sáng tạo ra hàng loạt cách đánh hết sức thông minh, đem ý chí quyết chiến quyết thắng và trí tuệ sáng tạo của ta mà chiến thắng mọi chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật hiện đại của quân xâm lược.

Học thuyết quân sự Việt Nam luôn nắm vững mục tiêu cách mạng, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn, phân tích tình hình thực tiễn, tìm ra quy luật và hành động theo quy luật, đánh thắng mọi kẻ địch hung bạo. Học thuyết ấy luôn theo dõi diễn biến mau lẹ và so sánh lực lượng giữa địch và ta trên chiến trường, tìm ra và tạo thời cơ có lợi nhất cho ta, tạo thế mạnh của ta, khoét sâu thế yếu của địch, tập trung lực lượng tiêu diệt địch. Khi tình hình thay

đổi thì kịp thời thay đổi quyết sách về chiến lược, chiến thuật, tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, bí mật, bất ngờ, giành được thắng lợi lớn, thường là trong những điều kiện khó khăn nhất.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, học thuyết quân sự Việt Nam đã phát triển lên một đỉnh cao mới đưa đến nhiều thắng lợi to lớn. Tuy nhiên, đã có lúc, do không nắm vững đường lối quân sự của Đảng và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, không đi sát thực tiễn và không làm theo quy luật, chủ quan, duy ý chí, nên đã hạn chế không ít thắng lợi và chịu nhiều tổn thất.

Trong những năm gần đây, Mỹ và một số cường quốc phát triển vũ khí và trang bị hiện đại. Cuộc chạy đua vũ trang vẫn đang tiếp tục. Đi đôi với sự xuất hiện của một chiến lược mới, đặt "nhân quyền" lên trên "chủ quyền", một số thế lực hiếu chiến tự cho phép xâm lược một quốc gia độc lập và có chủ quyền, bất chấp luật pháp quốc tế. Sau chiến tranh vùng Vịnh là cuộc chiến tranh xâm lược Xôcôvô rồi lại diễn ra cuộc chiến tranh xâm lược

Irắc và còn đe dọa gây ra những cuộc chiến tranh xâm lược mới. Một điều mới đặt ra: Trong điều kiện chiến tranh xâm lược với vũ khí công nghệ cao, thì học thuyết quân sự Việt Nam còn có giá trị hay không?

Chúng ta không bao giờ chủ quan khinh địch, luôn coi trọng đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật quân sự, phát triển học thuyết quân sự Việt Nam lên trình độ mới đặc biệt trong tình hình một số cường quốc đang thực hiện một "cuộc cách mạng trong lĩnh vực quân sự". Và chúng ta có thể khẳng định ngay rằng: Học thuyết quân sự Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh hoàn toàn có khả năng giữ vững nền độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đánh bại mọi cuộc chiến tranh xâm lược dù có hiện đại đến đâu và bất kể từ đâu tới.

Nền văn hóa Việt Nam, đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, học thuyết quân sự Việt Nam độc đáo, sáng tạo, không ngừng phát triển là sức mạnh của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.(...).





Ký ức MÙA XUÂN 1975

NGUYỄN QUANG ĐIỂN

Đầu xuân 1975 căn cứ của T4 (Sài gòn - Gia định) nằm lặng lẽ trong mây vạt rừng vùng Long Thành - Xuyên Mộc. Mùa khô lòng suối trở ra chông chất lô xô những tảng đá đen xỉ. Men theo bờ suối tìm kiếm mồi rồi tôi cũng gặp được vũng nước hiem hơi còn đọng lại, nhẹ nhàng gạt lớp lá mục, cẩn thận múc từng lon nước cho vào bình, cái túi bằng vải mưa dán kín. Xong việc, ngược mắt nhìn lên tôi cũng sờ bắt gặp cây mai rừng tung cánh nở hoa vàng rực rỡ. Vạt rừng nhỏ nhoi bao năm là nơi quần thảo của lính biệt kích Úc, nơi bắn phá tự do của pháo bảy Tân Tây Lan, nơi nhiều lần giặc Mỹ rải thuốc khai quang, lại

vẫn bừng lên sức xuân bất diệt.

Sài gòn xa mà gần. Từ căn cứ ngoại biên này đến đô thị địch đang kiểm soát ngặt nghèo còn xa xôi cách trở nhưng thành phố luôn gần gũi trong tâm tưởng. Qua đường giao liên bí mật và hiệu quả chúng tôi đọc hầu hết các nhật báo Sài gòn trong ngày, thường xuyên có báo cáo, thông tin từ nội thành và hôm nay tôi lại được tiếp xúc với cơ sở mới ra. Phải ngăn cách để không thấy nhau, tôi lắng nghe em, giọng nhỏ nhẹ sau tấm màn che, kể về cuộc sống của bà con lao động nghèo khu Khánh Hội, về những cuộc chống bắt lính và phong trào cứu đói mà em đang tổ chức, vận động. Tạm biệt em lòng ngân

khúc hát "Hẹn gặp nhé, giữa Sài gòn!". Một thoáng ngậm ngùi: chia tay và hẹn gặp người con gái không rõ mặt, không biết tên! Một niềm tin yêu phần chấn: Sài gòn đang có biết bao người âm thầm tham gia chiến đấu!

Tết Ất Mão T4 có thêm sự kiện vui: Hôn lễ của Bảy Hậu - đội phó đội bảo vệ và Út Lan - cô giao liên công khai, những người sống dưới vỏ bọc hợp pháp trong lòng địch, về đến căn cứ lại phải cách ly với đồng đội. Nghi thức hôn lễ trang trọng, ấm cúng và lạ thường: chú rể chẳng chặc trong bộ quân phục mới còn cô dâu trong bộ bà ba đen dấu kín mặt - mặt nạ cô may bằng vải khăn rằn, trùm đầu chỉ mở

hai lỗ nhỏ ánh lên cặp mắt long lanh. Cô gái nào chẳng háo hức được lòng lấy kiều sa trong ngày cưới, nhưng cái ước mơ bình thường ấy cũng phải bỏ qua. Nào có sao đâu, qua đáng vẻ và ánh mắt ai cũng nhận ra đôi uyên ương ấy ngập tràn hạnh phúc. Chuyện về chiến tranh thường kể về bao nỗi gian khổ hy sinh và không thể nào kể hết. Có chị từ vùng địch bỗng con lặn lội lên căn cứ thẳm chốn rừng sâu thăm chồng. Chị em trong cơ quan ulla ra vô lấy đứa bé: cô chọc, cô đánh, cô hôn, cô cắn, đứa bé ngơ ngác khóc thét. "Ồi, nó khóc nè, dễ thương quá! Khóc nữa đi cháu, mấy năm rồi mới được nghe tiếng khóc con nít..." Và các cô cùng òa khóc, nước mắt thấm đẫm nhân tình. Nhưng mặt khác, chiến tranh không chỉ là bạo tàn, khốc liệt. Trong căn cứ T4, chúng tôi vẫn ca hát, thương yêu nhau, nâng niu từng hạnh phúc và chấp cánh ước mơ. Những nơi tôi ở trong rừng, quanh lều nhỏ hay trên miệng hầm tôi cũng tìm được phong lan điểm xuyên, nhớ mãi giống lan lạ sắc màu nền nã mà hương thơm thanh khiết, cho đến hôm nay mãi tìm kiếm mà chưa gặp lại...

Lệnh lên đường. Một cuộc hành quân dài. Từ hướng đông - bắc Sài Gòn chuyển cánh xuống hướng tây - nam, vào những ngày đầu tháng 4 - 1975, căn cứ T4 đứng vững chân ở vùng Long Định - Mỹ Tho. Hệ thống đường dây với nội thành Sài Gòn nhanh chóng thiết lập. Trạm giao liên tập nập. Đại quân rừng rừng cùng xe cơ giới kéo pháo lớn vượt sông. Tin thắng trận náo nức lòng người. Lại bằng đồng vượt Đèo Thấp Mười, qua những đồn bót mới bị quân ta tiêu diệt, không phải đi nữa mà là chạy, là nhằm Sài Gòn thẳng tiến. Đã đến lộ lớn, cửa ngõ Bình Chánh. Sao mấy người bỗng nhiên dừng lại? Từ chiếc radio bán dẫn, Đài phát

thanh Sài Gòn phát đi lời tuyên bố đầu hàng... Niềm vui òa vỡ. Chúng tôi ôm nhau hò reo. Mấy cô giao liên công khai lột vứt bỏ khăn trùm đầu, những gương mặt thanh tú ửng hồng lúng túng. Lá cờ giải phóng giương cao, chúng tôi tập hợp thành đội ngũ chỉnh tề chuẩn bị vào thị trấn. Anh Bảy Thà la lên thẳng thốt: "Tụi bay đứa nào cho tao mượn chiếc quần dài coi!". Bao năm lần lợi chiến trường anh chỉ quen mặc quần cụt mà đánh giặc, nay lỏng ngóng đến tội nghiệp khi thấy bà con ra đón đông đảo...

Cơ sở cho xe đón chúng tôi vào nội thành. Chiều 30 - 4 cùng đồng bào làm chủ quận 11, tôi tập kết ở trường trung học Pétrus Ký, phân chia nhau về các điểm nóng. Sáng 1 - 5, ngày Quốc tế lao động, một sự trùng hợp ngẫu nhiên của lịch sử, cán bộ, chiến sĩ Ban Công vận tiến chiếm Trụ sở Tổng hội lao công Sài Gòn, 14 đường Lê Văn Duyệt, một tổ chức phản động do Trần Quốc Bửu đứng đầu, tuyên bố thành lập Liên đoàn lao động giải phóng Sài Gòn. Chúng tôi như tỉnh như mơ, không nhận ra no hay đói, chẳng nhớ là ngày hay đêm, lu bù mãi miết vì công việc: tổ chức bảo vệ và duy trì sản xuất ở nhà máy điện, nhà máy nước, vận động nghiệp đoàn xe buýt duy trì giao thông công cộng, trấn áp bọn ác ôn, thu gom vũ khí...

Trụ sở Liên đoàn lao động tập nập người vào ra. Cán bộ công vận các nhà máy, xí nghiệp, các quận huyện đến báo cáo, xin chỉ thị, nhận lệnh, thoát đến thoát đi. Những người tù chính trị vừa từ Côn Đảo về bổ sung cho cán bộ công đoàn về ngay cơ sở. Chị em tiểu thương chợ Bến Thành mang rau, gạo, thịt đến nấu cơm, những chàng trai có xe máy tấp tểnh ở cổng, ai cần đi đâu chở đến đó ngay. Lực lượng bộ đội còn phải tiếp tục đánh chiếm và chốt chặn các nơi xung yếu, chính quyền

chưa có, cán bộ ít ỏi vậy mà thành phố, nơi hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy với bộ máy chiến tranh và kềm kẹp khổng lồ, với hàng chục vạn quân bại trận dồn về và tan rã tại chỗ, tất cả khiếp sợ và khuất phục trước sức mạnh của cách mạng. Thành phố vẫn ồn ào, tấp nập nhưng không hề hỗn loạn, đến cả những kẻ lưu manh trộm cướp trong lúc tranh tối tranh sáng ấy cũng không dám ho he. Sức mạnh của nhân dân, uy lực của cách mạng làm nên chiến thắng tuyệt vời. Trong nắng sớm của ngày đầu giải phóng, tôi gặp những cô gái Sài Gòn đáng điệu quý phái ra phố lần mình trong bộ bà ba đen cắt khéo. Vậy đó, vẫn có người lầm tưởng rằng cách mạng nếu không tàn ác thì cũng rất đối đơn sơ...

Tôi cứ lao vào công việc, những công việc cần kíp và hệ trọng và dính vào cả những chuyện "trời ơi". Một toán ở trấn quần cụt vây lấy tôi. "Em là lính thất trận chạy vô đây, bây giờ về quê, em xin cách mạng cái giấy chứng nhận để đi đường". Họ năn nỉ. Tôi ái ngại rồi cũng đành cấp giấy. Một vị linh mục kéo tôi về giáo xứ, bàn giao hàng ngàn cây súng và đồ quân dụng mà giáo dân đã thu gom. Một nhà tư bản "bật" được tôi, đưa tôi đến một phòng họp sang trọng, ở đó có hàng trăm người ngồi chờ cán bộ cách mạng đến diễn thuyết. Rồi phòng họp đã có mấy sinh viên chờ thẳng về Đại học Văn khoa. Ở đây các bạn trẻ tíu tít hỏi mọi chuyện và dẫn tôi thăm trường. Tôi vào thư viện. Dưới sàn, những tập Đại tự điển bách khoa vương vãi. Trên giá, những bộ sách cổ văn xốc xếch. Tôi lật qua từng trang sách và nói với nhóm sinh viên: "Các bạn ơi, hãy thu dọn, sắp xếp và giữ gìn những cái này. Chúng ta đã thắng kẻ thù bằng văn hóa và sẽ đưa đất nước đi lên bằng văn hóa".

Công tác giáo trình trong ĐHQG-HCM

TS NGUYỄN HOÀNG THỤY
GS.TSKH TRƯƠNG MINH VỆ

Một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần xây dựng Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) thành đơn vị đào tạo chất lượng cao, làm nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam là đẩy mạnh công tác biên soạn sách giáo trình phục vụ đào tạo đại học và sau đại học.

Công tác quản lý, tổ chức biên soạn, in, xuất bản và phân phối sách giáo khoa trong ĐHQG-HCM được gọi chung là công tác giáo trình.

Công tác giáo trình ĐHQG-HCM được tổ chức hoạt động thống nhất vào cuối năm 1998 bằng sự ra đời của Ban Chủ nhiệm chương trình giáo trình ĐHQG-HCM và Ban Điều hành chương trình giáo trình ở các trường đại học, viện thành viên, khoa trực thuộc, trung tâm đào tạo trực thuộc.

Chủ nhiệm chương trình giáo trình (CTGT) do Phó giám đốc ĐHQG-HCM phụ trách đào tạo đảm nhiệm. Trưởng ban Ban Điều hành CTGT các trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo đảm nhiệm.

Ban Chủ nhiệm và các Ban Điều hành CTGT tạo nên một hệ thống tổ chức chuyên trách, tập trung xây dựng hệ thống văn bản pháp qui, xây dựng kế hoạch ngắn hạn - dài hạn, tìm kiếm các

nguồn kinh phí, tổ chức hội thảo để rút kinh nghiệm và bàn về giáo pháp nhằm tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng sách giáo trình, mang lại quyền lợi cho sinh viên và giảng viên ngày càng nhiều.

Sự ra đời Nhà xuất bản ĐHQG-HCM năm 2000 là thể hiện quyết tâm cao của ĐHQG-HCM trong việc nâng cao chất lượng sách giáo trình, một khâu quan trọng trong mũi đột phá thứ ba của ĐHQG-HCM.

Sau hơn sáu năm hoạt động, Ban Chủ nhiệm và Ban Điều hành CTGT đã làm được một số việc sau đây:

Một là, đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp qui về công tác giáo trình. Chủ nhiệm CTGT đã ban hành nhiều văn bản quan trọng:

- Công văn số 1319/ĐHQG-ĐT ngày 10/11/1998 qui định về chức năng, nhiệm vụ của Ban Chủ nhiệm và Ban Điều hành CTGT; đề ra chủ trương trợ giá (hỗ trợ kinh phí biên soạn và xuất bản) sách giáo khoa, qui định mức trợ giá và cách tổ chức thực hiện.

- Công văn số 177/CV/ĐHQG/ĐT ngày 20/03/2001 hướng dẫn sử dụng kinh phí giáo trình ĐHQG-HCM.

- Công văn số 356/CV/ĐHQG/ĐT ngày 22/05/2001 phê duyệt đầu sách giáo khoa được

hỗ trợ kinh phí và phân phối kinh phí giáo trình ĐHQG-HCM. Đây là lần đầu tiên ĐHQG-HCM giành một khoản kinh phí đáng kể để hỗ trợ cho công tác giáo trình.

- Sau một số công văn khác nữa về điều hành công tác giáo trình, ngày 08/12/2004 Giám đốc ĐHQG-HCM ký quyết định số 948/QĐ/ĐHQG-HCM ban hành "Quy định về công tác giáo trình ĐHQG-HCM". Đây là văn bản hoàn chỉnh nhất được đúc rút từ thực tế hoạt động công tác giáo trình của ĐHQG-HCM và nhu cầu hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học.

Quy định này gồm ba chương, 23 điều, đề cập đến chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của ĐHQG-HCM, của các trường, của giảng viên trong việc biên soạn và xuất bản sách giáo khoa; phân loại sách giáo khoa; khuyến khích dịch sách tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam dùng làm sách giáo khoa; khuyến khích tái bản sách giáo khoa; quy định về thẩm định sách và mức nhuận bút cho tác giả theo chất lượng sách; quy định về nguồn kinh phí giáo trình; quy định quy trình phân bổ kinh phí hỗ trợ biên soạn, xuất bản sách giáo khoa; quy định về khen thưởng và kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc sai lầm trong công tác giáo trình.

Hai là, đã hình thành một nguồn kinh phí giáo trình ĐHQG-HCM hỗ trợ biên soạn, dịch, xuất bản sách giáo khoa và tăng dần từng năm, từ một tỉ đồng năm 2001 lên 2,7 tỉ đồng năm 2004 (xem bảng tổng hợp). Đây là cố gắng lớn của ĐHQG-HCM nhằm bù đắp một phần công sức của tác giả, mà mục đích là khuyến khích đồng đảo giảng viên tham gia biên soạn và dịch sách giáo khoa. (Xem bảng)

Ba là, đã xuất bản được một số lượng đầu sách giáo khoa đáng

kể đáp ứng một phần nhu cầu học tập cho sinh viên, tạo thuận lợi cho giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy và hoàn tất thủ tục để trở thành Phó giáo sư, Giáo sư. Ra đời từ cuối năm 1998, nhưng phải đến năm 2001 thì Ban Chủ nhiệm CTGT mới bắt đầu xét trợ giá sách giáo khoa. Trong bốn năm (2001 - 2004) ĐHQG-HCM đã trợ giá xuất bản được 618 đầu sách giáo khoa và 41 đầu sách giáo khoa điện tử dùng cho đào tạo từ xa qua mạng tin học viễn thông (xem bảng tổng hợp). Ban Chủ nhiệm và các Ban Điều hành CTGT đã xây dựng kế hoạch đến năm 2007 phủ kín sách giáo khoa cho tất cả các chương trình đào tạo có từ trước năm 2004.

Mặc dù ĐHQG-HCM đã mở rộng khái niệm sách giáo khoa dùng trong đại học và sau đại học đến bốn loại, đã nâng số lượng đầu sách giáo khoa được tài trợ dùng cho mỗi môn học lên đến bảy đầu sách, đã tích cực hoàn tất các thủ tục trình Hội đồng các cấp xem xét, bổ nhiệm các chức danh khoa học cho giảng viên của ĐHQG-HCM, nhưng động viên giảng viên biên soạn, dịch sách, tổ chức thẩm định và xuất bản sách giáo khoa là những công việc rất khó khăn, cho nên đến nay vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục.

Thứ nhất, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch biên soạn, dịch và xuất bản sách giáo khoa hằng năm còn thấp, chỉ đạt trung bình của bốn năm là 57% (xem bảng tổng hợp)

Thứ hai, việc trình, phê duyệt đầu sách được hỗ trợ kinh phí và phân phối kinh phí giáo trình hằng năm còn chậm, có năm còn rất chậm, làm cho các trường bị động trong triển khai.

Thứ ba, công tác kiểm tra định kỳ về công tác giáo trình không được tiến hành thường xuyên để sớm phát hiện những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai mà tìm cách tháo gỡ kịp thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành kế hoạch hằng năm.

Thứ tư, còn xem nhẹ sách dịch nên số lượng sách giáo khoa dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam còn rất hiếm hoi. Học tập cách tư duy và tiếp thu khoa học - công nghệ của các nước công nghiệp phát triển thông qua sách dùng trong giảng dạy của họ là cách khôn ngoan và ít tốn kém nhất. Do đó, chúng ta cần cố gắng đẩy mạnh công tác dịch sách để trong thời gian không xa sách dịch chiếm đa số trong tổng số sách giáo khoa dùng trong giảng dạy đại học và sau đại học.

Trước đây, đứng trước nhu cầu học tập của sinh viên, nhiều trường đã động viên giảng viên viết sách, tổ chức in dưới hình thức lưu hành nội bộ. Giải pháp tình thế này đã bộc lộ một số nhược điểm là: chất lượng sách không cao vì không thông qua thẩm định; vi phạm Luật xuất bản vì sách lưu hành nội bộ mà được bán rộng rãi; quyền lợi của tác giả không được bảo đảm vì không được tính điểm công trình khi

xem xét bổ nhiệm các chức danh khoa học...

Sự ra đời của chương trình giáo trình ĐHQG-HCM đã khắc phục được nhược điểm trên và mang đến nhiều ưu điểm. Đó là, chất lượng sách giáo khoa được nâng cao do Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về chất lượng thông qua Hội đồng thẩm định sách; số lượng sách giáo khoa tăng lên do huy động được đông đảo giảng viên tham gia; sinh viên được mua sách giá rẻ do có trợ giá; số giảng viên được xét bổ nhiệm các chức danh khoa học nhiều hơn do sách giáo khoa được tính điểm công trình và tác giả được nhận nhuận bút nhiều hơn do có kinh phí hỗ trợ của ĐHQG-HCM; phương pháp dạy và học trong trường đại học được đổi mới do người dạy và người học đều có sách giáo khoa nên tránh được tình trạng đọc chép và đọc thoại...

Cần thành lập (nếu đơn vị chưa có) hay củng cố (nếu đơn vị đã có) Ban cố vấn ngành hay Chủ nhiệm ngành để xây dựng mới hay hoàn thiện chương trình đào tạo, đề cương các môn học, phân công cán bộ biên soạn sách phục vụ giảng dạy và học tập theo hướng tăng số lượng vừa phải chú trọng nâng cao chất lượng sách.

Mặc dù còn một số mặt yếu tồn tại, nhưng với những thành tích đã đạt được và những kinh nghiệm thực tế đã trải qua, công tác giáo trình của ĐHQG-HCM nhất định sẽ tiến xa hơn nữa.

Bảng tổng hợp công tác giáo trình ĐHQG-HCM các năm 2001 - 2004

Năm	2001	2002	2003	2004	Tổng
Kế hoạch: Số đầu sách được hỗ trợ kinh phí	255	247	349	308	1159
Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng)	1,00	1,50	2,28	2,7	7,48
Thực hiện: Số đầu sách đã xuất bản	137	204	173	155	659
Trong đó sách điện tử	10	9	10	12	41
Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)	54	83	50	43	57

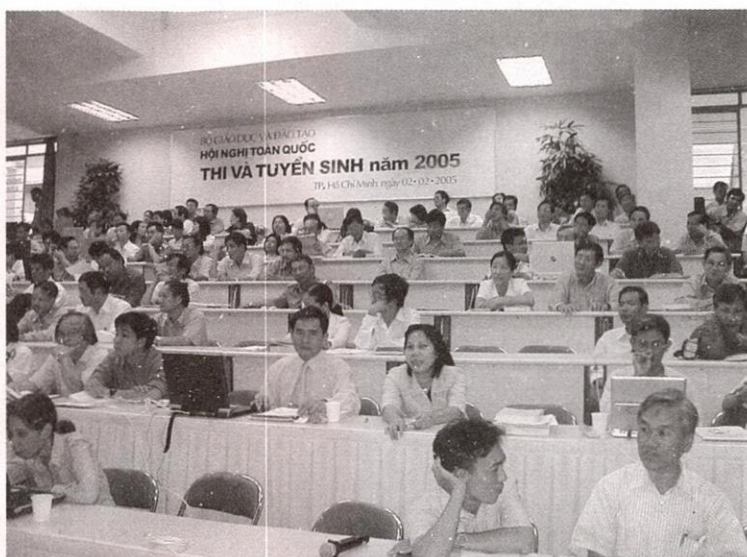
Nền giáo dục mỗi nước một khác, nhưng cũng có thể rút ra vài nét chung nhất như sau. Nền kinh tế thị trường phải có nền giáo dục tương ứng, mang tính thị trường đậm nhạt khác nhau, nhưng phải là "thị trường". Trong mỗi nền giáo dục, người ta chấp nhận sự phong phú, độ tự do nhất định về chất lượng - tức là có sự "phân tầng chất lượng", về phương thức tuyển sinh và đào tạo, về mức độ quản lý từ Nhà nước, về mức độ xã hội hoá, v.v... Ngay ở Hoa Kỳ, nơi có nền giáo dục đại học đáng tham khảo, cũng có nhiều kiểu trường đại học, cao đẳng. Có trường cực kỳ nổi tiếng, chất lượng cao, được cả thế giới công nhận, nhưng cũng có những trường "tào lao", thậm chí bán bằng cấp... qua mạng! Có những viện nghiên cứu hàng đầu thế giới, nhưng cũng có những viện hàn lâm sẵn sàng công nhận viện sĩ cho bất kỳ người nào có chút công trình, miễn là đóng lệ phí hàng năm! Tóm lại, bức tranh về giáo dục thế giới quả là phức tạp, ở các nước tiên tiến cũng có trường hay, trường dở. Mức độ xã hội hoá cũng thế, rất khác biệt. Có trường - như trường đại học Tokyo - được Nhà nước ưu ái, cấp rất nhiều kinh phí, trong khi cũng có nhiều trường tư, tự lo lấy hết mọi chi phí, và những người đầu tư xây dựng trường không màng đến lợi nhuận riêng, thậm chí còn cấp thêm tiền hàng năm cho trường hoạt động. Việc tuyển sinh cũng vậy, có trường công lập phải theo những quy định chặt chẽ của Nhà nước, nhưng những trường tư thực tuyển sinh theo cách riêng của họ, đơn giản bởi vì đó là trường tư, tự họ phải và được quyền lo hết mọi chuyện, kể cả uy tín và hiệu quả kinh tế của trường, miễn không vi phạm pháp luật.

Hiện trạng trên - với một số người - có vẻ như "tự do quá

ĐẤT NƯỚC TA ĐANG HOÀ NHẬP THẾ GIỚI VỀ MỌI MẶT, THÌ LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO CŨNG NÊN VẬY. HOÀ NHẬP LÀ HỌC TẬP, THỪA KẾ NHỮNG TINH HOA CỦA THẾ GIỚI, VÀ ÁP DỤNG CÓ CHỌN LỌC, PHÙ HỢP VỚI HOÀN CẢNH ĐẤT NƯỚC.

Về tuyển sinh đại học, cao đẳng

PGS. TS. NGUYỄN HỘI NGHĨA



đáng", nhưng con đường xã hội hoá giáo dục, phát huy hết mọi tiềm năng của xã hội phục vụ giáo dục phải chấp nhận phương thức phù hợp, không quá cầu toàn, cân đối hài hoà giữa "chặt" và "lỏng", giữa "cứng" và "mềm", giữa quyền lợi rất khác nhau của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, thể hiện mức độ tự do trong khuôn khổ của một xã hội văn minh.

Nếu đi riêng về chuyện tuyển sinh, quan điểm cũng phải tương tự như trên, nghĩa là một số

trường có sự quản lý nhất định của Nhà nước, nhưng nên cũng có trường được tự mình quyết định cách thức tuyển sinh của mình. Tất nhiên, Nhà nước cần biết rõ hoạt động của mỗi trường để quản lý, đánh giá chất lượng, sao cho độ tự do không đi quá giới hạn cần thiết. Hiện nay Bộ

GD-ĐT quản lý quá chặt quy trình tuyển sinh, nghĩa là vẫn giữ phần nào đó không nhỏ một kiểu tư duy bao cấp, mặc dù tình hình giáo dục hiện nay khác xa so với vài chục năm về trước, lúc chúng ta chỉ có toàn những trường đại học công lập trên toàn quốc. Tình hình mới buộc phải thay đổi chính sách sao cho phù hợp. Cái áo quá chật cần phải thay bằng cái áo mới, rộng rãi hơn, phù hợp hơn. Sắp tới, trường đại học tư thực ra đời, nếu chúng ta cứ quản lý chặt như thế này, trong đó có việc

quản lý tuyển sinh răm rắp phải theo Bộ, thử hỏi có nhà đầu tư nào dám mở trường? Mà như thế là trái với chủ trương của Nhà nước. Bài học nhãn tiền là vụ trường đại học Hùng Vương, kiểu làm việc cũ, chủ quan, duy ý chí, không kỹ lưỡng của một số chuyên viên, dẫn tới sai luật, khiến lãnh đạo Bộ phải ... lúng túng. Trong khi đó thì phân hiệu của các trường đại học nước ngoài được tự do hoạch định chính sách tuyển sinh (và cả quá trình đào tạo), nhưng không thể cản được. Suy nghĩ kỹ, ngay cả việc tuyển sinh sau đại học trong nước cũng khó khăn hơn so với việc tuyển sau đại học đào tạo tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước!

Về các kỳ thi áp dụng trắc nghiệm môn ngoại ngữ năm 2005, cho đến ngày 04/1/2005 toàn xã hội vẫn đinh ninh là sẽ được áp dụng ngay trong năm, nhưng "đùng một cái" ngày 21/1/2005 một cán bộ cốt cán có liên quan của Bộ lại tuyên bố cần phải xem xét thêm, làm mọi người hụt hẫng. Thật là "sét đánh ngang tai"!!!

Lý do Bộ đưa ra về việc lùi thời điểm triển khai (!) phương án thi trắc nghiệm là "vì học sinh ở nhiều khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn xa lạ với hình thức thi này" (Báo SGGP, 22-1-2005), đúng nhưng chưa thuyết phục. Học sinh không quen, vì Bộ có tạo điều kiện để họ quen đâu. Họ rất đang chờ đợi đấy chứ. Khách quan mà nói, Bộ cũng có một số dự định về thời điểm thực hiện một số bước đi, nhưng phải nói kế hoạch - ở đây chỉ nói về kế hoạch đã được công bố bằng các văn bản công khai - còn sơ sài và chậm chạp. Các lý do tương tự sẽ còn tồn tại mãi, nếu Bộ không có một kế hoạch triển khai một cách quyết liệt, kỹ lưỡng! Không nên lấy lý do "khách quan" nào đó để biện

minh. Đừng để sang năm lại hoãn nữa, vì một lý do "khách quan" mới! (chẳng hạn, "ngân hàng đề thi cần có thời gian để được nâng tầm chất lượng" !!!).

Kiểu thi tự luận mà nền giáo dục chúng ta cho đến bây giờ vẫn áp dụng rất phổ biến, có lẽ đã được áp dụng từ khi có nền giáo dục theo mô hình phương Tây, nghĩa là gần một thế kỷ rồi. Một giảng viên đại học lâu năm, đồng thời cũng là chuyên gia luyện thi, phát biểu: "Đến thời đại bây giờ (thời đại máy tính cá nhân, thời đại internet), mà vẫn còn hì hụi chấm bài tự luận. Thật không thể hiểu nổi!". Có lẽ ý kiến này hơi gay gắt quá chăng, vì kiểu trắc nghiệm tự luận sẽ còn tồn tại

tốc - ngày càng nhanh hơn. Trong kinh tế, quay vòng vốn càng nhanh càng tốt. Ngay cả trong thể thao, người ta cũng phải nghĩ ra những cách thức thi đấu ngày càng mất ít thời gian. Phải vậy thôi, đó là yêu cầu của chính cuộc sống văn minh của nhân loại. Dĩ nhiên, có những điều mà nhanh là không hay, chẳng hạn ăn, nhưng không vì thế mà nhanh là dở hết. Cái gì đáng làm nhanh thì phải nhanh, cái gì đáng làm chậm thì phải chậm. Vấn đề là nhận thức, cái gì là cái gì!!! Thi trắc nghiệm có những cái nhanh rất đáng kể. Đó là thời gian ra đề nhanh, chỉ trong vài chục phút có thể xuất ra nhiều đề, mà chất lượng các đề vẫn đảm bảo. Đó



nhiều năm nữa, song cũng nói lên một điều gì đó đáng suy nghĩ cẩn thận. Quả thực, thời đại chúng ta đang sống là thời đại sôi động, thời đại của tốc độ, ngày càng nhiều sự vật, hiện tượng, quá trình cần cái sự "nhanh"! Tốc độ xử lý của máy tính ngày càng nhanh hơn, người ta đua nhau nghiên cứu, chế tạo các máy tính với tốc độ tính toán kỷ lục. Tốc độ di chuyển của những cỗ máy con người chế tạo - như tên lửa, máy bay, tàu hỏa, tàu thủy cao

là thời gian thi nhanh, một buổi có thể thi 2 - 3 môn mà vẫn đạt chất lượng tốt. Đó là chấm nhanh, vì máy quét có thể xử lý từ 2000 - 3000 bài/giờ, mà vẫn đảm bảo sự chính xác có thể nói là tuyệt đối. Thời gian quý như thế nào, chắc ai cũng rõ.

Nhưng nói kiểu thi trắc nghiệm luôn luôn nhanh trong cả quá trình là sai! Nghe có vẻ ngược đời, song sự thực là như vậy: để có "đầu ra" nhanh, có chất lượng cao, phải tốn không ít

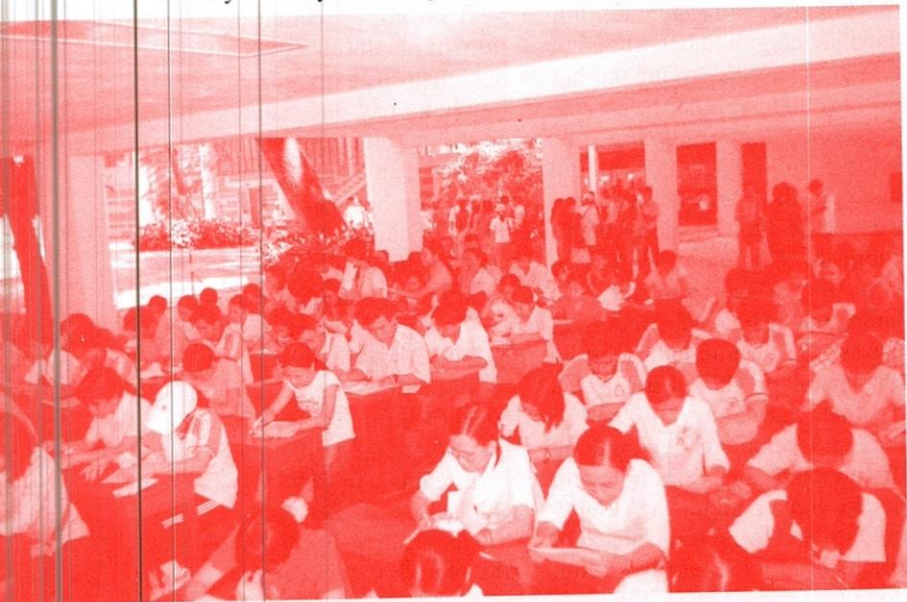
thì giờ cho "đầu vào". Đó phải chăng là quy luật bù trừ? Cái gì cũng vậy, muốn chất lượng tốt, chất lượng "chuyên nghiệp", luôn luôn phải chuẩn bị thật tốt, thật kỹ càng. Trắc nghiệm giống như phương thức vận chuyển bằng xe lửa. Người ta phải vất vả làm đường ray dài hàng trăm, hàng ngàn cây số, người ta phải chế tạo ra những đoàn xe lửa dài, người ta phải bỏ công sức ra xây dựng nhiều nhà ga, phải có hệ thống quản lý chặt chẽ, v.v... Tóm lại là người ta phải trả giá rất lớn để có được một tuyến đường xe lửa, nhưng khi tất cả đã xong thì người ta sẽ được hưởng rất nhiều cái lợi lớn. Nếu chỉ xây các tuyến đường nhựa,

quá tốn kém.

Phương thức thi mới- dù là thi theo kiểu nào- cũng phải chuẩn bị kỹ về tâm lý xã hội. Cần tuyên truyền rộng rãi về phương thức thi đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng, như báo, đài truyền thanh, truyền hình, forum trên mạng internet, v.v... chứ không chỉ trên mạng, vì có nhiều học sinh nông thôn, vùng sâu, vùng xa không có điều kiện vào mạng để thảo luận như học sinh thành phố. Cần có quá trình trao đổi - đến mức cận kề - về phương thức thi này, mặc dù theo ý kiến chủ quan của một số người, trắc nghiệm không quá phức tạp. Đúng là không quá phức tạp, nhưng một là các kỳ thi dự định

được đảm bảo. Liên quan đến chất lượng ngân hàng câu hỏi, cần nói kỹ hơn một chút. Có người dùng từ "trắc nghiệm khách quan" rất dễ dàng, làm như đề trắc nghiệm đa lựa chọn (multiple choice questions) được các nhà soạn câu hỏi trình độ cao, dày kinh nghiệm chuẩn bị thật kỹ là có thể thêm chữ "khách quan". Đáng tiếc, để được "khách quan" không phải dễ. Đó là phải tổ chức một số kỳ thi thử nghiệm, sử dụng đề thi, phương thức thi "y như thật", trên đối tượng "y như thật" - nghĩa là các học sinh bình thường nhất của lớp 12, với số lượng đủ lớn - ví dụ 1% trong tập hợp thí sinh tương lai, chấm "y như thật", để xem xét chất lượng đề thi và ngân hàng câu hỏi. Có thể so sánh, thi trắc nghiệm cũng giống như đánh trận vậy, không chủ quan mà được. Chủ quan là "hy sinh" ngay! Từ thực tiễn ấy các chuyên gia đánh giá giáo dục mới có thể rút ra những kết luận cần thiết để góp phần tiến hành kỳ thi thật mang tính "khách quan". Nếu chưa tiến hành các bước trên, thì dù ngân hàng câu hỏi có được chuẩn bị kỹ tới đâu, vẫn chưa thể gọi là "trắc nghiệm khách quan" được, mà chỉ đáng gọi là "trắc nghiệm chủ quan" thôi. Các đề thi tự luận, do không làm được theo kiểu trên, nên từ trước đến nay không thể gọi "khách quan", là vì vậy. Về số lượng câu hỏi của ngân hàng, tất nhiên là cần khá nhiều, nhưng không cần phải có thật nhiều, như ý kiến của giảng viên một trường đại học sư phạm trước đây đòi hỏi phải chuẩn bị mỗi môn 10.000 câu hỏi (???). Cái cơ bản là chất lượng!

Để có thể bắt tay vào "chiến dịch" thi trắc nghiệm, cấp Bộ cần có những kế hoạch tổng thể, đồng bộ và chi tiết, có kinh phí và nhất là nguồn nhân lực đầy đủ - nguồn nhân lực này nên "xã hội hoá" bằng cách sử dụng các chuyên gia



trả giá ít hơn, thì cái lợi cũng tương ứng sẽ nhỏ hơn, không còn cách nào khác.

Như vậy, chi phí cho giai đoạn chuẩn bị kỳ thi chắc chắn sẽ cao, nhưng chúng ta hoàn toàn yên tâm, vì có thể điều chỉnh kinh phí từ khâu "sau thi" (cụ thể là chấm thi - một kinh phí khổng lồ) sẽ được chuyển sang khâu "trước thi". Hơn nữa, chú ý rằng một khi ngân hàng câu hỏi đã được xây dựng lần đầu, thì những năm sau chỉ cần bổ sung, chỉnh lý, không

áp dụng trắc nghiệm rất quan trọng đối với số phận của nhiều con người, hai nửa là công tác tâm lý, công tác tư tưởng cần phải tiến hành trước. Việc dù nhỏ nhưng chưa thông thì người ta rất khó thực hiện!!!

Về khía cạnh kỹ thuật, phương thức trắc nghiệm đòi hỏi quá trình xây dựng ngân hàng câu hỏi rất cực nhọc, nào là ngân hàng câu hỏi phải có cấu trúc đúng, nào là số lượng câu hỏi phải đủ lớn, rồi chất lượng câu hỏi cũng phải

trong cả nước, ở các địa phương, trường đại học, cao đẳng khắp ba miền. Cần phải phân cấp triệt để, Bộ chỉ làm những việc vĩ mô và đóng vai trò thanh tra, kiểm tra, giám sát, còn các cấp dưới đi vào các công việc cụ thể. Cần phải tin tưởng vào cấp dưới. Bác Hồ đã chỉ dạy: "Đề trăm lần không dân cũng chịu/Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Thiết nghĩ, không quán triệt được tư tưởng này, khó thành công trong công cuộc đổi mới - ở bất cứ lĩnh vực nào.

Cần soạn thảo các quy chế, quy định tương ứng với phương thức trắc nghiệm. Các văn bản này đã có đầy đủ cho kiểu thi tự luận, song cần biên soạn lại cho phù hợp với thi trắc nghiệm, chứ không thể nói đơn giản là "quy định về phòng thi và giám thị được thực hiện hoàn toàn như thi tự luận". Đâu có dễ dàng quá vậy! Quy định về phòng thi và giám thị có khác đây, chẳng hạn nhiệm vụ của giám thị phải là mới, mà chỉ có qua thực hành mới có thể nắm hết được.

Cần chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất kỹ thuật, một trong những yếu tố cụ thể là số máy quét (optical mark reader, hay optical scanner) ở các địa phương, trường đại học, các phần mềm đi kèm, mẫu mã và in ấn phiếu trả lời trắc nghiệm (answer sheet) - chuyện tưởng nhỏ nhưng không nhỏ chút nào, vì máy quét không giống như máy photocopy, nó chỉ quét được các phiếu in ấn đúng quy cách, chính xác đến từng 1/10 mm, với kích thước, độ dày, độ cứng thích hợp. Bên cạnh "phần cứng", các "phần mềm" - chẳng hạn như chương trình quản lý ngân hàng câu hỏi, chương trình xuất đề thi, chương trình quét phiếu trả lời, quy thành điểm cuối cùng - cũng phải được chạy thử nhiều lần bởi đội ngũ chuyên viên được huấn luyện chu đáo, có kinh nghiệm nhất định. Muốn vậy, trước hết Bộ cần tính toán

xem cả nước đã có bao nhiêu máy quét phù hợp, cần mua thêm bao nhiêu máy nữa, lực lượng chuyên viên kỹ thuật cần bao nhiêu, kế hoạch hành động, cơ chế phối hợp giữa các địa phương và các trường đại học, cao đẳng như thế nào.

Để xây dựng ngân hàng câu hỏi, phải chuẩn bị đầy đủ về: đội ngũ giảng viên nhiều kinh nghiệm, cơ sở vật chất, kinh phí, quy trình làm việc liên quan đến nhiều bước: kế hoạch chung, đội ngũ quản lý, đội ngũ soạn thảo cấu trúc ngân hàng cũng như câu hỏi thô, đội ngũ phản biện câu hỏi lần 1, và cũng có thể lần 2, đội ngũ nhập câu hỏi vào phần mềm quản lý ngân hàng. Bộ có thể lập "trại sáng tác", tập hợp các thầy cô giỏi từ bậc trung học phổ thông và các trường đại học để xây dựng ngân hàng câu hỏi.

Bước quan trọng tiếp theo không thể bỏ qua là thi thử nghiệm - theo các yêu cầu nêu ở trên về đề thi, đối tượng thi và chấm thi. Công tác này cần có kinh phí và thời gian đầy đủ, không thể quá gấp gáp được. Với chủ trương thi trắc nghiệm ở kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng trên phạm vi toàn quốc, chúng ta nên áp dụng thi thử nghiệm ngay trong kỳ thi học kỳ 1 của năm học, coi như là đợt tập huấn rộng rãi, chắc chắn sẽ chuẩn bị được tâm lý xã hội, đồng thời các cơ quan liên quan sẽ rút ra được nhiều bài học quý báu. Việc thử nghiệm, nếu chưa thể làm cho mọi trường THPT trong toàn quốc, thì ít ra cũng phải tiến hành ở các địa phương tiêu biểu, vùng sâu có, vùng xa có, đồng bằng có, thành phố có. Nếu chưa tập huấn được như vậy, đúng là chưa nên áp dụng trong năm 2005 này.

Một khi đã thử nghiệm thành công, thì việc áp dụng vào các cuộc thi thật sẽ trở nên "thông đồng bén giọt"! Quy mô có thể

lớn hơn, độ phức tạp có thể cao hơn, tình huống mới có thể nảy sinh, nhưng một khi những "đường cơ bản" đã chuẩn bị tốt, tin rằng thi thật sẽ hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

Về phong cách làm việc, cần hết sức cụ thể. Từ khâu đầu tiên là xây dựng ngân hàng câu hỏi cho đến khâu cuối cùng là công bố kết quả cần phải viết ra thành văn bản cẩn thận, phổ biến để tất cả mọi người liên quan quán triệt đầy đủ, sâu sắc. Tập văn bản nhiều trang này sẽ được chỉnh lý, bổ sung thường xuyên, sao cho năm sau phải tốt hơn năm trước. Tất cả các chương trình tin học ứng dụng cần được chạy thử "y như thật", đảm bảo không sai sót.

Tóm lại, để chuẩn bị tốt và tiến hành thành công thi trắc nghiệm trên phạm vi cả nước, cần tiến hành bảy bước sau:

1. Phổ biến và quán triệt chủ trương đến từng địa phương, trường đại học, cao đẳng, trường THPT. Giải thích rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu về các khái niệm và tính chất của thi trắc nghiệm.

2. Soạn thảo đầy đủ các quy chế, quy định về thi trắc nghiệm, phổ biến đến từng học sinh, thầy cô giáo thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

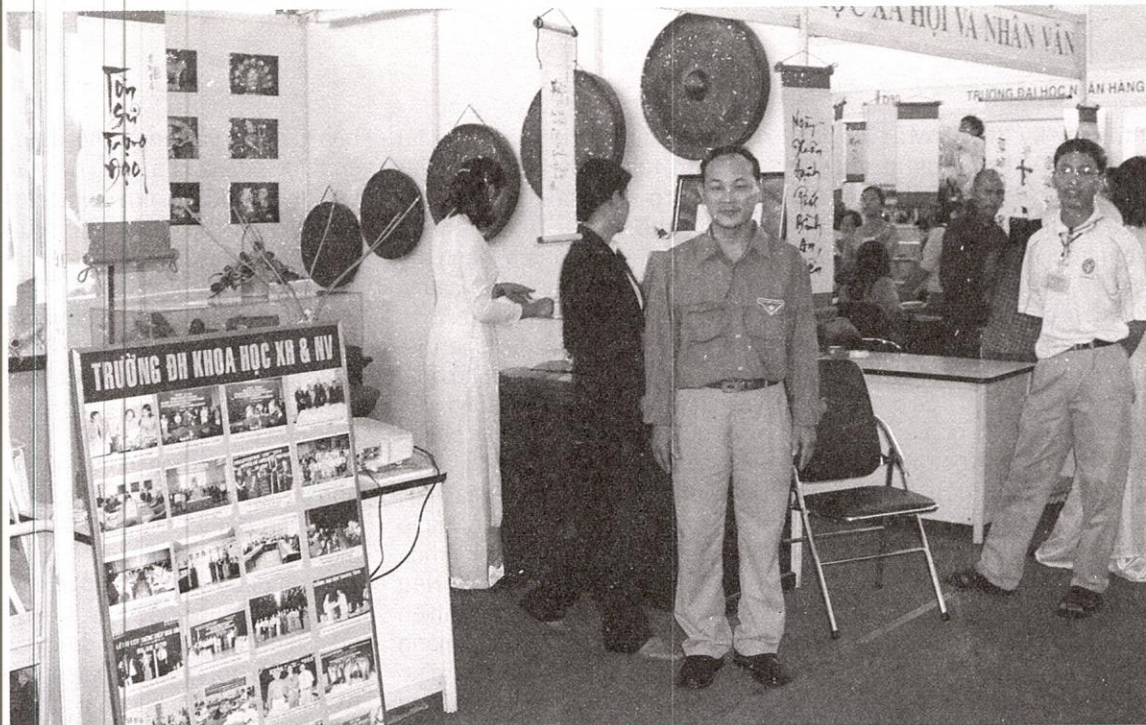
3. Chuẩn bị đầy đủ về kinh phí, cơ sở vật chất kỹ thuật, các chương trình tin học ứng dụng, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị.

4. Xây dựng ngân hàng câu hỏi (lực lượng cán bộ chuyên môn, kế hoạch hoạt động, điều kiện làm việc).

5. Tiến hành thi và chấm thử nghiệm ở địa phương, tốt nhất là ở kỳ thi học kỳ 1 lớp 12. Ngoài ra còn tổ chức thêm thi thử nghiệm cho các đối tượng dự thi tuyển sinh tốt nghiệp THPT các năm trước.

6. Tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm các cấp, trên phạm vi cả nước để chuẩn bị cho các kỳ thi thật.

7. Tổ chức các kỳ thi thật.



Về việc xây dựng định hướng chiến lược nghiên cứu KHXH&NV của ĐHQG-HCM

GS. TSKH. TRẦN NGỌC THÊM
Trường Đại học KHXH&NV

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA KHXH&NV và KHXH&NV Ở VIỆT NAM

Để xây dựng một chiến lược nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) thì việc trước tiên là phải hiểu rõ những đặc điểm của KHXH&NV với tư cách là đối tượng nghiên cứu. Đối với KHXH&NV việc làm này lại càng cần thiết, bởi chúng có những điểm đặc thù riêng khiến chúng khác rất xa các khoa học anh em là khoa học tự nhiên và công nghệ.

Vậy mà việc này thường rất ít được chú ý. Quan sát cho thấy rằng không chỉ những người làm trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ hiểu sai về KHXH&NV mà nhiều nhà quản lý, và ngay cả chính một số người làm việc trong các lĩnh vực KHXH&NV cũng không hiểu đúng về những

nét đặc thù của nhóm ngành này.

Đặc điểm thứ nhất của KHXH&NV, theo chúng tôi là, **tính phổ biến**.

Khoa học tự nhiên và công nghệ cũng mang tính phổ biến, nhưng tính phổ biến của KHXH&NV thì cao hơn rất nhiều, bởi lẽ KHXH&NV là khoa học về con người và cộng đồng người. Trong đời sống, không phải lúc nào ta cũng dùng đến những tri thức về lượng giác, về hoá học, v.v., nhưng xưa nay, phạm làm bất kỳ việc gì thì cũng phải động chạm đến những hiểu biết về con người và cộng đồng người, cho nên kiến thức KHXH&NV hiện hữu ở khắp mọi nơi và cần đến ở khắp mọi nơi. Trong phạm vi một quốc gia, một công trình nghiên cứu khoa học tự nhiên và công nghệ giỏi lắm chỉ có vài trăm người đọc thì

một công trình nghiên cứu KHXH&NV thường có tới vài nghìn, thậm chí vài vạn người đọc.

Đặc điểm này dẫn đến một nghịch lý: KHXH&NV có độ phổ biến rất lớn như vậy nhưng xưa nay các khoa học xã hội rất hay bị coi nhẹ, bị coi nhẹ tới mức bất công so với các khoa học tự nhiên và công nghệ.

Ngay hiện nay, trong một bộ, một sở khoa học và công nghệ, công việc KHXH&NV nhiều lắm cũng chỉ chiếm một vụ, một phòng, trong khi có vô số vụ, vô số phòng lo các vấn đề khoa học tự nhiên và công nghệ. Ở tất cả các cấp, từ trung ương đến địa phương, chi phí nghiên cứu cho một đề tài khoa học tự nhiên và công nghệ có thể tới hàng tỷ đồng là chuyện bình thường, trong khi chi phí cho các đề tài KHXH&NV

thì cực kỳ ít ỏi: Một đề tài KHXH&NV trọng điểm với vài trăm triệu đồng đã phải xét lên xét xuống rất khó khăn. Cứ thử xem trong phạm vi Đại học Quốc gia Tp. HCM, ta thấy trong tổng kinh phí cấp cho các đề tài trọng điểm cấp Bộ của Đại học Quốc gia Tp.HCM năm 2004 là 3.443 triệu đồng thì các đề tài KHXH&NV (bao gồm cả Đại học KHXH&NV và Khoa Kinh tế) chỉ chiếm có 560 triệu (1/6); trong tổng kinh phí cấp cho các đề tài không trọng điểm cấp Bộ là 1.794 triệu đồng thì các đề tài KHXH&NV chỉ chiếm có 260 triệu (1/7)¹. Có người đã tính ra rằng tổng số chi phí dành cho KHXH&NV ở Việt Nam trong suốt lịch sử không bằng tiền chi cho một lỗ khoan thăm dò dầu khí bỏ đi!

Cũng do tính phổ biến mà ở KHXH&NV có một hiện tượng là ai cũng đọc được và nghĩ là mình hiểu hết được, do vậy mà ai cũng có thể phê phán được.

Đặc điểm thứ hai của KHXH&NV là **tính đặc thù**. Trong khi khoa học tự nhiên và công nghệ mang tính phổ quát, chung cho toàn nhân loại thì KHXH&NV mang tính đặc thù, riêng của từng dân tộc. Tuy rằng trong KHXH&NV cũng có phần lý luận đại cương nhưng đối với nhiều ngành, những lý luận đại cương được rút ra từ thực tiễn phương Tây hầu như không áp dụng được với thực tiễn phương Đông. Tính đặc thù và tính phổ biến của KHXH&NV không hề mâu thuẫn với nhau: phổ biến là có mặt ở khắp mọi nơi, còn đặc thù là thể hiện ở mỗi dân tộc mỗi khác. KHXH&NV phổ biến trong phạm vi một dân tộc, quốc gia nhưng kém phổ quát trên phạm vi thế giới; còn khoa học tự nhiên và công nghệ thì ngược lại, phổ quát trên phạm vi thế giới nhưng kém phổ quát trong phạm vi dân tộc, quốc gia. Đối tượng với tên gọi "Việt Nam học" mà ngày nay được thế giới hết sức quan tâm chỉ có thể bao gồm những thành tựu

ngiên cứu về Việt Nam của tất cả các ngành KHXH&NV chứ không có khoa học tự nhiên và công nghệ.

Do tính đặc thù nên thành tựu KHXH&NV giữa các quốc gia nhìn chung chỉ có thể tham khảo, trong khi đó thì khoa học tự nhiên và công nghệ do mang tính phổ quát nên có thể dễ dàng liên thông giữa các quốc gia, thành tựu của chúng có thể được dạy, được học, được chuyển giao. Như vậy, về mặt này, việc nghiên cứu KHXH&NV gặp khó khăn hơn rất nhiều so với khoa học tự nhiên và công nghệ. Nếu một giáo trình về khoa học tự nhiên và công nghệ chủ yếu chỉ mang tính chất biên soạn thì một giáo trình về KHXH&NV lại là một công trình khoa học, và trong nhiều trường hợp, còn là công trình khoa học lớn. Nhà ngôn ngữ học Thụy Sĩ đầu TK. XX Ferdinand de Saussure, nhà ngôn ngữ học Xô viết A.A.Reformatski trở nên nổi tiếng đều là nhờ các giáo trình ngôn ngữ học đại cương và dẫn luận ngôn ngữ học của mình. Công trình làm cho học giả Việt Nam Đào Duy Anh trở nên nổi tiếng cũng chính là giáo trình "Việt Nam văn hoá sử cương".

Đặc điểm thứ ba của KHXH&NV là tính tổng hợp. Trong khi khoa học đòi hỏi phải tư duy phân tích, mọi thứ phải được phân lập rạch ròi thì tri thức về bất kỳ một ngành KHXH&NV nào cũng đều đồng thời liên quan đến nhiều ngành KHXH&NV khác. Văn hoá phương Đông chủ yếu là văn hoá nông nghiệp nên tư duy mang tính tổng hợp, và do vậy phương Đông có truyền thống mạnh về những tri thức liên quan đến con người. Vì mang tính tổng hợp cho nên những tri thức này có đặc điểm "văn sử triết bất phân"; vì bất phân nên tuy những tri thức này chính là tri thức KHXH&NV, nhưng trong lịch sử chúng không tách được ra thành từng khoa học. Do đặc điểm tính tổng hợp này mà KHXH&NV có một lợi thế lớn mà các ngành khoa

học tự nhiên và công nghệ không có được - đó là khả năng đào tạo và nghiên cứu liên ngành rất cao.

Đặc điểm thứ tư của KHXH&NV là đối tượng của nó mang **tính vô hình**. KHXH&NV nghiên cứu về con người và xã hội, nhưng con người đây không phải là con người vật chất, con người sinh học, mà khía cạnh tinh thần của con người và những mối quan hệ, những hoạt động, những ứng xử của con người - tất cả đều là những đối tượng vô hình. Đối tượng nghiên cứu thì vô hình, và hiệu quả của việc nghiên cứu lại không rõ ràng, dễ thấy, không hiển hiện tức thời. Cái đúng/sai của nhiều công trình nghiên cứu KHXH&NV nhiều khi phải đợi 5 - 10 năm, thậm chí mấy chục năm sau mới ngã ngũ. Đặc điểm này dẫn tới hệ quả là tri thức KHXH&NV nếu không trình bày được chặt chẽ thì dễ có nguy cơ trở nên mơ hồ, thiếu rõ ràng.

Cũng do vô hình và nhiều khi mơ hồ, thiếu rõ ràng nên hiện tượng bất đồng ý kiến trong KHXH&NV cao hơn rất nhiều so với khoa học tự nhiên và công nghệ. Và cũng bởi vậy mà có thực tế là các nhà KHXH&NV khó cộng tác với nhau hơn so với các nhà khoa học tự nhiên và công nghệ. Lại cũng chính do đặc điểm này nên mới có chuyện là ở một số nước và cả ở Việt Nam, một số ngành KHXH&NV có lúc đã rơi vào tình trạng mang tính minh hoạ. Một khi việc nghiên cứu khoa học không được tiến hành một cách nghiêm túc theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của khoa học mà được viết ra với những kết quả định trước theo đơn đặt hàng thì sẽ không còn tính khách quan, điều đó đồng nghĩa với việc khoa học không còn là khoa học nữa, nó tạo ra một môi trường tồn tại cho những "công trình" mang tính "ngụy khoa học".

Sự đan cài của nhiều đặc điểm nêu trên đã dẫn đến tình trạng là cho đến nay, tri thức về KHXH&NV ở thanh thiếu niên và

học sinh sinh viên là đáng báo động. Do đầu tư ít và do tính đặc thù mà chất lượng của sách giáo khoa các môn KHXH&NV trong nhà trường phổ thông chưa cao. Do nội dung đôi khi mơ hồ, thiếu chặt chẽ, còn giáo viên phổ thông thì sợ sai nên giảng dạy thiếu tính sáng tạo và sức hấp dẫn. Kết quả là ở Pháp, 30% thanh niên không biết Victor Hugo là ai, trên 50% không biết Hitler là ai². Ở Mỹ có những thanh niên cho rằng cư dân châu Mỹ La tinh nói tiếng La tinh, còn Toronto (một thành phố Nam Canada - láng giềng của Mỹ) thì nằm ở Ý [Hirsh 1987]. Theo một cuộc điều tra mới đây ở Nhật Bản thì 25% học sinh sinh viên không biết nước láng giềng CHDCND Triều Tiên nằm ở đâu, gần 60% không biết Iraq (nước được nhắc đến hầu như hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng mấy năm qua) nằm ở đâu³. Ở Việt Nam. Theo kết quả của một cuộc điều tra⁴, 39% thanh niên không biết Hùng Vương là ai, 49% không biết Trần Quốc Toản, 64% không biết Trương Công Định. Học sinh phổ thông quay lưng lại với KHXH&NV đến nỗi khi lớp 12 tiến hành phân ban thì chỉ những em nào kém nhất mới chịu vào ban C.

Bởi vậy, nếu có nơi có lúc KHXH&NV từng bị coi thường thì cũng không có gì là lạ.

2. KHXH&NV TRONG THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

Tình trạng coi thường việc nghiên cứu KHXH&NV nói đến ở trên dẫn đến tình trạng phát triển không đồng đều của các khối ngành khoa học.

Trong mấy thế kỷ qua, đặc biệt là thế kỷ XX trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ, nhân loại đã phát triển với tốc độ phi thường tạo nên biết bao sự kiện chấn động: nào là việc con người đã và đang chiếm lĩnh khoảng không vũ trụ một cách đầy tự tin, nào là cú đột phá ngoạn mục của công nghệ sinh học với sự thành công của sinh sản vô tính, nào là sự tiến bộ như vũ bão của công

nghệ tin học với sự xâm nhập của máy tính vào khắp mọi ngõ ngách và nối mạng cả hành tinh... Trong khi đó, KHXH&NV - mặc dù cũng đạt được khá nhiều thành tựu - nhưng so với khoa học tự nhiên và công nghệ thì vẫn là đi với tốc độ của cỗ xe bò và để lại nhiều lỗ hổng lớn.

Lỗ hổng lớn nhất là nhân loại chưa thật sự hiểu hết về bản thân mình. Không hiểu hết về mình thì cũng không hiểu hết về những gì mình làm được. Bản chất của khoa học - đặc biệt là khoa học tự nhiên - là tư duy phân tích cho nên khi mà hậu quả là khoa học tự nhiên phát triển quá mạnh sẽ dẫn đến hậu quả là Con Người thường thiếu toàn diện và rất dễ sinh chủ quan. Và mọi tai hoạ bắt đầu từ đó.

Những người lập trình cho máy tính những năm 50 đầu có nghĩ rằng sáng kiến viết tắt tên năm bằng hai số cuối để tiết kiệm bộ nhớ đã kiến cho thế kỷ 21 được khởi đầu bằng một đại dịch Y2K gây tổn kém khổng lồ về vật chất và bao lo lắng về tinh thần. Các nhà hoá học phát minh ra biết bao nhiêu thứ thuốc đầu có ngờ rằng vì chúng mà biết bao loài động vật trên cạn và dưới nước đã và đang tuyệt chủng. Những cha đẻ của công nghiệp và đô thị đầu nghĩ rằng sự phát triển của chúng chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến những biến động khôn lường về thời tiết và khí hậu, gây hạn hán và lụt lội trầm trọng trên khắp hành tinh. Khoa học hiện đại không phải không nghiên cứu được sống thần, các chính phủ và quốc gia không phải không đủ tiền của để xây dựng các hệ thống cảnh báo sống thần, song vấn đề là ở chỗ thế giới hiện đại đã không ngờ rằng thảm hoạ sống thần có thể đạt đến quy mô lớn tới mức trong giây phút có thể cướp đi sinh mạng hàng chục vạn người, san bằng nhiều làng mạc.

Lỗ hổng nghiêm trọng khác là khi mà khoa học tự nhiên phát triển quá mạnh, còn KHXH&NV

bị coi thường, thì phạm trù đạo đức cũng ít được chú ý, điều đó sẽ trở thành đại hoạ nếu nó xảy ra ở những người lãnh đạo. Nhà khoa học vĩ đại nhất thế kỷ 20 Albert Einstein khi phát minh ra năng lượng nguyên tử đầu có ngờ rằng, rơi vào tay những người đứng đầu Nhà Trắng, nó đã gây nên thảm hoạ nguyên tử khủng khiếp chưa từng có ở Hiroshima và Nagasaki. Các nhà hoá học, sinh học đầu có ngờ rằng những phát minh của họ đã tạo nên những vũ khí sinh học, vũ khí hoá học (diễn hình là chất độc màu da cam) có sức huỷ diệt cực lớn và để lại hậu quả hết sức nặng nề cho nhiều thế hệ. Nước Mỹ siêu cường đầy tự tin đầu có thể ngờ rằng chiến tranh huỷ diệt quy mô lớn có thể xảy ra ngay trong lòng nước Mỹ một cách dễ dàng đến không ngờ bằng máy bay Mỹ và những phi công do chính Mỹ đào tạo. Không phải ngẫu nhiên mà khi thí nghiệm về con cừu Dolly thành công, hàng loạt nguyên thủ quốc gia đã phải hốt hoảng ra lệnh cấm việc tiến hành thực hiện sinh sản vô tính đối với con người.

Lỗ hổng thứ ba là khi mà nhiều lĩnh vực của KHXH&NV không được đầu tư nghiên cứu một cách nghiêm túc thì đó chính là mảnh đất màu mỡ cho các tôn giáo tin ngưỡng lan tràn. Một cách nghịch lý của thế giới hiện đại là ở những nước càng phát triển như Mỹ Nhật thì càng có nhiều tôn giáo, và không ít tôn giáo quái dị xuất hiện mà trong số những tin đồ mù quáng của họ có cả những người tri thức và các nhà khoa học.

Hiển nhiên, các phát minh không có lỗi. Có lỗi chẳng chính là ở những con người sử dụng chúng. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ nhân loại chưa được chuẩn bị đầy đủ để đón nhận và sử dụng các phát minh của mình.

Nghịch lý lớn nhất là trong khi mỗi chúng ta đang phát triển về mặt này thì cũng chính mình lại đang thụ lùi thảm hại về mặt khác. Cho nên, mỗi bước tiến đến văn

minh, là một bước thụt lùi về năng lực: có giày dép, con người mất khả năng đi chân đất. Có xe máy, con người mất khả năng đi bộ. Có máy tính, con người mất khả năng tính nhẩm. Có nhiều thuốc, con người mất khả năng đề kháng. Có ti vi, phim ảnh, con người lười đọc sách. Có máy vi tính, con người lười viết tay. Có điện thoại, con người lười đến thăm nhau...

Cho nên, dự báo về sự phát triển của khoa học trong thế giới hiện đại của thế kỷ XXI đã có sẵn trong lòng thế kỷ XX.

Một xã hội LOÀI NGƯỜI phải là xã hội có KHXH&NV phát triển đến mức chi phối mọi mặt của đời sống con người. Tính nhân bản phải chiến thắng sự sa sút đạo đức, chiến thắng những dục vọng điên rồ, ủng hộ bất đồng tiền và quyền lực. Sự lên ngôi KHXH&NV là một điều chắc chắn vì chỉ có thế mới lập lại được thế cân bằng trong đại vũ trụ nói chung, và trong mỗi con người, trong tiểu vũ trụ nói riêng.

Thực ra, sự lên ngôi của KHXH&NV trong thế giới hiện đại mà chúng ta đang bước vào đã được chuẩn bị sẵn từ trong thế kỷ XX. Đó là việc hiện đại hoá, chính xác hoá (toán học hoá, tin học hoá) các KHXH&NV, mà khởi đầu từ giữa tk. XX là ngôn ngữ học (bởi vậy mà ngành này được coi là "khoa học hoa tiêu" - pilot science - của khoa học xã hội). Đó là sự hình thành và phát triển của ba ngành KHXH&NV mới có tầm quan trọng rất lớn là nhân học (anthropology), xã hội học (sociology) và văn hoá học (culturology).

Sự lên ngôi của KHXH&NV là một thực tế đã và đang diễn ra, khi mà ngày càng có nhiều người nhận ra rằng nguồn gốc của những yếu kém hiện nay nằm ở con người chứ không phải ở máy móc, kỹ thuật. Các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, các tổ chức nhân đạo càng ngày càng phát triển. Càng ngày càng có nhiều

(Xem tiếp trang 32)

THÔNG BÁO CHƯƠNG TRÌNH HỌC BỔNG TOSHIBA

I. Mục tiêu của chương trình:

Chương trình học bổng Toshiba nhằm hỗ trợ cho những học viên xuất sắc có khả năng trở thành những người lãnh đạo có tiềm năng trong tương lai đang học chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ tại Đại học Quốc gia TP.HCM (ĐHQG-HCM). Năm 2005, chương trình học bổng Toshiba sẽ cấp học bổng trong nước cho học viên thuộc các ngành khoa học, kỹ thuật và các chuyên ngành khác.

II. Số lượng và giá trị học bổng:

Năm 2005, chương trình học bổng Toshiba sẽ cấp các suất học bổng bao gồm:

- 10 suất học bổng dành cho học viên toàn thời gian: 5 suất học bổng dành cho học viên đang theo học chương trình đào tạo thạc sĩ và 5 suất dành cho học viên đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ. Mỗi suất học bổng trị giá 100.000 JPY/năm học.

- 10 suất học bổng dành cho học viên bán thời gian: 5 suất học bổng dành cho học viên đang theo học chương trình đào tạo thạc sĩ và 5 suất dành cho học viên đang theo học chương trình đào tạo tiến sĩ. Mỗi suất học bổng trị giá 50.000 JPY/năm học.

(80% suất học bổng dành cho học viên đang theo học chuyên ngành khoa học và kỹ thuật, số còn lại cho các chuyên ngành khác).

III. Tiêu chí lựa chọn:

- Là học viên sau đại học của ĐHQG-HCM, đang theo học chương trình Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ.

- Có thành tích học tập và nghiên cứu xuất sắc.

- Giới hạn tuổi 27 tuổi đối với học viên đang học chương trình Thạc sĩ và 30 tuổi đối với học viên đang theo học chương trình Tiến sĩ.

- Thông thạo viết, đọc và nói tiếng Anh hoặc Tiếng Nhật.

- Có bài báo đăng trên tạp chí kỹ thuật sẽ được ưu tiên (đối với học viên tiến sĩ).

Học bổng sẽ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ nếu học viên nhận học bổng không thể tiếp tục việc học do bệnh tật; giáo viên hướng dẫn nhận thấy việc học tập của học viên không còn thích hợp hoặc học viên nhận học bổng vi phạm pháp luật hoặc có hành vi xấu đối với ĐHQG-HCM và nhà tài trợ Toshiba.

IV. Hồ sơ cần nộp (làm hai bản, một bản tiếng Việt và một bản tiếng Anh hoặc tiếng Nhật).

- Lý lịch khoa học có dán ảnh.

- Mục đích và kế hoạch học tập, chương trình nghiên cứu.

- Kết quả học tập nghiên cứu chương trình sau đại học.

- Công văn giới thiệu của cán bộ hướng dẫn trực tiếp, chủ nhiệm Khoa, cơ sở đào tạo.

V. Tiến trình tuyển chọn và xét tuyển:

- Tháng 6/2005 ĐHQG-HCM thông báo cho các đơn vị thành viên và thông tin trên các phương tiện truyền thông.

- Các đơn vị gửi hồ sơ của ứng cử viên đến Ban Đào tạo Sau đại học ĐHQG-HCM (Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức). Hạn cuối cùng nhận hồ sơ vào ngày 01/7/2005.

- Tháng 7/2005: ĐHQG-HCM xét duyệt hồ sơ.

- Ngày 01/8/2005 ĐHQG-HCM gửi danh sách và hồ sơ ứng viên được chọn đến nhà tài trợ Toshiba.

Định hướng chiến lược phát triển công nghệ sinh học ĐHQG-HCM

PGS.TS. TRẦN LINH THUỐC- Trường ĐHKHTN

Đất nước chúng ta đang trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới, năm 2006 sẽ trở thành thành viên chính thức của khu vực thương mại tự do Châu Á (AFTA), cũng như đang tích cực phấn đấu trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Tình hình đó đòi hỏi nền sản xuất trong nước phải trở nên có tính cạnh tranh cao dựa trên sự phát triển của các ngành KHCN mũi nhọn như Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, Công nghệ vật liệu và Công nghệ tự động hóa. Sự nghiệp CNH-HĐH của đất nước chính là quá trình vận dụng những thành tựu KHCN để xây dựng một nền kinh tế có năng suất và hiệu quả cao dựa trên công nghệ tiên tiến, là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh các ngành có hàm lượng KHCN cao.

Nghị quyết Đại hội IX đã khẳng định đầu tư cho giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển. ĐH Quốc gia TP.HCM là một trung tâm đào tạo chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực của khu vực các tỉnh phía Nam, có vai trò là trung tâm hàng đầu trong đào tạo nguồn nhân lực KHCN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH các tỉnh phía Nam. Nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực này phải gắn liền với việc giải quyết các vấn đề KHCN, kinh tế - xã hội của khu vực, góp phần nâng cao năng lực nội sinh của đất nước. Do vậy, việc xây dựng chiến lược phát triển các ngành KHCN trọng điểm trong đó có CNSH tương xứng với tầm vóc và vai trò của



SV Trường ĐHKHTN trong phòng thí nghiệm. Ảnh: V.T.B.

mình là một nhiệm vụ rất quan trọng của ĐH Quốc gia TP.HCM. Về lĩnh vực CNSH, chiến lược này vừa phải đáp ứng yêu cầu đào tạo ra một đội ngũ cán bộ CNSH có khả năng tiếp thu và sáng tạo CNSH hiện đại, vừa phải tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề đặt ra về CNSH tại các tỉnh phía Nam. Tham luận này giới thiệu một số nội dung chính của chiến lược phát triển CNSH ĐH Quốc gia TP.HCM đến năm 2010.

1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VỀ CNSH CỦA ĐH QUỐC GIA TP.HCM THỜI GIAN QUA

Việc triển khai công tác đào tạo, nghiên cứu ứng dụng CNSH tại ĐH Quốc gia TP.HCM cho đến nay được thực hiện chủ yếu bởi hai trường thành viên là Trường ĐH Khoa học tự nhiên và Trường ĐH Bách Khoa.

Các đơn vị tham gia vào công tác đào tạo, nghiên cứu triển khai liên quan đến CNSH của Trường ĐH Khoa học tự nhiên bao gồm: Khoa Sinh học, Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học phân tử, Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học, Trung tâm giống cây trồng.

Khoa Sinh học hiện có 08 bộ môn (BM. Thực vật - Sinh môi, BM. Động vật - Sinh lý động vật, BM. Sinh lý thực vật, BM. Di truyền, BM. Sinh hóa, BM. Vi sinh, BM. CNSH phân tử và Môi trường, BM. CNSH Thực vật và Chuyển hóa sinh học), 17 phòng thí nghiệm, 3 đơn vị hợp tác, 1 trại thực nghiệm. Khoa có 97 cán bộ cơ hữu (gồm 62 CBGD, 25 trợ giảng, cán bộ nghiên cứu, 10 nhân viên, trong đó có 4 giảng viên đang công tác dài hạn nước ngoài). Về học hàm có 07 PGS, học vị có 21 TS, 27 ThS. Tỷ lệ có trình độ sau đại học trong cán bộ giảng dạy là 77,42%. Khoa là

một đơn vị có truyền thống đào tạo cán bộ có trình độ đại học và sau đại học các chuyên ngành về Sinh học, trong đó, một số chuyên ngành như Vi sinh, Sinh hóa, Sinh học thực vật, Sinh học động vật có liên hệ rất chặt chẽ với lĩnh vực CNSH. Hàng năm có khoảng 150 - 170 sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành này, trở thành đội ngũ cán bộ với các dạng nghề nghiệp đa dạng phục vụ đắc lực trong lĩnh vực CNSH. Từ năm 1999, Khoa bắt đầu đào tạo bậc đại học ngành CNSH với qui mô tuyển sinh 150 - 200 sinh viên/năm. Đến nay đã có 02 khóa đã tốt nghiệp (2003, 2004). Ngoài công tác đào tạo, các cán bộ của đơn vị cũng thực hiện các hoạt động nghiên cứu triển khai về sinh học và CNSH, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học, nâng cao trình độ cán bộ giảng dạy, tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn KHCN của các địa phương.

Năm 1999, ĐH Quốc gia TP.HCM đã đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm Công nghệ Sinh học phân tử (PTN. CNSHPT) trực thuộc Trường ĐH Khoa học tự nhiên với mục tiêu nâng cao trình độ nghiên cứu và ứng dụng của cán bộ Trường ĐH Khoa học tự nhiên và Đại học Quốc gia TP. HCM, tiếp cận trình độ các nước trong khu vực và trên thế giới; nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH của TP. HCM và cả nước. Hiện nay, PTN. CNSHPT là một trong các phòng thí nghiệm về CNSH được trang bị hiện đại và đồng bộ trong các tỉnh phía Nam. Trong thời gian vừa qua, PTN. CNSHPT đã tham gia tích cực trong hoạt động đào tạo sau đại học của nhà trường, thực hiện nhiều nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước và hợp tác quốc tế. PTN. CNSHPT trở thành một đơn vị có

tiềm lực về cơ sở vật chất và con người mạnh trong hệ thống các cơ sở KHCN mạnh về CNSH của cả nước, hoạt động tích cực, có uy tín về lĩnh vực CNSH hiện đại.

Trung tâm Khoa học và Công nghệ Sinh học được Trường ĐH Khoa học tự nhiên, thành lập từ năm 1996 với chức năng tập huấn thực hành chuyên đề, tư vấn, nghiên cứu, chuyển giao trong lĩnh vực Công nghệ Sinh học. Trung tâm Nghiên cứu Giống cây trồng Trường ĐH Khoa học tự nhiên là một trung tâm cấp Bộ có nhiệm vụ ứng dụng các kỹ thuật nhân giống in vitro và kỹ thuật nuôi cấy mô thực vật trong du nhập, thuần hóa, nhân giống, chuyển giao các giống cây ăn trái, cây kiểng, hoa quý.

Tại Trường ĐH Bách Khoa, Bộ môn Công nghệ Sinh học thuộc Khoa Công nghệ Hóa học và Dầu Khí là đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo và thực hiện các nghiên cứu về CNSH. Bộ môn CNSH có 9 cán bộ giảng dạy, trong đó có 1 PGS.TS., 7 thạc sĩ, 3 kỹ sư, 3 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước, có hai phòng thí nghiệm là PTN. Vi sinh công nghiệp và PTN. Nuôi cấy mô. Bộ môn nhận nhiệm vụ thực hiện đào tạo bậc kỹ sư ngành CNSH từ năm 2001 với mức tuyển sinh hàng năm khoảng 100 sinh viên. Với truyền thống sở trường về kỹ thuật và công nghệ, chương trình Ngành CNSH của Bộ môn CNSH nhằm đào tạo các kỹ sư vững về kiến thức và kỹ năng triển khai các quy trình công nghệ về CNSH. Kỹ sư CNSH được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản về CNSH, có khả năng thiết kế công nghệ, thiết bị, lựa chọn công nghệ tiên tiến trên thế giới ứng dụng vào Việt Nam. Ngoài nhiệm vụ đào tạo, cho đến nay, cán bộ của Bộ môn CNSH Trường ĐH Bách Khoa đã thực hiện được nhiều đề tài các cấp,

triển khai công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu ở 34 cơ sở sản xuất, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tham gia giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn về sản xuất của các tỉnh phía Nam.

Ngoài các đơn vị chủ lực thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu triển khai về CNSH nêu trên, trong ĐH Quốc gia TP.HCM còn có những đơn vị hoạt động liên ngành, có sử dụng đến công nghệ sinh học như Viện Môi Trường và Tài nguyên, Khoa Công nghệ Hóa học và Dầu Khí, Khoa Kỹ thuật môi trường (Trường ĐH Bách Khoa), Khoa môi trường (Trường ĐH Khoa học tự nhiên).

2. NHỮNG MẶT MẠNH VÀ YẾU HIỆN NAY TRONG LĨNH VỰC CNSH CỦA ĐH QUỐC GIA TP.HCM

Các mặt mạnh cơ bản của ĐH Quốc gia TP.HCM về CNSH có thể được nêu lên như sau:

2.1 Là một đơn vị đào tạo trong cả nước có tiềm lực đào tạo cán bộ CNSH hiện đại tạo nguồn nhân lực cần thiết để thực hiện và đạt mục tiêu phát triển CNSH Việt Nam theo Nghị định 18CP

CNSH hiện đại là CNSH dựa trên nền tảng phối hợp của các công nghệ như kỹ thuật gen hay, công nghệ tế bào (vi sinh vật, thực vật, động vật), kỹ thuật lên men và công nghệ protein-enzym, trong đó kỹ thuật gen là kỹ thuật cốt lõi nhất. ĐH Quốc gia TP.HCM có tiềm lực thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu về CNSH hiện đại nhờ: (1) Có một đội ngũ cán bộ sinh học và CNSH hiện đại được đào tạo bài bản từ nhiều nguồn, trong đó có các nước có nền CNSH phát triển; đội ngũ này có khả năng xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo và các nghiên cứu triển khai về CNSH hiện đại; (2) Có truyền thống đào tạo các lĩnh

vực cơ bản về các chuyên ngành khoa học của sự sống cần thiết cho CNSH hiện đại; sản phẩm được đào tạo là các cử nhân sinh học đã và đang là lực lượng nòng cốt để thực hiện các nghiên cứu cơ bản và bước đầu triển khai trong các trường đại học, viện nghiên cứu hoạt động trong lĩnh vực CNSH, thiếu các nghiên cứu cơ bản này thì CNSH hiện đại sẽ không có nền tảng vững chắc để hình thành, phát triển và đi xa được; (3) Tổ chức và triển khai đào tạo CNSH theo hai hướng khoa học cơ bản và ứng dụng công nghệ với hai chương trình đào tạo cử nhân CNSH và kỹ sư CNSH; các chương trình này chắc chắn sẽ góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ CNSH hiện đại nòng cốt cho TP.HCM và các tỉnh phía Nam.

2.2 ĐH Quốc gia TP.HCM là một đơn vị có tiềm lực nghiên cứu, ứng dụng CNSH hiện đại

Đội ngũ cán bộ KHCN của ĐH Quốc gia TP.HCM vừa có khả năng thực hiện các nghiên cứu cơ bản, các nghiên cứu, phát triển sản phẩm, vừa có khả năng triển khai ứng dụng công nghệ và sản phẩm CNSH hiện đại của thế giới. Các cán bộ CNSH của ĐH Quốc gia TP.HCM có khả năng làm chủ các bước chính của quá trình tạo ra sản phẩm CNSH hiện đại là: (1) Thiết lập hệ thống sinh học dùng để sản xuất sản phẩm bằng kỹ thuật gen; (2) Thực hiện chuyển hóa sinh học, đặc biệt là quá trình lên men công nghiệp; (3) Tách chiết, tinh sạch để thu nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng.

2.3 Có sự kết hợp giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng

Là đơn vị đào tạo mạnh về CNSH hiện đại, ĐH Quốc gia TP.HCM cũng đã thực hiện nhiều nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai, hợp tác quốc tế. Triển khai nghiên cứu và ứng dụng để

tham gia giải quyết các vấn đề KHCN của địa phương, đồng thời để nâng cao chất lượng đào tạo nâng cao trình độ cán bộ. Ngược lại, đào tạo chuẩn bị nguồn nhân lực cho chính ĐH Quốc gia TP.HCM và cho cả nước.

2.4 Có tiềm lực liên kết đa ngành trong ĐH Quốc gia TP.HCM

Là trung tâm đào tạo đa ngành đa lĩnh vực, các hoạt động đào tạo và nghiên cứu về CNSH của ĐH Quốc gia TP.HCM bước đầu thực hiện được sự kết nối đa ngành Công nghệ Thông tin, Sinh học, Hóa học, Công nghệ hóa học, Công nghệ sinh học, Khoa học Môi trường... Ngoài ra trong ĐH Quốc gia TP.HCM còn những ngành khoa học khác có thể liên kết trong việc phát triển CNSH như Điện tử, Tự động hóa, Vật lý, Khoa học vật liệu... Tiềm năng liên kết đa ngành này là một thế mạnh mà nhiều cơ quan khoa học trên địa bàn thành phố không có. Sự kết hợp đó sẽ giúp cho sự phát triển CNSH hiện đại trong các lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp, bảo vệ sức khỏe, môi trường, thực phẩm...

2.5 Được bước đầu đầu tư tăng cường trang thiết bị phục vụ nghiên cứu trình độ cao về CNSH

PTN. CNSHPT tại Trường ĐH Khoa học tự nhiên bước đầu được đầu tư để nâng cao năng lực nghiên cứu CNSH hiện đại và phát huy tác dụng, đã triển khai được nhiều đề tài nghiên cứu khoa học có kết quả ứng dụng thực tế.

Mặt dù có các mặt mạnh nêu trên, sự phát triển CNSH của ĐH Quốc gia cần phải vượt qua các thách thức sau:

2.6 Đội ngũ cán bộ mỏng, cán bộ đầu đàn còn ít

Mặc dù có đội ngũ cán bộ có khả năng giảng dạy, nghiên cứu, triển khai ứng dụng về CNSH hiện đại, nhưng đội ngũ cán bộ

này còn mỏng: số lượng cán bộ đầu ngành có học vị tiến sĩ và chức danh PGS còn thấp, đa số còn trẻ cần tiếp tục được đào tạo. Làm thế nào để vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ (khối lượng, chất lượng) đào tạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ KHCN được tín nhiệm giao phó bởi Nhà nước, bởi địa phương, trong khi vừa phải đào tạo, chuẩn hóa và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ trẻ là một bài toán khó, là thách thức lớn của ĐH Quốc gia TP.HCM.

2.7 Đầu tư phục vụ đào tạo CNSH chưa đáp ứng yêu cầu

Hạ tầng phục vụ giảng dạy CNSH còn thấp: cho đến nay, hoàn toàn chưa có đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo (thực tập, thực hành, làm khóa luận tốt nghiệp) bậc đại học cho ngành CNSH. Mặt khác, cơ sở phòng ốc còn chật hẹp, chưa đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của các bộ môn và nhu cầu triển khai thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp.

2.8 Hạ tầng nghiên cứu và triển khai CNSH của ĐH Quốc gia TP.HCM nhìn chung còn thấp

Hiện nay chỉ mới PTN CNSHPT đã được đầu tư phục vụ việc triển khai các nghiên cứu cơ bản, phát triển sản phẩm ở quy mô phòng thí nghiệm, đồng thời đang được đầu tư bước 2 nhằm tăng cường năng lực thiết bị nghiên cứu triển khai quy mô pilot và sản xuất thử để tạo được các sản phẩm CNSH hiện đại đi vào cuộc sống. Ngoài PTN CNSHPT, ĐH Quốc gia TP.HCM còn cần đầu tư thêm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm khác tại Trường ĐH Bách Khoa, Trường ĐH Khoa học tự nhiên để tăng cường năng lực nghiên cứu chung cho cả ĐH Quốc gia TP.HCM.

2.9 Mặt yếu khác

ĐH Quốc gia TP.HCM chưa có một cơ sở nghiên cứu triển khai có tầm cỡ trọng điểm của

khu vực phía Nam về CNSH. Mặt bằng hiện nay trong nội thành chật hẹp, khu Linh Trung chưa xây dựng nên khó phát triển mở rộng các khu thí nghiệm, nghiên cứu đúng tầm ĐH Quốc gia TP.HCM ở phía Nam.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI VỀ CNSH TẠI ĐH QUỐC GIA TP.HCM

Mục tiêu lâu dài của chiến lược là xây dựng ĐH Quốc gia TP.HCM thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu triển khai hàng đầu trong cả nước, tiến đến đạt trình độ khu vực về lĩnh vực CNSH; là một thành phần không thể thiếu trong hệ thống các cơ quan khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực CNSH của cả nước, có năng lực tiến hành nghiên cứu phát triển ở trình độ cao và khả năng tạo ra các công nghệ mới, hiện đại phục vụ nền kinh tế quốc dân.

Mục tiêu trung hạn trong giai đoạn 2004 - 2010 là nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu trở thành một trung tâm đào tạo cán bộ trình độ đại học và sau đại học về CNSH mạnh của cả nước, xây dựng cơ sở hạ tầng và tiềm lực về cán bộ phục vụ cho mục tiêu lâu dài là trở thành trung tâm nghiên cứu, triển khai CNSH ở trình độ cao và khả năng tạo ra các công nghệ mới, hiện đại phục vụ nền kinh tế quốc dân.

Để đạt được mục tiêu trung hạn này cần triển khai 5 nội dung sau đây: (1) Hoàn thiện các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về CNSH; (2) Phát triển tổ chức đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao về CNSH; (3) Phát triển hạ tầng phục vụ đào tạo và nghiên cứu, triển khai ứng dụng CNSH hiện đại; (4) Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ xã hội về CNSH ở TP. HCM và khu vực phía Nam; (5) Mở rộng các quan hệ hợp tác trong

nước và quốc tế trong lĩnh vực CNSH.

Việc hoàn thiện các chương trình đào tạo đại học và sau đại học về CNSH bao gồm các nội dung: hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học (cử nhân, kỹ sư) và xây dựng chương trình đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ về CNSH; biên soạn tài liệu tham khảo, giảng dạy, giáo trình; trang bị sách, tài liệu, tạp chí chuyên ngành phục vụ đào tạo về CNSH.

Về phát triển tổ chức đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao về CNSH, các nội dung cần triển khai bao gồm: thành lập Khoa CNSH tại Trường ĐH Khoa học tự nhiên và Trường ĐH Bách Khoa; có kế hoạch gửi đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài khoảng 30 cán bộ bằng ngân sách và bằng học bổng của nước ngoài; có ngân sách để gửi đi cán bộ đi thực tập ngắn hạn ngoài nước.

Về phát triển hạ tầng phục vụ đào tạo và nghiên cứu, triển khai ứng dụng CNSH hiện đại cần sự đầu tư mạnh mẽ các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, đào tạo cử nhân, kỹ sư CNSH; tăng cường sự đầu tư trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, triển khai theo đặc điểm và sở trường của từng đơn vị tại Trường ĐH Bách Khoa và Trường ĐH Khoa học tự nhiên; đầu tư phát triển TT Khoa học và Công nghệ Sinh học thành một đơn vị triển khai CNSH mạnh của ĐH Quốc gia TP.HCM tại Linh Trung Thủ Đức

Các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản phẩm CNSH, từ nay đến năm 2010 được triển khai theo 3 chương trình nghiên cứu sau đây:

3.1 Chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển sản phẩm CNSH trên cơ sở công nghệ gen và công nghệ tế bào

Mục tiêu của chương trình

THÔNG BÁO CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM

*V/v Đăng thông tin tóm tắt luận án tiến sĩ
trên website của ĐHQG-HCM*

Đại học Quốc gia TP.HCM vừa ban hành công văn số 379/ĐHQG-SĐH ngày 29/3/2005 về việc đăng thông tin tóm tắt về luận án tiến sĩ lên website của ĐHQG-HCM và nộp đĩa CD-ROM luận án tiến sĩ trước khi NCS bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Nhà nước.

Theo đó, khi gửi quyền luận án tiến sĩ chính thức (đã đóng bìa cứng) và bản giải trình các ý kiến nhận xét của các cán bộ phản biện độc lập về ĐHQG-HCM để xem xét thành lập Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp Nhà nước, cơ sở đào tạo cần gửi kèm theo:

1. Trang thông tin về luận án tiến sĩ (hai bản, một bản tiếng Anh và một bản tiếng Việt).
2. Đĩa CD-ROM chứa nội dung của luận án, tóm tắt luận án và Trang thông tin luận án.

Trang thông tin của luận án sẽ được ĐHQG-HCM đưa lên website của ĐHQG-HCM (<http://www.vnuhcm.edu.vn> © Đào tạo/Sau đại học/ Luận án tiến sĩ).

Các bộ phận và cá nhân liên quan có thể xem Quy định về các file trong đĩa CD-ROM, cách trình bày Trang thông tin luận án cũng như mẫu Trang thông tin và bìa đĩa CD-ROM trong nội dung công văn số 379/ĐHQG-SĐH ngày 29/3/2005.

BAN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

nhằm tiếp cận, làm chủ và từng bước ứng dụng công nghệ gen và công nghệ tế bào để tạo ra các sản phẩm trong lĩnh vực y dược, nông lâm ngư nghiệp và môi trường. Định hướng các sản phẩm bao gồm: sản phẩm chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm vùng nhiệt đới, đặc trưng của Việt Nam; protein tái tổ hợp dùng để chẩn đoán, chủng ngừa và điều trị các bệnh khác nhau ở người; công nghệ sản xuất các sinh phẩm trong phòng ngừa, điều trị ở người; các marker phân tử phục vụ cho công tác chọn giống vật nuôi, cây trồng; tạo thực vật chuyển gen để tăng cường tính chống chịu bệnh, điều kiện khắc nghiệt của môi trường, cải thiện chất lượng, sản xuất sinh phẩm có tiềm năng dùng cho vật nuôi, người; công nghệ nhân giống thực vật hữu hiệu, tiên tiến; phát triển kỹ thuật thao tác trên phôi, thụ tinh in vitro trong nhân giống và cải thiện giống vật nuôi có tầm quan trọng kinh tế; kỹ thuật, sản phẩm chẩn đoán các tác nhân gây bệnh trên vật nuôi cây trồng; vắc xin bằng công nghệ gen dùng trong thú y, chăn nuôi; kỹ thuật sinh học phân tử để phát hiện nhanh nhạy, chuyên biệt vi sinh gây bệnh trong thực phẩm; các dòng vi sinh vật, thực vật, động vật có tính năng ưu việt trong xử lý môi trường.

3.2 Chương trình nghiên cứu ứng dụng và phát triển sản phẩm CNSH trên cơ sở công nghệ lên men và công nghệ protein

Mục tiêu của chương trình nhằm tiếp cận, từng bước làm chủ công nghệ lên men quy mô công nghiệp và công nghệ protein để tạo ra các sản phẩm trong lĩnh vực công nghiệp, thực phẩm, dược phẩm và môi trường. Các định hướng công nghệ và sản phẩm bao gồm: công nghệ sản xuất các chế phẩm vi sinh có lợi phục vụ chăn nuôi, trồng trọt; lên men công nghiệp các sản phẩm

dùng làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm, các sản phẩm dùng làm vật liệu y sinh học, vật liệu sinh học mới có tính năng ưu việt; lên men công nghiệp sản xuất sinh khối vi sinh vật, thực vật; các công nghệ tiên tiến, hữu hiệu để ly trích, làm giàu các hoạt chất có giá trị cao nhưng hàm lượng thấp từ sinh khối vi sinh vật, thực vật, động vật, từ phụ phế liệu nông, lâm nghiệp, chế biến thực phẩm; công nghệ tiên tiến, hữu hiệu để tinh chế protein tái tổ hợp; công nghệ sản xuất công nghiệp các thực phẩm lên men truyền thống; công nghệ công nghiệp ứng dụng vi sinh vật trong chế biến, bảo quản lương thực thực phẩm; các chế phẩm vi sinh tự nhiên dùng trong xử lý môi trường ô nhiễm.

3.3 Chương trình nghiên cứu phát triển công nghệ mới

Mục tiêu của chương trình nhằm xây dựng công nghệ nội sinh thông qua những nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ mới, tiên tiến chưa có thể tạo ra sản phẩm đi vào sản xuất và đời sống trong vòng 5 - 10 năm tới nhưng tạo nền tảng cho các công nghệ mới có tiềm năng tạo sản phẩm CNSH có giá trị lớn và tính cạnh tranh cao trong tương lai. Các nghiên cứu thuộc dạng này cần gắn kết với các chương trình hợp tác quốc tế. Một số lĩnh vực có tiềm năng là: nghiên cứu chế tạo thiết bị mới trong CNSH; các công nghệ tách chiết và tinh chế tiên tiến; Sinh - Tin học (Bioinformatics); công nghệ protein (Protein engineering); Công nghệ Nano-Sinh học (Bionanotechnology)...

Nội dung mở rộng các quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực CNSH bao gồm:

- Phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác nghiên cứu với Khu Công nghệ cao TP.HCM, Trung tâm Công nghệ Sinh học TP.HCM, Khu Nông

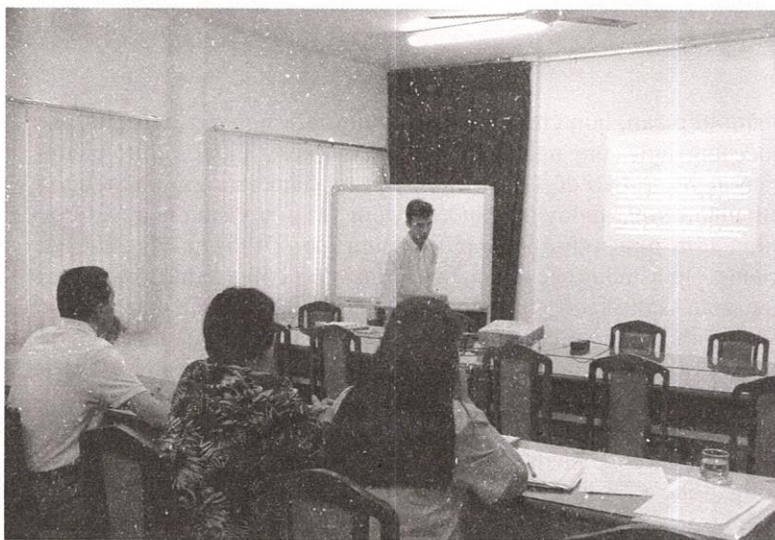
ng nghiệp công nghệ cao, các trường đại học (Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM, Trường ĐH Y Dược TP.HCM, Trường ĐH Cần Thơ...), các viện nghiên cứu (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp miền Nam, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 2...).

- Mở rộng hợp tác với Cộng hòa Liên Bang Đức, Pháp, Hà Lan, Nhật, Hàn Quốc, các nước trong khu vực Đông Nam Á và các nước khác nhằm: hoàn thiện và nâng cao chất lượng chương trình, nội dung đào tạo đại học và sau đại học về CNSH; đào tạo cán bộ cho ĐH Quốc gia TP.HCM; trao đổi khoa học, hợp tác nghiên cứu để nâng cao trình độ cán bộ, tiếp cận các lĩnh vực nghiên cứu tiên tiến; tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật, công nghệ tiên tiến.

4. KẾT LUẬN

Nghị quyết 18/CP ngày 11/3/1994 của Chính phủ về phát triển CNSH Việt Nam đến năm 2010 đã xác định CNSH học là một trong ba ngành công nghệ mũi nhọn góp phần khai thác tối ưu các nguồn lực của đất nước phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Với sứ mạng là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao ở khu vực phía Nam, để góp phần thực hiện thành công ba mục tiêu chính của Nghị định 18CP, đáp ứng sự mong đợi của TP.HCM và các tỉnh phía Nam, ĐH Quốc gia TP.HCM cần đầu tư mạnh mẽ để phát triển CNSH nhằm đạt được các mục tiêu: trở thành một trung tâm chủ lực đào tạo nhân lực ngành CNSH; có đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao về CNSH; có hạ tầng nghiên cứu khoa học đạt trình độ khu vực Đông Nam Á và thế giới; là một trung tâm nghiên cứu, triển khai mạnh về CNSH mạnh của khu vực phía Nam, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và cả nước.

Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ



Lĩnh vực môi trường ĐHQG-HCM

GS.TS. LÂM MINH TRIẾT
Viện Môi trường và Tài Nguyên

1. HIỆN TRẠNG VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHOA HỌC VỀ MÔI TRƯỜNG CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM.

Đại Học Quốc Gia TP.HCM nơi có đội ngũ cán bộ khoa học đông đảo nhất về lĩnh vực môi trường, có thể coi ĐHQG-HCM là một trong rất ít cơ sở đào tạo có nhiều hoạt động KHCN, triển khai dịch vụ KHCN bảo vệ môi trường vào loại mạnh nhất cả nước.

Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu về môi trường của ĐHQG-HCM vào khoảng trên 100, trong đó có 2 GS, 9 PGS, 40 Ths,... được đào tạo ở nhiều nước khác nhau (Nga, Anh, Thụy Sĩ, Mỹ, Hà Lan, Úc, Nhật, Thái Lan, trong nước,...) với lĩnh vực môi trường đa dạng: khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường.

Đội ngũ này tuy già trẻ khác nhau, cả thầy và trò đều phát triển từ trong ĐHQG, họ rất năng động vừa hoàn thành tốt công tác đào tạo vừa tích cực tìm kiếm tham gia các hoạt động NCKH, triển khai vào thực tế các dịch vụ

KHCN có hiệu quả thiết thực. Nhiều cán bộ khoa học của ĐHQG có uy tín cao trong xã hội, có khả năng thu hút nhiều nhà khoa học ngoài ĐHQG-HCM cùng tham gia thực hiện các đề tài NCKH và dự án lớn trọng điểm cấp Nhà Nước, có khả năng xây dựng mối quan hệ hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đội ngũ này cần được quan tâm và tạo điều kiện cho họ để không ngừng phát triển thực hiện bước đột phá về xây dựng nhân lực của ĐHQG-HCM.

Đội ngũ cán bộ khoa học môi trường của ĐHQG-HCM đóng góp đáng kể trong công tác bảo vệ môi trường trong diện rộng: các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ, ĐBSCL, ... và vị thế của ĐHQG-HCM trong nước và ngoài nước ngày một nâng cao.

2 HOẠT ĐỘNG NCKH VÀ TRIỂN KHAI DỊCH VỤ KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hoạt động NCKH và dịch vụ KHCN bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM đa dạng, phong phú, qui mô khác nhau.

Trong nhiều năm qua (1995 - 2005), các đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM đã chủ trì ít nhất 8 đề tài NCKH và Dự án trọng điểm cấp Nhà Nước và hầu hết đã được nghiệm thu kết quả tốt ở các Hội đồng nghiệm thu quốc gia. Uy tín của ĐHQG-HCM được nâng cao.

Bên cạnh đó, có đến hàng trăm đề tài NCKH các cấp khác nhau: cấp Bộ, cấp Thành phố,... và những đơn đặt hàng của nhiều doanh nghiệp và cũng phần lớn đã được nghiệm thu và được xã hội đánh giá tốt.

Lĩnh vực nghiên cứu rất đa dạng: có những đề tài liên quan đến khoa học môi trường, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, nhiều đề tài tập trung vào công nghệ môi trường: xử lý nước và nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, ô nhiễm không khí,... có những đề tài phục vụ cho công tác quản lý môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, quan trắc môi trường,... Rõ ràng lực lượng khoa học môi trường của ĐHQG-HCM có thể giải quyết hầu hết các vấn

đề môi trường đang đặt ra.

Một số lĩnh vực mới cũng được chúng ta tham gia nghiên cứu và đóng góp làm rõ phục vụ cho trong công tác quản lý môi trường: môi trường xã hội và nhân văn, sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, kinh tế môi trường, kinh tế chất thải (hợp tác Việt Nam, Lào, Campuchia, Canada), qui hoạch môi trường vùng lãnh thổ,...

ĐHQG-HCM phần lớn có mặt trong các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước về môi trường đó là thuận lợi lớn cần được phát huy mạnh mẽ bởi trong thực tế sự có mặt của đơn vị nào đó ở phía Nam trong các chương trình Dự án lớn của Nhà Nước là rất ít, có thể tỷ lệ chỉ 2/10 so với các đơn vị phía bắc gần Trung Ương.

Điểm nổi bật nữa của ĐHQG-HCM là các hoạt động dịch vụ KHCN bảo vệ môi trường.

Phần lớn các đơn vị thành viên hoạt động về môi trường đều có những hợp đồng dịch vụ tư vấn đa dạng, từ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đến thiết kế lắp đặt các công trình xử lý khí thải, nước và nước thải, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại,... và những nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác. Doanh thu từ các hoạt động tư vấn là đáng kể, trung bình mỗi năm của từng đơn vị từ 4 đến 5 tỷ. Hoạt động này góp phần tăng thêm thu nhập cho cán bộ, đóng góp thêm cho các hoạt động khác của đơn vị và nâng cao trình độ thực tế cho cán bộ phục vụ tốt cho công tác đào tạo gắn với thực tế. Rất nhiều đề tài luận văn xuất phát từ yêu cầu của thực tế này.

3 ĐÁNH GIÁ NHẬN XÉT

- Kết quả của các đề tài NCKH, Dự án đóng góp đáng kể và thiết thực trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường, đóng góp vào việc hoạch định chính sách, xây dựng qui chế quản lý môi trường, xây dựng tiêu chuẩn

bảo vệ môi trường phục vụ cho công tác quản lý môi trường có cơ sở khoa học và thực tiễn.

- Thông qua hoạt động NCKH của ĐHQG-HCM đội ngũ cán bộ không ngừng tiến bộ, trình độ NCKH được nâng cao, gắn kết mật thiết giữa NCKH và đào tạo.

- Hoạt động dịch vụ KHCN bảo vệ môi trường thông qua ký kết các hợp đồng kinh tế và triển khai vào thực tế đạt hiệu quả cao và thiết thực, góp phần tăng thu nhập và hỗ trợ cho các hoạt động khác của đơn vị. Cán bộ tự hào với thương hiệu ĐHQG-HCM.

- Có được các đề tài Dự án, hợp đồng dịch vụ là không đơn giản, có thể nói là kỳ công, có bản lĩnh khoa học và khả năng cạnh tranh trong đấu thầu lựa chọn lành mạnh nhưng không nhân nhượng.

- Hạn chế của chúng ta là trong thực tế sự hợp tác giữa các đơn vị thành viên lĩnh vực môi trường trong ĐHQG-HCM chưa cao có lúc hợp tác với bên ngoài còn dễ hơn. Làm gì để sự hợp tác nội bộ này trở thành sức mạnh thực sự là vấn đề cả Lãnh đạo và mọi người có liên quan cần nghĩ tới.

- Thế mạnh của ĐHQG-HCM trong hoạt động KHCN nói chung và lĩnh vực KHCN môi trường nói riêng cần được giữ vững và phát

triển xứng đáng là Đại Học đầu đàn về NCKH và đào tạo ngành môi trường chất lượng cao.

2. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG KHCN LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG TÀI NGUYÊN

2.1. Định hướng công tác KHCN bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM

Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là cơ sở pháp lý để hình thành định hướng cho công tác hoạt động KHCN bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM.

Định hướng này tuân thủ kế hoạch hành động quốc gia, và Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chỉ thị 41-NQ/TW của Bộ Chính Trị.

Và theo chỉ đạo của Lãnh đạo ĐHQG-HCM, Dự án "Định hướng chiến lược" NCKH của ĐHQG-HCM về bảo vệ môi trường Nam Bộ đến 2010 được xây dựng có sự đóng góp ý kiến của nhiều nhà khoa học môi trường trong và ngoài ĐHQG-HCM, đang hoàn chỉnh trình Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét phê duyệt.

2.2. Dự thảo các chương trình đề tài NCKH bảo vệ môi trường Nam Bộ của ĐHQG-HCM



Bể lắng xử lý nước thải dệt nhuộm cho công ty Deawon của Viện TNMT

2.2.1. Quan điểm chỉ đạo

Các đơn vị đào tạo và NCKH trong ĐHQG-HCM là lực lượng chủ lực và nòng cốt trong thực tiễn các đề tài dự án trọng điểm các cấp nhất là cấp ĐHQG-HCM thuộc các chương trình của "Chiến lược NCKH của ĐHQG-HCM và bảo vệ môi trường"

Cần thiết có sự hợp tác với các nhà Khoa học ngoài ĐHQG-HCM kể cả nước ngoài có thể để cùng thực hiện nhiều đề tài NCKH tầm cỡ mà ĐHQG-HCM chủ trì.

Hoạt động NCKH bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM tuân thủ chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia và chương trình hành động kèm theo, tuân thủ chỉ thị 41-NQ/TW của Bộ Chính Trị và chiến lược quản lý môi trường TP.HCM.

Cần nhận thức sâu sắc rằng, công tác bảo vệ môi trường là việc thường xuyên, lâu dài và liên tục trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội. Trong hoạt động bảo vệ môi trường chú trọng đến ngăn ngừa ô nhiễm đồng thời kết hợp với kiểm soát ô nhiễm, áp dụng khoa học công nghệ được coi là biện pháp thiết thực hạn chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

2.2.2. Định hướng chương trình, đề tài, dự án KHCN về bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM giai đoạn 2005 - 2008

Phạm vi hoạt động NCKH bảo vệ môi trường tập trung vào các tỉnh Nam Bộ bao gồm: Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL), vùng Đông Nam Bộ gồm cả vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam và Thành phố Hồ Chí Minh.

Có tất cả 6 chương trình được xây dựng và đề xuất

- Chương trình 1: Bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước các tỉnh Nam Bộ;

- Chương trình 2: Bảo vệ môi trường đô thị và KHCN

- Chương trình 3: Cải thiện điều kiện môi trường ở các thành

phố lớn

- Chương trình 4: Giáo dục nhận thức và đào tạo về môi trường

- Chương trình 5: Quản lý môi trường.

2.3. Đề xuất các giải pháp

- Việc xây dựng và hình thành định hướng chiến lược NCKH về bảo vệ môi trường của ĐHQG-HCM theo mốc thời gian phù hợp với các nội dung của Chiến lược Quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2010 và hướng đến 2020 có ý nghĩa quan trọng. Điều đó khắc phục được những hạn chế của thời gian qua với việc xét duyệt và thực hiện các đề tài NCKH lẻ tẻ, thiếu kế hoạch, tác dụng không lớn cho xã hội. Chỉ đạo này của ĐHQG-HCM là giải pháp tốt, nhằm chủ động nâng cao các hoạt động NCKH có kế hoạch, tăng chất lượng trong xét chọn và thực hiện các NCKH xứng với tầm cỡ của mình.

- Trong bối cảnh các đơn vị đào tạo NCKH về môi trường ĐHQG-HCM không có gì thay đổi về mặt tổ chức thì việc tập hợp lực lượng này nhằm thống nhất quan điểm phối hợp thiện chí trong đào tạo và NCKH có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt. Cách nào để việc phối hợp này thật sự có ý nghĩa là điều cần được quan tâm sâu sắc.

- Để đẩy mạnh các hoạt động KHCN lĩnh vực môi trường và tài nguyên cần thiết tiếp cận được các chương trình môi trường tầm cỡ quốc gia mà ĐHQG-HCM không thể không có mặt. Để tham gia các chương trình này, ĐHQG-HCM cần chủ động tập hợp lực lượng khoa học của mình xây dựng các đề cương NCKH với chất lượng tốt nhất có thể để tham gia đấu thầu lựa chọn theo qui định hiện hành. Bên cạnh đó, các đơn vị thành viên, các cá nhân nhà khoa học hoàn toàn tham gia đấu thầu lựa chọn. Sự cạnh tranh này là lành mạnh nhưng đầy

những khó khăn.

- Việc triển khai các đề tài của chương trình trọng điểm ĐHQG-HCM theo định hướng chiến lược NCKH về môi trường cần thiết tìm kiếm đa dạng nguồn kinh phí để thực hiện. Bên cạnh kinh phí ngân sách KHCN của ĐHQG-HCM cần tranh thủ từ các nguồn khác một cách sáng tạo từ Nhà nước, các địa phương, tổ chức quốc tế và từ các hợp đồng dịch vụ KHCN.

- Đổi mới trong công tác quản lý KHCN của ĐHQG-HCM là giải pháp có ý nghĩa quan trọng. Làm tốt công tác này sẽ là đóng góp lớn xây dựng uy tín và nâng cao vị thế của ĐHQG-HCM với xã hội.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đẩy mạnh hoạt động NCKH của ĐHQG-HCM nhằm nâng cao chất lượng của các đề tài NCKH là công việc có ý nghĩa to lớn và toàn diện trong xây dựng và phát triển ĐHQG-HCM xứng với vị trí của nó ở trong nước và trên thế giới.

- ĐHQG-HCM cần thiết và hoàn toàn có thể chủ trì một số chương trình, dự án cấp Nhà nước với số lượng lớn hơn và chất lượng tốt hơn. Vấn đề là công tác tổ chức triển khai phải được sự quan tâm chỉ đạo cụ thể nhằm dành được vị trí chủ trì nêu trên.

- ĐHQG-HCM với tiềm năng to lớn của mình, với lực lượng khoa học tâm huyết, cơ sở vật chất từng bước hiện đại, được Nhà nước quan tâm và đầu tư lớn,... Chính vì vậy các hoạt động KHCN trong các lĩnh vực khác nhau và lĩnh vực môi trường tài nguyên phải được đẩy mạnh hơn bao giờ hết mới xứng với tầm cỡ của một ĐHQG-HCM. Nhiệm vụ đó thuộc về lãnh đạo ĐHQG-HCM, các đơn vị thành viên và mọi cán bộ trong cộng đồng ĐHQG-HCM.



Về chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Trường ĐHBK, ĐHQG-HCM

TRẦN THỊ NGỌC DUNG
ĐH Bách khoa ĐHQG - HCM

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ CHẤT LƯỢNG CAO

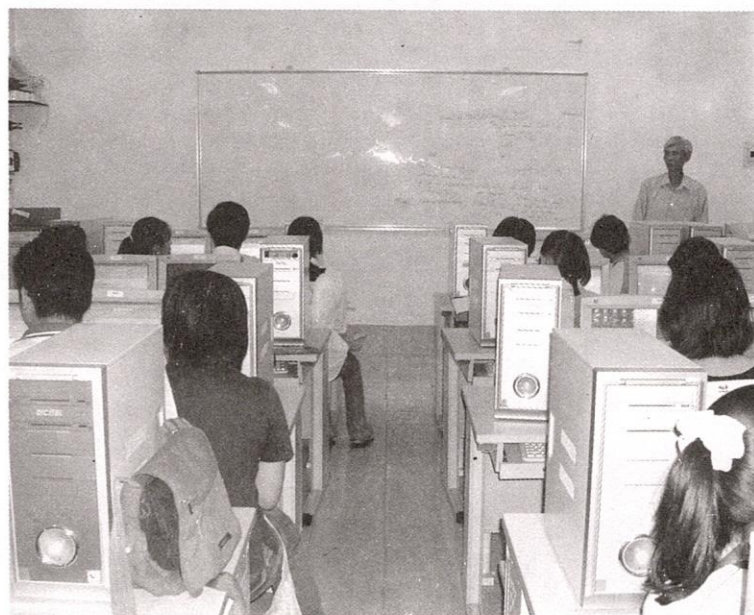
Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao (Programme de Formation d'Ingénieurs d'Excellence au VietNam - P.F.I.E.V.) là chương trình hợp tác lớn về giáo dục Đại học giữa hai chính phủ Việt Nam và Pháp. Chương trình được sự tài trợ của chính phủ Pháp nhằm mục tiêu đào tạo cho Việt Nam một đội ngũ kỹ sư nắm vững lý thuyết, giỏi thực hành, có năng lực quản lý. Đó là người kỹ sư đa ngành đồng thời có một lĩnh vực chuyên môn giỏi. Những kỹ sư này sẽ thích ứng được với tiến

bộ không ngừng của kỹ thuật nhờ có vốn kiến thức cơ bản sâu và rộng, biết đề ra các mục tiêu chiến lược trong lĩnh vực công nghiệp với tầm nhìn đa chuyên ngành rất thuận lợi cho cách làm việc tổng hợp. Các kỹ sư này có đủ năng lực để có thể trở thành những nhân tố tích cực trong nền công nghiệp Việt Nam.

Ngoài ra Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao còn có mục tiêu là sau khi dự án kết thúc, các trường đại học thành viên tiếp thu được một chương trình đào tạo tiên tiến, một hệ thống giáo trình và sách tham khảo khoa học được cập nhật, các phòng thí nghiệm

hiện đại, đội ngũ giảng viên được nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, ngang tầm khu vực và thế giới.

Ý tưởng về việc thực hiện Chương trình PFIEV được khởi đầu từ chuyến thăm chính thức Việt Nam của Tổng thống Cộng hoà Pháp Jacques Chirac vào tháng 11 năm 1997. Năm học 1999-2000 chương trình chính thức đi vào hoạt động với 11 ngành đào tạo ở 4 trường: ĐHBK Hà Nội, ĐHBK Xây dựng Hà Nội, ĐHBK Bách khoa Đà Nẵng và ĐHBK Bách Khoa - ĐHQG-HCM.



Tp HCM. Tham gia chương trình còn có 7 Trường ĐH Pháp: Trường Trung tâm Paris (ECP), Trường Quốc gia Cầu đường (ENPC), Trường Cơ khí hàng không cao cấp (ENSMA), Trường Khoa học ứng dụng quốc gia Lyon (INSA Lyon), Trường Bách khoa Quốc gia Grenoble (INPG), Trường Bách khoa quốc gia Toulouse (INP Toulouse), Trường Quốc gia Viễn thông Bretagne (ENST Bretagne), 2 trường INP Toulouse và ENST Bretagne là những thành viên mới của chương trình thay cho trường Điện cao cấp SUPELEC từ năm 2003. Chương trình PFIEV cũng nhận được sự hỗ trợ của Trường Trung học Louis Le Grand trong giai đoạn đào tạo cơ bản (2 năm đầu). Tháng 9/2004 sẽ là một mốc thời gian có ý nghĩa quan trọng đối với chương trình PFIEV, đó là 163 kỹ sư PFIEV đầu tiên sẽ bảo vệ luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp trước các đại diện của các trường Pháp tham gia chương trình để có thể nhận được văn bằng có chữ ký của Hiệu trưởng của 2 trường Việt Nam và Pháp. Hai năm tiếp theo, 2005 và 2006, sẽ là giai đoạn

hoàn thiện chương trình. Và từ 2006 chương trình PFIEV sẽ được chuyển giao và vận hành từ kinh phí của các Trường ĐH Việt Nam.

Đại học Bách khoa- ĐHQG-HCM tham gia chương trình PFIEV với 4 ngành đào tạo là Viễn thông, Hệ thống năng lượng, Cơ điện tử và Hàng không, với các đối tác tương ứng là Trường Quốc gia Viễn thông Bretagne (ENST Bretagne), Trường Bách khoa quốc gia Toulouse (INP Toulouse), Trường Bách khoa Quốc gia Grenoble (INPG), và Trường Cơ khí hàng không cao cấp (ENSMA). Từ năm học 2004-2005, ĐH Bách Khoa ĐHQG - HCM sẽ đào tạo chuyên ngành thứ năm là ngành Vật liệu tiên tiến với đối tác là Trường Trung tâm Paris (ECP).

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong việc triển khai thực hiện dự án, để đạt những mục tiêu đề ra, 5 yếu tố quan trọng đã được chú trọng đến là:

Về Chương trình giảng dạy và tăng cường thực hành, Chương trình giảng dạy đã được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên một nền tảng Toán Lý vững chắc, tính

liên ngành rộng, giúp cho sinh viên có đủ kiến thức và công cụ để giải quyết vấn đề khoa học kỹ thuật một cách toàn diện và có kỹ năng làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả. Sinh viên được trang bị kỹ năng thực hành tốt với tiêu chuẩn 2 Sinh viên/1 bài thí nghiệm. Các PTN Lý, Quang, Điện, Điện tử và Hoá học đã được trang bị để phục vụ giảng dạy thực hành cho SV năm 1 và 2. Ngay từ năm thứ nhất Sinh viên đã được trang bị kỹ năng tin học như lập trình với C++, sử dụng các phần mềm tính toán Mapple, Matlab, và phần mềm xử lý số liệu thực nghiệm Synchronie. Sinh viên cũng được trang bị 2 ngoại ngữ: Tiếng Pháp và tiếng Anh.

Về hỗ trợ sư phạm, CBGD tham gia chương trình PFIEV có cơ hội trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn qua việc tham gia các khóa thực tập tại Pháp và Thái Lan.

Ngoài ra trong chương trình còn có các tuần lễ seminar, khi đó một số môn học sẽ được trực tiếp giảng dạy cho sinh viên bởi các chuyên gia, GS Pháp đến từ các trường đối tác.

Chương trình cũng nhận được sự tài trợ về tài liệu tham khảo khoa học kỹ thuật, sách giáo khoa, và giáo trình.

Về liên hệ với doanh nghiệp, sự gắn kết đào tạo ở đại học và môi trường doanh nghiệp rất được xem trọng trong đào tạo kỹ sư ở Pháp. Tiếp cận doanh nghiệp, giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp và nhận được phản hồi của doanh nghiệp sẽ giúp hoàn thiện chương trình đào tạo kỹ sư một cách tích cực. Phòng Quan hệ Doanh nghiệp đã được thành lập ở ĐH Bách khoa ĐHQG - HCM để xúc tiến việc gửi sinh viên thực tập, tổ chức tham quan nhà máy và mời chuyên gia đến báo cáo.

Về đầu vào chất lượng cao, để đảm bảo cho việc thực hiện

thành công các mục tiêu đề ra, sinh viên được tuyển chọn vào học trong chương trình phải là các sinh viên có năng lực, đã đạt giải quốc gia, quốc tế, hoặc đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển vào Đại học với các môn thi Toán nhân hệ số 3, Lý nhân hệ số 2 và Hóa nhân hệ số 1. Trong quá trình học tập sinh viên được làm việc trong môi trường thân thiện và thách thức, được kiểm tra đánh giá thường xuyên, được hỗ trợ tối đa để phát huy tiềm năng trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa.

MỘT VÀI SỐ LIỆU VỀ VIỆC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

- Kinh phí đầu tư:

Kinh phí do phía Pháp tài trợ cho 4 trường để thực hiện chương trình PFIEV là - 9750 000FF cho Giai đoạn 1 (1999- 2001) và 2 600 000euro cho Giai đoạn 2 (2002- 2004)

- Tổng số SV tham gia chương trình PFIEV-ĐHBK là: 369

- Số SV thuộc PFIEV-ĐHBK ĐHQG - HCM sẽ bảo vệ LVTN năm 2004 là 58 SV

- Số SV PFIEV-ĐHBK ĐHQG - HCM đang đi học ở nước ngoài gồm 11 SV ở Pháp, 7 SV ở Nhật và khoảng hơn 30 SV đang theo học ở Singapore, Úc, Malaysia và Nga.

- Số SV PFIEV-ĐHBK ĐHQG - HCM khoá 99 làm thực tập tốt nghiệp ở Pháp là 3 SV

- Số CBGD của ĐHBK ĐHQG - HCM đã đi thực tập ở Pháp và Thái Lan trong khuôn khổ chương trình PFIEV là 23 CBGD.

CÁC VẤN ĐỀ CẦN ĐƯỢC CẢI TIẾN ĐỂ CHƯƠNG TRÌNH ĐẠT HIỆU QUẢ HƠN.

- Về chương trình giảng dạy

Mặc dù nội dung giảng dạy là tiên tiến, nhưng có 2 vấn đề cơ bản cần giải quyết là:

- Số môn học trong một học

kỳ trung bình là 15 môn, có học kỳ lên đến 21 môn, là quá nhiều cho việc tiếp thu và vận dụng của sinh viên.

- Các môn chuyên ngành đưa vào quá muộn, chỉ đến năm thứ 5, nên ảnh hưởng đến chất lượng của các khoá thực tập và LVTN.

Về trang thiết bị thí nghiệm

- *Giai đoạn 1:* Việc triển khai là đúng tiến độ, kịp phục vụ việc giảng dạy và học tập.

- *Giai đoạn 2:* Việc triển khai là quá chậm, Sinh viên phải làm những thí nghiệm có sẵn ở các PTN trong trường.

Hạn chế về ngoại ngữ của sinh viên

Mặc dù được học 2 ngoại ngữ Anh, Pháp nhưng đa số sinh viên chưa thực sự có kỹ năng giao tiếp hiệu quả nên khi xin thực tập nước ngoài, việc tuyển chọn trên hồ sơ thì rất tốt nhưng khi phỏng vấn trực tiếp thì sinh viên gặp khó khăn.

Chế độ hỗ trợ sinh viên:

Sinh viên được tuyển chọn vào chương trình là SV đạt giải quốc gia và đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển sinh nhưng không có chế độ hỗ trợ như đối với sinh viên chương trình tài năng, trong khi phải theo học một chương trình nặng hơn rất nhiều.

Kinh phí bồi dưỡng CBGD

tham gia chương trình

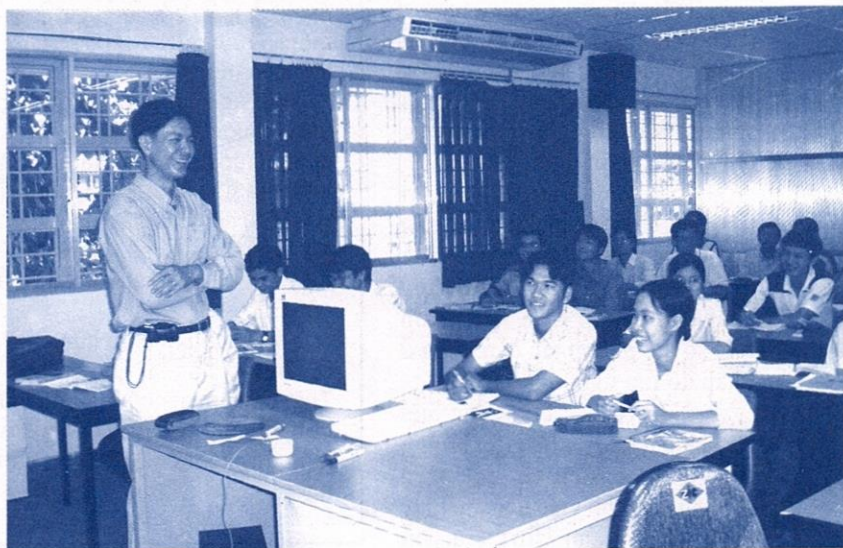
Do có sự chênh lệch giữa kinh phí bồi dưỡng CBGD của chương trình tài năng và chương trình PFIEV nên một số CBGD cảm thấy không được bồi dưỡng một cách tương xứng với công sức, làm hạn chế nhiệt tình tham gia giảng dạy cho PFIEV.

Thủ tục, kinh phí đón tiếp các đoàn khách nước ngoài

Chưa có những quy định thống nhất về phân công nhiệm vụ, kinh phí cho việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài giữa cơ sở và các phòng ban, gây khó khăn giữa các đơn vị.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

* Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao là một cơ hội giúp cho Giáo dục đại học Việt Nam tiếp cận với nền Giáo dục Đại học Pháp. Chương trình đã qua giai đoạn hình thành, phát triển để bước vào giai đoạn hoàn thiện. Hoàn thiện và hoàn thiện hơn nữa để Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao thực sự đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân tài cho xã hội và để Chương trình Đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao thực sự đạt tiêu chuẩn Giáo dục Đại học của khu vực và trên thế giới. Để hoàn thiện chúng ta cần thiết lập các kênh thông tin, góp ý từ các



doanh nghiệp tuyển dụng SV PFIEV, từ các doanh nghiệp nhận sinh viên thực tập; và chúng ta cần hành động để doanh nghiệp trở thành một trong những nguồn kinh phí đáng kể của Giáo dục Đại học. Để hoàn thiện và đưa NCKH vào chương trình đào tạo Đại học, một dự án về Đào tạo Sau Đại học có sự hỗ trợ của các Trường Pháp, Hội đồng Vùng của Pháp hoặc chính phủ Pháp sẽ là giải pháp giúp ĐH Bách Khoa ĐHQG - HCM có được các PTN phục vụ NCKH. Do đó sự liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp và với các trường Đại học của Pháp là một trong những yếu tố quan trọng để đạt được mục tiêu hoàn thiện. Để hoàn thiện sẽ còn cần rất nhiều nỗ lực từ tất cả các trường thành viên Pháp và phía Việt Nam. Và tôi tin rằng tất cả các trường thành viên phía Pháp và Việt Nam, trong đó có ĐH Bách khoa - ĐHQG-HCM đều sẽ đóng góp tích cực vào quá trình hoàn thiện.

* Để chương trình Đào tạo Kỹ sư chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cũng như việc hợp tác với các đối tác nước ngoài được hoàn thiện, một số vấn đề sau đây cần được xem xét, giải quyết:

- Tiến hành rà soát chương trình giảng dạy để tối ưu hoá sự phân bố các kiến thức nhằm giảm tải cho sinh viên và đưa sớm một số môn chuyên ngành vào giảng dạy từ các năm dưới.

- Hoàn thiện trang thiết bị, vì trên thực tế kinh phí dành cho giai đoạn 2 của mỗi chuyên ngành là quá ít (khoảng 70000Euros/ chuyên ngành). Cần tiến hành một số dự án hợp tác cấp vùng ở Pháp để tìm nguồn kinh phí.

- Nên có học bổng đặc biệt cho sinh viên tham gia chương trình để sinh viên có điều kiện chuyên tâm cho việc học tập thay vì phải đi dạy kèm, làm thêm, làm

ảnh hưởng chất lượng học tập.

- Tăng cường một số môn giảng dạy bằng tiếng Anh, Pháp tạo điều kiện sinh viên sử dụng thực sự ngoại ngữ trong học tập chuyên môn và giao tiếp.

- Bồi dưỡng tương xứng cho

CBGD tham gia PFIEV.

- Cần sớm ban hành quy trình về các thủ tục, phân công trách nhiệm giữa cơ sở đón tiếp, phòng ban trong trường và định mức đón tiếp để việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài được hiệu quả hơn.

THẠC SĨ TRẦN MINH TRIẾT- CHÀNG TRAI NĂNG ĐỘNG, BẢN LĨNH, TÀI GIỎI

Trần Minh Triết là người thường "gặt" các danh hiệu thủ khoa qua các mùa thi. Từ thủ khoa tú tài TPHCM năm 1997 đến Thủ khoa Trường ĐHKH Tự nhiên năm 2001 với điểm luận văn 10/10, rồi Thủ khoa Cao học CNTT Trường ĐH KHTN năm 2005, với điểm luận văn 10/10.



Chàng trai 26 tuổi có nụ cười hiền này còn giành hàng loạt giải thưởng về nghiên cứu khoa học: Giải nhất "Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ" năm 2001; Giải nhất giải thưởng "Sáng tạo kỹ thuật Vifotec" của Bộ GD-ĐT, Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam, Trung ương Đoàn và Hội sinh viên Việt Nam; Giải thưởng "Khoa học-Kỹ thuật thanh niên" của Trung ương Đoàn và Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia; Huy chương "Tuổi trẻ sáng tạo" của Trung ương Đoàn hai năm liền; Giải A "Tuổi trẻ sáng tạo hướng tới tương lai" của Trung ương Đoàn và Bộ KHCN; Giải nhất Eureka của Thành đoàn TPHCM...

Chưa thôi những ngày miệt mài với các công trình, những cuộc nghiên cứu thâu đêm để khám phá sự bí ẩn của khoa học, Triết đã phải bắt tay vào việc hướng dẫn cho các học trò chỉ kém mình... 2 tuổi. Với cương vị là giảng viên bộ môn Công nghệ phần mềm Trường ĐHKH-TN ĐHQG - HCM, Triết càng có điều kiện tìm tòi sáng tạo.

Triết nói: "Trước thi được học với các thầy, các bậc tiền bối, giờ thi được học từ những bài làm của sinh viên, tôi thấy ở đâu tôi cũng được học hết". Năm 2004, đề tài "Nghiên cứu một số thuật toán mã hóa và bảo vệ thông tin trong giao dịch điện tử", một đề tài NCKH cơ bản cấp nhà nước của TS Dương Anh Đức và Trần Minh Triết được nghiệm thu xuất sắc, cũng là lúc các học trò của thầy Triết thay nhau đạt các giải Eureka và nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

Vốn là cậu học trò của các lớp chuyên toán từ cấp 2 đến cấp 3, lên Đại học lại học tin học nên ai cũng cho rằng trong đầu Triết chỉ tồn tại những công thức và... công thức. Thế nhưng, các bạn và thầy cô của Triết lại tiết lộ: nhà khoa học trẻ này đã lớn lên cùng một chiếc dương cầm, và còn có "hoa tay" trong các ngón "cầm, kỳ, thi, họa".

L.AN - M.ĐỨC

ĐHQG-HCM KHAI GIẢNG KHOÁ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC GIẢNG DẠY ANH NGỮ

THẢO NGUYỄN



Tiếp tục thực hiện đề án hợp tác 3 bên giữa ĐHQG-HCM, Hội đồng Anh và Hội đồng thi tiếng Anh Cambridge trong lĩnh vực kiểm tra trình độ tiếng Anh, ngày 4/4/2005, Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo đã tổ chức Lễ khai giảng khoá tập huấn giáo viên tại Hội trường Số 3 Công trường Quốc tế. Tham dự buổi lễ có TS. Nguyễn Đức Nghĩa, Phó Giám đốc ĐHQG-HCM, bà Debbie Clarke, Tổng Lãnh sự Anh tại TP.HCM, đại diện Hội đồng Anh tại TP.HCM, lãnh đạo các Ban chức năng của ĐHQG-HCM cùng 100 giảng viên tham gia khoá học.

Tại Lễ khai giảng khoá tập huấn, TS. Nguyễn Đức Nghĩa cho biết: "Đề án hợp tác giữa ĐHQG-HCM và Hội đồng Anh và Hội đồng thi Đại học Cambridge mà Bản ghi nhớ hợp tác đã được ký kết vào ngày 21/01/2005 vừa qua là một kế hoạch hợp tác toàn diện và dài hơi giữa 3 đối tác nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập tiếng Anh tại ĐHQG-HCM. Để đạt được mục đích này, đề án đã được xây dựng với hai mục tiêu chính, trong đó mục tiêu đầu tiên là cải tiến cách kiểm tra và công nhận trình độ tiếng Anh của sinh viên theo hướng chuẩn hóa quốc tế bằng hệ thống chứng chỉ tiếng Anh quốc tế mang tên EICAS với kỳ thi đầu tiên sẽ được tổ chức tại ĐHQG-HCM vào ngày 23/7/2005 sắp đến cho 300 sinh viên hệ cử nhân - kỹ sư tài năng khóa đầu tiên của ĐHQG-HCM và các đối tượng có quan tâm khác. Bên cạnh đó, một mục tiêu khác không kém phần quan trọng cũng được hết sức chú trọng là nâng cao năng lực giảng dạy tiếng Anh của các giảng viên, cung cấp cho họ những kiến thức và kỹ năng mới để giúp họ thành công trong việc chuẩn bị cho sinh viên của mình vượt qua kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh theo đúng chuẩn mực quốc tế này." TS. Nguyễn Đức Nghĩa nhấn mạnh sau khi tham gia khoá học kéo dài trong 6 tuần, các giảng viên đến từ các trường, khoa thành

viên này sẽ là nhân tố quyết định cho sự thành công của đề án, là những hạt nhân tích cực thúc đẩy việc nâng cao chất lượng giảng dạy tại ĐHQG-HCM.

Phát biểu tại Lễ khai giảng, bà Debbie Clarke, Tổng lãnh sự Anh tại TP.HCM cho rằng: "Trong 11 năm qua, chính phủ Anh đã hợp tác rất chặt chẽ với chính phủ Việt Nam và các tổ chức giáo dục chủ chốt của Việt Nam trong lĩnh vực phát triển giáo dục. Chúng tôi tự hào là đã hỗ trợ được nhiều dự án ở mọi cấp độ và trong nhiều lãnh vực của hệ thống giáo dục. Trong thời gian này chúng tôi đã thấy nhiều trường phổ thông và đại học của Việt Nam đổi mới và bắt đầu thấy được tiềm năng của một đất nước có truyền thống hiếu học lâu đời". Đề cập đến mục đích của khoá học, bà Tổng lãnh sự Anh tại TP.HCM nhấn mạnh: "Mục đích của khoá học mà các bạn sắp tham gia nói riêng hay mục đích của sự hợp tác giữa 3 tổ chức nói chung là để đảm bảo một điều là sinh viên của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh sẽ được học tiếng Anh theo phương pháp tiên tiến nhất và khả năng tiếng Anh của các em sẽ được đánh giá theo cách mà sẽ khuyến khích các em phát triển kỹ năng giao tiếp chứ không chỉ kiến thức về tiếng Anh". Nói về tầm quan trọng của chứng chỉ EICAS và khoá tập huấn, bà Debbie Clarke cho biết thêm: "Tiếng Anh đã trở thành một ngôn ngữ không thể thay thế trong thương mại và giao tiếp với nước ngoài, nên việc giáo viên chú trọng phát triển khả năng sinh viên hiểu được tiếng Anh nói và làm cho người khác hiểu điều mình nói càng trở nên cấp thiết hơn. Chính vì vậy mà EICAS có vai trò rất quan trọng. EICAS giúp đánh giá khả năng giao tiếp chứ không chỉ kiến thức về tiếng Anh của học viên. Vì vậy mà khoá tập huấn này giúp các bạn hướng việc dạy của mình vào mục đích giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp và sau này chứng tỏ cho nhà tuyển dụng biết mình có thể làm được như vậy".

Về việc xây dựng... (Tiếp theo trang 18)

lời kêu gọi coi trọng việc giảng dạy sử học, văn hoá học, đạo đức học. Những ngành đào tạo đang thu hút đông thí sinh nhất hiện nay phần lớn đều là những ngành KHXH&NV như luật học, báo chí, kinh tế, ngoại ngữ, ngoại thương, Đông phương học...

3. ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU KHXH&NV CỦA ĐHQG TP. HCM

Đối với các khoa học tự nhiên và công nghệ thì địa bàn chỉ là vấn đề ứng dụng những thành tựu nghiên cứu chung (mang tính phổ quát) vào những điều kiện và hoàn cảnh của một địa phương cụ thể. Trong khi đó thì KHXH&NV do tính đặc thù nên luôn luôn gắn chặt với địa bàn, mỗi địa bàn là một đối tượng nghiên cứu riêng, có những đặc trưng riêng, đôi khi thậm chí cần phải có những phương pháp tiếp cận riêng. Vì vậy việc xác định địa bàn đối với nghiên cứu KHXH&NV là rất quan trọng.

Đại học Quốc gia Tp. HCM hoạt động trong phạm vi cả nước mà trọng điểm là địa bàn các tỉnh phía Nam, bao gồm vùng ven biển Nam Trung bộ, vùng Tây Nguyên và vùng Nam Bộ. Trên địa bàn này, ngoài Đại học Quốc gia Tp. HCM còn có nhiều trường đại học có các khoa, ngành đào tạo và nghiên cứu KHXH&NV như Đại học Đà Nẵng, Đại học Quy Nhơn, Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt, Đại học Cần Thơ, Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang và hàng chục trường đại học và cao đẳng chuyên ngành trên địa bàn Tp. HCM. Ngoài khối đại học, ở

Tp. HCM còn có Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ và hàng loạt trung tâm nghiên cứu chuyên ngành khác.

Tuy nhiên, trong tất cả các cơ sở nghiên cứu KHXH&NV kể trên, không một cơ sở nào có được vị thế và điều kiện thuận lợi như Đại học Quốc gia Tp. HCM. Với tư cách là một trong hai trung tâm tâm cỡ quốc gia có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và nghiên cứu khoa học, trong đó có KHXH&NV, hoạt động trong phạm vi cả nước, Đại học Quốc gia Tp. HCM là đơn vị có lực lượng các nhà KHXH&NV đông đảo nhất ở khu vực phía Nam và là một đơn vị duy nhất có sứ mạng và tiềm lực nghiên cứu một cách tổng hợp các vấn đề KHXH&NV nảy sinh trên địa bàn các tỉnh phía Nam.

Ngoài ra, phải nhận rằng hơn ai hết, Đại học Quốc gia Tp. HCM phải nhận lấy trách nhiệm nghiên cứu những vấn đề KHXH&NV nảy sinh trong mối quan hệ giữa Việt Nam nói chung và khu vực phía Nam Việt Nam nói riêng với các quốc gia Đông Nam Á. Nói cách khác, địa bàn hoạt động của Đại học Quốc gia Tp. HCM trong lĩnh vực nghiên cứu KHXH&NV là một khu vực lấy Tp. HCM làm trung tâm với bán kính 1.000km.

4. TIỀM LỰC KHXH&NV CỦA ĐHQG TP. HCM

Để xây dựng được định hướng chiến lược trong việc nghiên cứu KHXH&NV, Đại học Quốc gia Tp. HCM cần đánh giá đúng tiềm lực nghiên cứu của mình. Đội ngũ

CBGD và nghiên cứu KHXH&NV của Đại học Quốc gia Tp. HCM thời gian vừa qua có thể nói là đã phát triển vượt bậc. Nếu trước năm 1975, Đại học Văn Khoa chỉ có hai ban (văn-sử-triết và ngoại ngữ) đào tạo 7 ngành hệ cử nhân; năm 1996 (thời kỳ Đại học Tổng hợp Tp. HCM) có 198 CGBD với 9 khoa, đào tạo 19 ngành; thì hiện nay (2005) Đại học KHXH&NV đã có CGBD với 14 khoa, 4 bộ môn trực thuộc và 5 trung tâm, đào tạo 32 ngành hệ cử nhân.

Tuy nhiên, nếu so với yêu cầu của thực tế và trong mối tương quan với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ thì lực lượng này của KHXH&NV vẫn là rất mỏng. Tỷ lệ SV/ CGBD của Đại học KHXH&NV là 33,8 SV/ CGBD [ĐHQG TP. HCM 2004: II]. So với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ thì tương quan lực lượng như sau [ĐHQG TP. HCM 2002; Lê Trọng An 2004] (Xem bảng)

Với một lực lượng mỏng như vậy và gánh nặng đào tạo như vậy, yêu cầu đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu KHXH&NV là một việc rất khó khăn.

5. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH NGHIÊN CỨU KHXH&NV CỦA ĐHQG TP. HCM

Như vậy, chúng ta đang đứng trước vô vàn nghịch lý nhỏ và một nghịch lý lớn liên quan đến KHXH&NV. Nhỏ, chẳng hạn như nghịch lý chọn nghề: trong khi ở trường phổ thông chỉ những em dốt nhất mới được vào ban C thì đến khi thi đại học rất đông người đam mê vào các ngành khoa học xã hội. Lớn là nghịch lý: trong khi nhân loại nói chung và Việt Nam

Stt	Số lượng	ĐH KHXH&NV		ĐH KHTN (2002)	ĐH KHCN (2002)
		2002	2004	(2002)	(2002)
1.	CBGD	264	386	427	824
2.	GS, PGS	6	19	32	34
3.	TS, TSKH	63	63	96	172
4.	ThS	89	125	118	229

nói riêng đang nhận thức ra rằng phần lớn nguyên nhân của những vướng mắc và yếu kém là nằm ở nhân tố con người, và trong khi KHXXH&NV đang ngày càng có giá và lên ngôi, thì do sự coi nhẹ và thiếu đầu tư đúng mức trước đó mà KHXXH&NV chưa đủ khả năng đáp ứng ở mức độ cao những yêu cầu của xã hội.

Tình trạng này không thể tiếp tục kéo dài.

Căn cứ vào những đặc điểm của KHXXH&NV, triển vọng của KHXXH&NV cùng thực trạng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu KHXXH&NV đã trình bày ở trên, có thể thấy có ít nhất là 4 biện pháp cấp bách giúp nâng cao hiệu quả nghiên cứu KHXXH&NV như sau:

Thứ nhất, bản thân các nghiên cứu KHXXH&NV phải tự đổi mới mình để sao cho các tri thức phải được phát hiện và trình bày theo những tiêu chuẩn chặt chẽ của phương pháp luận khoa học, hạn chế tối đa những ý tưởng mơ hồ, những trình bày không rõ luận điểm, những lập luận thiếu chứng minh, v.v. nhằm nâng cao tính thuyết phục và tính khoa học của công trình.

Thứ hai, trong điều kiện lực lượng nghiên cứu mỏng như hiện nay, chiến lược nghiên cứu cần 5-10 năm tới cần giới hạn địa bàn, tập trung mũi nhọn vào một vùng thích hợp nhất - đó là vùng Nam Bộ.

Thứ ba, các nhà quản lý cần phải đổi mới về nhận thức KHXXH&NV trên cơ sở hiểu rõ những đặc thù của nó, từ đó có sự đầu tư đúng mức để tạo điều kiện cho nó phát triển.

Thứ tư, trong sự đầu tư đó, cần đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường đội ngũ cán bộ đào tạo và nghiên cứu KHXXH&NV về số lượng và nâng cao hơn nữa về chất lượng. Đồng thời, cần tính đến việc bổ sung những ngành KHXXH&NV quan trọng còn thiếu, thành lập Viện Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Hoà, 1995: Bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá - đô thị hoá ở Tp. Hồ Chí Minh. - T/c Thông tin lý luận, số 10, tr. 20-24.

2. Lê Trọng Ân, 2004: Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (đề tài khoa học cấp trường). - Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 - 2004, 46tr.

3. ĐHQG Tp. HCM, 2002: Đề án xây dựng đội ngũ giai đoạn 2002 - 2007. - Tp. Hồ Chí Minh, tháng 8 - 2002, 23 tr. + 15 bảng.

4. ĐHQG Tp. HCM, 2004: Báo

cáo tổng kết năm học 2003 - 2004 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2004 - 2005. - Tp. Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2004, 18 tr. + x tr. Phụ lục.

.....
¹ Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2003 - 2004 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2004 - 2005 của Đại học Quốc gia Tp. HCM, tr IX.

² Theo báo Sài Gòn giải phóng số 128, ngày 26-6-1993.

³ Theo tin của hãng Reuters đăng trên báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 24-2-2005.

⁴ Cuộc điều tra trong 1.800 thanh niên Tp. HCM thực hiện vào năm 1994 [Nguyễn Minh Hoà 1995: 22]

THỂ LỆ CUỘC THI BÌNH CHỌN TRUYỆN NGẮN

(Tiếp theo lần 3)

ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Toàn thể học sinh các trường trung học cơ sở, Trung học phổ thông; sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp - Dạy nghề trong cả nước.

THỜI GIAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Ngày 26 - 3 - 2005 là ngày phát động Cuộc thi và kết thúc nhận bài dự thi hết ngày 31 tháng 12 năm 2005 (theo dấu bưu điện).

Tổng kết và trao giải thưởng vào dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26 - 3 - 2006.

NƠI NHẬN BÀI DỰ THI

Nhà xuất bản Giáo dục: 25 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 8242539

QUYỀN LỢI VÀ GIẢI THƯỞNG

Những bài bình hay sẽ được chọn đăng trên tạp chí Văn học và Tuổi trẻ của Nhà xuất bản Giáo dục.

Khi tái bản các tập truyện ngắn viết cho thanh niên học sinh, sinh viên, Nhà xuất bản Giáo dục sẽ đăng các lời bình hay dưới mỗi truyện.

CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG NHƯ SAU:

- | | |
|--|------------|
| - Giải nhất, mỗi giải trị giá: | 5.000.000đ |
| - Giải nhì, mỗi giải trị giá: | 3.000.000đ |
| - Giải ba, mỗi giải trị giá: | 2.000.000đ |
| - Giải khuyến khích, mỗi giải trị giá: | 500.000đ |

Ban Giám khảo chấm lời bình gồm những nhà văn, nhà phê bình văn học, nhà khoa học, nhà giáo có tên tuổi.

BAN TỔ CHỨC.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

BAN CÁN SỰ ĐOÀN ĐHQG - HCM TỔ CHỨC NHIỀU HOẠT ĐỘNG CHÀO MỪNG 74 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Hoà trong không khí tưng bừng của đoàn viên, thanh niên cả nước chào mừng 74 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2005), Ban Cán sự Đoàn ĐHQG - HCM đã tổ chức nhiều hoạt động chào mừng sinh nhật Đoàn.

Ngày 24/03, Liên hoan, triển lãm CLB- đội- nhóm học thuật lần 2/2005 (ĐHQG TP. HCM) đã diễn ra tại hội trường B, ĐH Bách Khoa với sự tham gia của gần 20 CLB- đội- nhóm đến từ các trường thành viên ĐHQG TP. HCM (ĐH Bách Khoa, ĐHKHTN, ĐHKHXH& NV, Khoa Kinh Tế) như: CLB Điện- Điện tử, CLB Hoá, CLB Tin học ĐH Bách Khoa, CLB Công nghệ vật liệu, CLB Kỹ năng, CLB Địa lý, CLB Nghiên cứu kinh tế, CLB tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Đức, Đội CTXH... Liên hoan ngoài việc giới thiệu với đông đảo các bạn SV về các CLB- đội- nhóm, còn là dịp trao đổi, giao lưu, học tập kinh nghiệm giữa các CLB- đội- nhóm để nâng cao và ngày càng hoàn thiện mô hình hoạt động của mình cũng như thu hút được sự tham gia đông đảo của những thành viên mới.

PV



- Hội thi "Duyên dáng sinh viên ĐHQG-HCM" do Hội sinh viên trường ĐH.KHXH&NV đăng cai, đã diễn ra vào tối 24/3/2005. Vượt qua cuộc thi ảnh chân dung và trắc nghiệm kiến thức ở vòng sơ khảo với sự tham gia của 99 nữ sinh viên, 20 nữ sinh viên đến từ 5 đơn vị thành viên ĐHQG-HCM đã trải qua 3 phần thi của đêm chung khảo, gồm phần thi trang phục, năng khiếu và ứng xử. Kết quả cuối cùng danh hiệu Hoa khôi thuộc về Đinh Ngọc Diệp, sinh viên năm III, khoa Ngữ Văn - Báo chí, trường ĐH.KHXH&NV, bên cạnh đó Đinh Thị Ngọc Diệp còn đoạt giải nữ sinh viên được khán giả yêu thích nhất, nữ sinh viên mặc áo dài đẹp nhất, nữ sinh viên có ảnh chân dung đẹp nhất và nữ sinh viên có phần thi năng khiếu xuất sắc nhất; danh hiệu Á

khôi một và giải nữ sinh viên trả lời ứng xử hay nhất thuộc về Võ Thị Ngọc Quỳnh, sinh viên năm II, trường ĐHKHXH&NV; danh hiệu Á khôi hai thuộc về Nguyễn Thị Thanh Hoa, sinh viên năm I, bộ môn Quan hệ Quốc tế, trường ĐH.KHXH&NV. Ngoài ra, Ban tổ chức còn trao giải thí sinh có điểm phần thi trắc nghiệm ở vòng loại cao nhất và giải thí sinh mặc trang phục đẹp nhất cho Nguyễn Thị Thu Lại, sinh viên năm IV, Khoa Lịch sử, ĐH.KHXH&NV và Lê Thị Hoài, sinh viên năm II, Khoa Ngữ văn Nga, ĐH.KHXH&NV.

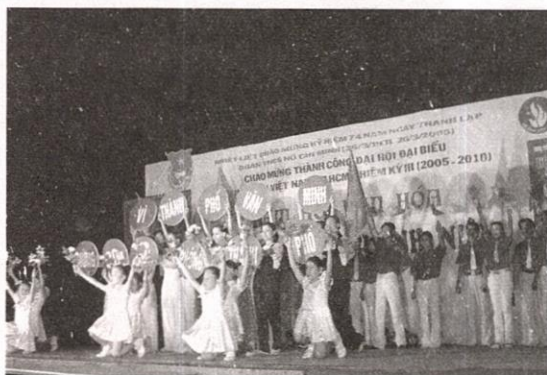
Thông qua hội thi, Ban tổ chức mong muốn chọn ra những nữ sinh viên duyên dáng nhất, đại diện cho nữ sinh viên ĐHQG-HCM tham dự hội thi sinh viên duyên dáng cấp thành và toàn quốc.

- Sáng 25/3/2005, Lễ tuyên dương sinh viên 3 tốt ĐHQG-HCM, lần VII, năm 2005 đã diễn ra trang trọng tại hội trường Nhà điều hành ĐHQG-HCM. Năm học này có 122 sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong phong trào 3 tốt "Học tập tốt, rèn luyện tốt, thể lực tốt" được tuyên dương. Trong đó trường Đại học Bách Khoa có 40 SV, trường ĐH.KHTN có 35 SV, trường ĐH.KHXH&NV có 30 SV, khoa Kinh tế có 15 SV, Trung tâm Công nghệ Thông tin có 2 SV. 30% số sinh viên được tuyên dương lần này là những gương mặt sinh viên 3 tốt ĐHQG-HCM năm 2003 và Thành phố năm 2004. Trong số các sinh viên được tuyên dương năm nay có 11 sinh viên xuất sắc nhất được nhận bằng khen của Giám đốc ĐHQG-HCM.

Đây là hoạt động hàng năm của ĐHQG-HCM nhằm đưa phong trào sinh viên 3 tốt do Hội Sinh viên Việt Nam TP.HCM phát động trở thành phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong sinh viên ĐHQG-HCM, qua đó giới thiệu các gương mặt sinh viên điển hình nhất, xuất sắc nhất cho phong trào sinh viên 3 tốt của Tp.HCM.

MINH BẢO

- Cũng trong ngày, 25/3/2005, Chương trình "Chào tháng 3" đã được tổ chức trong khuôn viên Trung tâm



Quản lý KTX ĐHQG-HCM với các khu gian hàng trò chơi và ẩm thực dân gian, gian hàng lưu niệm, chiếu phim truyền thống, hát karaoke, đặc biệt vào buổi tối các sinh viên đã được thưởng thức chương trình văn nghệ đặc sắc kỉ niệm ngày thành lập Đoàn và chào mừng thành công của Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Tp.HCM, nhiệm kì III. Cũng trong đêm văn nghệ Ban Chấp hành Hội Sinh viên Tp.HCM nhiệm kì III đã ra mắt sinh viên ĐHQG-HCM.

BT

ĐOÀN CÁN BỘ ĐHQGHN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐHQG-HCM

Thực hiện chương trình hợp tác giữa hai Đại học Quốc gia về công tác học sinh, sinh viên, ngày 24/3/2005, đoàn cán bộ Đại học Quốc gia Hà Nội do TS. Bùi Văn Loát, Phó Trưởng Ban Chính trị - Công tác Học sinh Sinh viên, Đại học Quốc gia Hà Nội đã đến thăm và làm việc với Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi tham dự Liên hoan các Câu lạc bộ-đội-nhóm học thuật ĐHQG-HCM, lần II, năm 2005, đoàn đã có buổi làm việc với Ban Công tác Chính trị-Sinh viên ĐHQG-HCM.

Tại buổi làm việc, hai bên đã giới thiệu về công tác học sinh, sinh viên trong năm vừa qua của đơn vị mình, đồng thời cùng thảo luận các vấn đề liên quan đến công tác quản lý học sinh sinh viên. Cũng tại buổi làm việc, hai bên đã thỏa thuận các nội dung để đi đến ký kết bản ghi nhớ hợp tác giữa hai Ban Công tác Chính trị & Học sinh - Sinh viên trong thời gian sắp tới.

TRUNG THỦY

ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN HOA KỲ TẠI VIỆT NAM THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐHQG-HCM



Ngày 30/3/2005, Ông Michael W. Marine, Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền Hoa Kỳ tại Việt Nam đã đến thăm và làm việc với ĐHQG-HCM.

PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát, Giám đốc ĐHQG-HCM đã giới thiệu tổng quát về ĐHQG-HCM, bày tỏ mong muốn thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa ĐHQG-HCM và các trường ĐH tại Hoa Kỳ. Ngài Đại sứ Hoa Kỳ đánh giá cao những kết quả đạt được trong thời gian qua và tiềm năng phát triển của ĐHQG-

HCM. Ngài Đại sứ cho rằng triển vọng hợp tác giữa các ĐH Hoa Kỳ với ĐHQG-HCM là rất lớn, trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc trao đổi cán bộ, giảng viên và sinh viên giữa ĐHQG-HCM và các ĐH Hoa Kỳ. Phía Hoa Kỳ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên của ĐHQG-HCM sang học tập, nghiên cứu tại các trường ĐH của Hoa Kỳ.

Tại buổi làm việc, Ngài Đại sứ Hoa Kỳ đã dành phần lớn thời gian để giao lưu và giải đáp những thắc mắc của sinh viên ĐHQG-HCM về nền giáo dục Hoa Kỳ và các điều kiện du học tại Hoa Kỳ.

BT

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG ĐẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐHQG-HCM



Ngày 03/03/2005, Đoàn Đại học Đà Nẵng do TS. Nguyễn Hồng Anh, Phó Giám đốc Đại học Đà Nẵng, làm trưởng Đoàn đã đến thăm và làm việc với ĐHQG-HCM.

TS. Nguyễn Đức Nghĩa, Phó Giám đốc ĐHQG-HCM giới thiệu tóm tắt về quá trình hình thành và phát triển của ĐHQG-HCM. Hai bên đã trao đổi kinh nghiệm về hệ thống quản lý và đào tạo hệ tin chỉ. Sau đó Đoàn Đại học Đà Nẵng sẽ có buổi làm việc, trao đổi kinh nghiệm với hai trường đi đầu trong ĐHQG - HCM về hệ đào tạo tin chỉ là trường Đại học Bách khoa và Khoa học Tự nhiên.

BAN ĐÀO TẠO

ĐHQG-HCM TIẾP ĐOÀN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA CHÍNH PHỦ

Ngày 11/4/2005, Đoàn Thẩm định Dự án Giáo dục Đại học của Chính phủ do ông Mai Hữu Dũng, Phó vụ trưởng Vụ Thẩm định và Giám sát đầu tư - Bộ Kế hoạch & Đầu tư làm Trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc với ĐHQG-HCM.

Tiếp và làm việc với đoàn, về phía ĐHQG-HCM có TS. Huỳnh Thành Đạt, PGĐ ĐHQG-HCM, đại diện Văn phòng, Ban QLDA GDĐH, Ban KH-TC, các đơn vị thụ hưởng các tiểu dự án mức A, mức B, mức C ưu tiên 1 và mức C ưu tiên 2.



Thay mặt ĐHQG-HCM, TS.Huỳnh Thành Đạt đã báo cáo với đoàn các kết quả đạt được từ Tiểu dự án mức A và tiến độ triển khai các tiểu dự án mức B, C1 và C2. Đại diện của Ban QLDAGĐĐH, Ban tiếp nhận các tiểu dự án đã giải trình những vấn đề đoàn thẩm định quan tâm và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

Thay mặt đoàn thẩm định, ông Mai Hữu Dũng đánh giá cao những nỗ lực của ĐHQG-HCM trong việc triển khai các tiểu dự án, đồng thời ghi nhận những kiến nghị của ĐHQG-HCM về thuế, quy trình xét duyệt, các quy định liên quan đến quá trình triển khai các hoạt động của các tiểu dự án và trình lên các cấp liên quan nhằm giúp ĐHQG-HCM tháo gỡ những khó khăn, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện các tiểu dự án.

DAGD

ĐHQG-HCM TỔ CHỨC HỘI NGHỊ SƠ KẾT ĐỀ ÁN KỸ SƯ, CỬ NHÂN TÀI NĂNG GIAI ĐOẠN 2002-2006

Ngày 19/4/2005, ĐHQG-HCM đã tổ chức Hội nghị Sơ kết đề án kỹ sư, cử nhân tài năng giai đoạn 2002-2006 và phương hướng phát triển giai đoạn 2006-2010.

Đến dự Hội nghị về phía khách mời có PGS.TS.Nguyễn Văn Nhã, Trưởng Ban Đào tạo ĐHQG - Hà Nội, về phía ĐHQG - HCM có PGS.TS.Nguyễn Tấn Phát, Ủy viên TW Đảng, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT,

Giám đốc ĐHQG-HCM; PGS.TS.Trần Chí Đáo, nguyên GD ĐHQG-HCM; GS.TS.Trương Minh Vệ, nguyên PGĐĐHQG-HCM và các PGĐ, lãnh đạo các ban chức năng ĐHQG-HCM, đại diện Ban Giám hiệu, các nhà khoa học của các đơn vị thành viên ĐHQG - HCM.

PGS.TS.Nguyễn Chu Hùng, Trưởng Ban Đào tạo ĐHQG-HCM đã báo cáo sơ kết hoạt động đề án kỹ sư, cử nhân tài năng giai đoạn 2002-2006 và phương hướng phát triển giai đoạn 2006-2010. Theo báo cáo đề án: "Đào tạo kỹ sư, cử nhân tài năng một số ngành trọng điểm của ĐHQG-HCM" khẳng định một hướng đi đúng đắn để đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước của ĐHQG-HCM. Về phương hướng phát triển đề án giai đoạn 2006-2010 là sự cụ thể hoá: "mở rộng thêm về số lượng sinh viên và các trường, khoa thành viên của



ĐHQG-HCM tham gia vào đề án".

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nghe tham luận và các ý kiến đóng góp của các đơn vị thành viên ĐHQG-HCM.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Giám đốc ĐHQG-HCM nhấn mạnh việc đào tạo sinh viên hệ cử nhân tài năng thật sự có kết quả tốt, đã tạo động lực cho việc dạy tốt và học tốt trong các nhà trường.

MINH LAN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

SINH VIÊN VN ĐẠT LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC TẠI NHẬT

Trần Ngọc Sơn, sinh năm 1980, sinh viên khoa Điện tử Trường Đại học Bách khoa TP.HCM vừa tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Tokyo - trường đại học lớn nhất Nhật Bản - với luận văn xuất sắc và được tuyển thẳng vào hệ cao học. Đây là lần thứ 2 liên tiếp sinh viên Việt Nam tốt nghiệp ĐH Tokyo với luận văn xuất sắc (năm 2004, Phạm Nam Hải, cựu sinh viên ĐH Bách khoa tốt nghiệp với luận văn xuất sắc).

Đề tài luận văn tốt nghiệp của Trần Ngọc Sơn có

tên "Tính chất từ tính của Mangan (Mn) trong cấu trúc bán dẫn GaAs (Mn-doped GaAs: Properties of Mn Doped GaAs-based Semi Conduction Hetero structures)". Bên cạnh thành tích trong học tập và nghiên cứu, Trần Ngọc Sơn còn là thành viên tích cực của Ban Thể Thao của VYSA - Hội Thanh niên sinh viên Việt Nam tại Nhật Bản.

Lớp học của Sơn gồm 130 sinh viên, có 8 sinh viên có luận văn xuất sắc (7 sinh viên Nhật và Sơn).

T.A

TRANG TIN

- Trong 2 ngày 23/3 và 24/3/2005 nhân chuyến đi thực tế của đoàn sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Eindhoven (Hà Lan) tại thành phố Hồ Chí Minh, đoàn đã đến thăm và giao lưu với sinh viên Khoa Kỹ thuật Xây dựng và Khoa Kỹ thuật Giao thông nhằm tìm hiểu các hoạt động, chương trình học, những thành tựu của khoa, tham quan các phòng thực tập, phòng thí nghiệm.

- Ngày 24/3/2005, Bộ môn Kỹ thuật Hàng không - Khoa Kỹ thuật Giao thông kết hợp với Tập đoàn SNECMA - Tập đoàn nghiên cứu chế tạo động cơ máy bay của Cộng hòa Pháp tổ chức hội thảo chuyên đề về động cơ máy bay. Hàng năm Tập đoàn SNECMA tổ chức hội thảo chuyên đề về các vấn đề liên quan đến nghiên cứu phát triển, công nghệ chế tạo, bảo

dưỡng động cơ máy bay tại trường Đại học Bách khoa TP.HCM.

- Hội thảo quốc tế "Nghiên cứu việc chuẩn hóa trình độ Anh ngữ trong hệ thống đào tạo đại học Việt Nam bằng chương trình kiểm tra tiếng Anh quốc tế - TOEIC" được tổ chức vào ngày 31/3/2005 tại trường Đại học Bách khoa. Tại hội thảo nhiều bài tham luận của các đại biểu giới thiệu về TOEIC như 1 tiêu chuẩn của các đại biểu giới thiệu về TOEIC như 1 tiêu chuẩn Anh ngữ trong hệ thống giáo dục đại học trong nước và quốc tế. Đây là lĩnh vực đang được các trường đại học, các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân quan tâm để có những điều chỉnh và định hướng trong việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực phục vụ quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế của Việt Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỰ NHIÊN

* Từ ngày 12-3 đến ngày 19-3, đội sinh viên tình nguyện trường ĐH KHTN đã phát động "tuần lễ vì trường lớp xanh, sạch đẹp và ngày Thứ bảy tình nguyện". Cuộc phát động đã vận động được nhiều sinh viên tham gia các hoạt động: xóa bỏ các áp phích cũ trên tường, thu lượm các tờ bướm, quảng cáo trong sân trường, trên bảng thông báo của các Khoa, thực hiện lau dọn vệ sinh phòng thí nghiệm, thực tập. Ngoài ra các sinh viên tình nguyện còn tham gia vệ sinh trong khu vực KTX ĐHQG-HCM

Đây là hoạt động thường xuyên, có ý nghĩa thiết thực nâng cao ý thức của sinh viên giữ gìn trường lớp xanh, sạch đẹp.

TRẦN MINH BẢO

* Ngày 19-3, Đoàn trường ĐH KHTN đã tổ chức ngày hội Thanh niên khỏe lần 2. Ngày hội lần này đã thu hút được nhiều sinh viên tham gia ở các nội dung: chạy việt dã (nam, nữ), hít đất (nam, nữ), tăng bóng (nam), nhảy dây (nam, nữ), kéo co (nam nữ phối hợp). Các sinh viên đạt tiêu chuẩn sẽ được cấp giấy chứng nhận "sinh viên khỏe". Riêng nội dung tăng bóng và nhảy dây, các sinh viên không được cấp giấy chứng nhận mà chỉ được khen thưởng.

Ngày hội đã nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất, tạo sân chơi lành mạnh cho các sinh viên năm 1 đang học ở Linh Trung-Thủ Đức.

TRẦN MINH BẢO

* 1.000 SINH VIÊN THAM DỰ OLYMPIC TIN HỌC SINH VIÊN 2005

Ngày 29-3, Hội Tin học VN (VAIP), thành viên ban tổ chức, đã chính thức công bố cuộc thi Olympic Tin học Sinh viên VN năm 2005 (OLP'05).

OLP'05 diễn ra trong 3 ngày (từ 23 đến 25-4-2005) tại trường ĐHKHTN, ĐHQG-HCM, Đây là cuộc thi có quy mô lớn nhất từ trước đến nay với 8 khối thi, các đội tuyển từ 80 trường ĐH, CĐ với gần 1.000 sinh viên và các đội tuyển đến từ các trường ĐH trong khu vực ASEAN. Ba đội giành giải cao trong phần thi được chọn để đại diện VN tham dự cuộc thi lập trình quốc tế ACM tại Thượng Hải vào tháng 8-2005.

T.DŨNG

* TRƯỜNG PHỔ THÔNG NĂNG KHIẾU (ĐH QUỐC GIA TPHCM) TUYỂN 210 HỌC SINH VỚI 200 SUẤT HỌC BỔNG

Ngày 10-4, Trường Phổ thông Năng khiếu (PTNK) thuộc ĐH Quốc gia TPHCM đã công bố kế hoạch tuyển sinh. Theo đó, năm học 2005-2006, Trường PTKN thuộc ĐH Quốc gia TPHCM sẽ tuyển sinh vào các lớp 10 chuyên toán, tin học, lý, hóa, sinh, Anh văn và văn với chỉ tiêu tuyển là 210 học sinh (HS) (trong đó có 200 suất học bổng) và 2 lớp không chuyên: lớp 10A (có định hướng thi ĐH khối A) và lớp 10D (có định hướng thi ĐH khối ngoại ngữ Anh văn) mỗi lớp khoảng 35 HS.

Điều kiện dự thi: HS ở các tỉnh, TP phía Nam (từ Thừa Thiên - Huế trở vào), tốt nghiệp THCS năm học 2004-2005 từ loại khá trở lên. Môn đăng ký vào các lớp chuyên toán, tin, lý, hóa, sinh: phải có điểm trung bình cả năm học lớp 9 đạt từ 8,0 trở lên; các lớp chuyên văn và Anh văn: đạt điểm trung bình cả năm học lớp 9 từ 7,0 điểm trở lên. Đối với lớp chuyên tin học, môn xét điểm là môn toán.

Nhà trường sẽ kiểm tra hồ sơ khi HS trúng tuyển đến làm thủ tục nhập học.

Môn thi: Để thi vào 1 ngành, HS phải thi 3 môn: toán chung (150 phút), văn - tiếng Việt chung (150

phút) và môn năng khiếu (150 phút); môn năng khiếu được tính hệ số 2. Môn toán chung và văn - tiếng Việt chung: thi theo chương trình THCS. Riêng lớp tin học, học sinh có thể thi môn năng khiếu là môn toán (được tuyển khoảng 15 học sinh) hay môn tin học (được tuyển khoảng 15 học sinh). Lưu ý: Với các lớp chuyên lý, chuyên hóa và chuyên sinh, tùy theo kết quả tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh có thể gọi bổ sung mỗi lớp tối đa 10 học sinh từ ngành toán - tin sang học chuyên lý hoặc chuyên hóa hoặc chuyên sinh, lấy theo điểm từ cao xuống thấp.

Phát và nhận hồ sơ dự thi: Từ 25-5 đến 1-6 (kể cả các ngày thứ bảy, chủ nhật). Nhận phiếu báo danh và xem phòng thi: ngày 6-6. Địa điểm: Trường PTNK, 153 Nguyễn Chí Thanh, quận 5 - TPHCM. ĐT: (08) 8533703 - (08) 8533704.

Ngày thi: 8-6: sáng thi môn hóa học và môn tin học, chiều: văn. 9-6: sáng thi toán, chiều thi sinh vật. 10-6: sáng: Anh văn, chiều: vật lý. 11-6: sáng: toán AB (chung cho các ngành toán (tin học, lý, hóa, sinh), chiều: văn AB (chung cho các ngành toán - tin học, lý, hóa, sinh). 12-6: sáng: toán CD (chung cho các ngành Anh văn, văn), chiều: văn CD (chung cho các ngành Anh văn, văn).

Được biết, HS có thể đăng ký thi nhiều ngành chuyên. Khi đỗ nhiều ngành, HS sẽ tự chọn học một ngành theo nguyện vọng.

Theo Ban Giám hiệu Trường PTNK, các lớp không chuyên 10A và 10D có kế hoạch tuyển sinh như sau: Lớp 10A: có định hướng thi ĐH khối A (toán, lý, hóa); tuyển từ các thí sinh không đỗ vào các lớp chuyên toán, tin, lý, hóa. Các lớp không chuyên có định hướng thi ĐH khối A sẽ được học theo chương trình phổ thông, có tăng cường các môn toán, lý, hóa và môn tin học 2 tiết/tuần trong các năm lớp 10 và lớp 11. Ngoài ra, những học sinh ham thích có thể dự học các chuyên để nâng cao cùng với học sinh lớp chuyên.

Lớp 10D: Có định hướng thi ĐH khối ngoại ngữ Anh văn (toán, văn, anh); tuyển từ các thí sinh không đậu vào lớp chuyên Anh và có điểm thi tuyển môn Anh văn đạt 5,5 điểm trở (theo thang điểm 10). Các lớp không chuyên có định hướng thi ĐH khối ngoại ngữ Anh sẽ được học theo chương trình phổ thông, có tăng cường các môn toán, văn, Anh văn; được học tin học 2 tiết/tuần trong các năm lớp 10 và lớp 11. Ngoài ra, những HS ham thích và đủ khả năng có thể dự học các chuyên để nâng cao cùng với HS lớp chuyên Anh.

YẾN THI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHXH&NV

* Một chương trình hướng nghiệp cho học sinh khối 12 của các trường thuộc huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh đã được các thành viên trong đội công tác xã hội (CTXH) khoa Ngữ Văn- Báo Chí, trường ĐHKHXH&NV TP. HCM thực hiện trong hai ngày 12, 13/03/2005. Đây là một trong những hoạt động trong tháng "Cùng hành động vì cộng đồng", một hoạt động chủ đạo trong tháng thanh niên cùng hành động thiết thực kỉ niệm 74 năm ngày thành lập Đoàn (26/03/1931- 24/03/2005). Chương trình đã mang đến cho hơn 500 HS khối 12 của các trường THPT Long Hiệp, Trà Cú, Đại An, Hàm Giang những thông tin mới nhất về kì thi tuyển sinh ĐH năm 2005, động viên tinh thần các bạn ở tỉnh xa trước khi bước vào mùa thi quan trọng này. Đây là lần đầu tiên một chương trình hướng nghiệp từ TP. HCM đến với Trà Cú, một trong những huyện nghèo khó nhất của tỉnh Trà Vinh và là chương trình hướng nghiệp lần thứ 2 trong năm học 2004- 2005 được đội CTXH khoa NV- BC thực hiện (lần 1 vào 10/2004 tại An Giang).

* Tiếp tục hưởng ứng tháng Thanh niên "Cùng hành động vì cộng đồng", tối 20/03/2005, các thành viên trong đội CTXH đã tổ chức buổi giao lưu văn nghệ và vui chơi với các em thiếu nhi thuộc lớp học tình

thương của phường 10, quận 4. Buổi giao lưu không chỉ thu hút được sự tham gia của gần 60 em thiếu nhi của lớp học tình thương và còn có sự tham gia của những em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt trên địa bàn phường 10. Với lần ra quân thành công này, Ban điều hành CTXH khoa NV- BC đã quyết định chọn phường 10, quận 4 làm địa bàn gắn bó lâu dài để triển khai những kế hoạch ra quân tình nguyện tiếp theo trong những tháng tới.

NGUYỄN NGỌC TRÂM

* Từ ngày 26/3- 27/3, trường ĐHKHXH&NV đã tổ chức hội trại "sức khỏe Nhân Văn" lần 3. Hội trại năm nay khác với các năm trước là mỗi khoa chỉ có 1 trại. Tại đây, ngoài việc sinh hoạt vui chơi, sinh viên còn được gặp gỡ, giao lưu với các nhà văn, nhà thơ có tên tuổi như: nhà văn Sơn Nam, nhà thơ Song Nguyên, Lê Minh Quốc... qua sân chơi thơ do NXB Trẻ và Đài Truyền hình TPHCM phối hợp tổ chức. Bên cạnh đó, sinh viên các khoa còn tham gia cuộc thi "Tự hào công dân Bác Hồ". Qua đây sinh viên đã được ôn lại lịch sử Đoàn TNCS HCM, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và khẳng định tinh thần trách nhiệm của công dân Việt Nam trong thời đại ngày nay.

* Ngày 1-4, Đoàn và Hội sinh viên trường ĐHKHXH&NV tổ chức trận chung kết cuộc thi "Tự hào công dân trẻ Thành phố Bác Hồ". Nội dung các phần thi xoay quanh các vấn đề: lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển của TP.HCM, chiến thắng mùa xuân 1975... Bên cạnh đó ban giám khảo còn chấm điểm phong cách cho mỗi đội. Kết quả khoa Lịch sử giành giải nhất, TV-TT đạt giải nhì.

Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực của trường để chào mừng 30 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

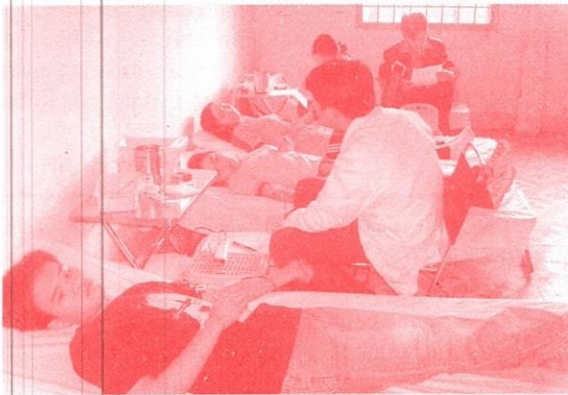
* Sáng ngày 2-4, tại Trung tâm quản lý KTX ĐHQG HCM, Trung tâm Công tác xã hội và hỗ trợ sinh viên trường ĐHKHXH&NV phối hợp với Tổ chức Giáo dục Apollo tổ chức hội thảo: *Khám phá bí quyết học ngoại ngữ để thành công* dành cho sinh viên các trường thành viên ĐHQG - HCM. Buổi hội thảo đã thu hút gần 1000 sinh viên tham gia. Mr.Khalid Mudmood- Tổng giám đốc tổ chức Giáo dục Apollo và Ms.Arabella Peters-Giám đốc điều hành đã có cuộc trao đổi cùng các sinh viên xung quanh 3 nội dung chính: giới thiệu về hệ thống tiếng Anh trên thế giới; yêu cầu và phân biệt trình độ tiếng Anh; chia sẻ kinh nghiệm, cải thiện và cách thức cải thiện trong việc học tập tiếng Anh. Tại đây, ông Khalid Mudmood trực tiếp trả lời những câu hỏi, thắc mắc của sinh viên xung quanh vấn đề học ngoại ngữ.

Đây là hoạt động thường xuyên của trường ĐHKHXH&NV để tạo điều kiện cho các sinh viên có cơ hội được học tập ngoại ngữ một cách hiệu quả.

MINH BẢO

* HƯỞNG ỨNG NGÀY HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO 7/4

Ngày 8/4, Đoàn trường ĐHKHXH&NV, TTCTXH kết hợp với Ban quản lý Dự án- Trung tâm truyền máu khu vực Chợ Rẫy tổ chức Lễ phát động toàn dân Hiến máu tình nguyện. Đến dự có đại diện tổ chức Y tế thế giới (WHO), đại diện Ngân hàng thế giới (WB), bà Phan Bích Liên, phó giám đốc Ban quản lý dự án, Ban giám hiệu trường ĐHKHXH&NV, cùng các tình nguyện viên



hiến máu quốc tế và Việt Nam. Tại buổi lễ, bà Phan Bích Liên đọc thư của chủ tịch nước Trần Đức Lương kêu gọi hiến máu nhân đạo và đánh giá cao sự giúp đỡ cũng như ủng hộ về tài chính của các tổ chức WB và WHO. Qua buổi lễ, bà Liên gửi lời cảm ơn đến Hội sinh viên, Đoàn trường của các trường Cao Đẳng và Đại học trong thành phố đã tích cực tham gia ủng hộ phong trào trong nhiều năm qua. Cũng trong buổi sáng, các bác sĩ của trung tâm truyền máu đã tiến hành lấy máu của 300 sinh viên tình nguyện đã đăng kí.

THÚY DUNG



* NGÀY HỘI NHÂN HỌC LẦN III-2005

GS.TS Ngô Văn Lệ - hiệu trưởng trường ĐHKHXH&NV, chủ nhiệm bộ môn Nhân học đánh hồi trống khai mạc ngày hội

Ngày 16-4 tại cơ sở Linh Trung, Thủ Đức của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM diễn ra ngày hội nhân học lần III với nội dung phong phú, sôi nổi và có nhiều nét đặc sắc do Đoàn bộ môn nhân học TP.HCM tổ chức.

Ngày hội Nhân học năm nay có sự phối hợp tổ chức của khoa xã hội học, khoa địa lý ĐHKHXH&NV và 3 trường ĐH khách mời là ĐH Mở bán công (khoa Đông Nam Á học, khoa xã hội học), ĐH Dân lập Văn hiến (khoa xã hội học), và ĐH Kiến trúc.

Đến với ngày hội, mọi người có cơ hội xem triển lãm văn hóa các dân tộc; tham gia các gian hàng ẩm thực với các món ăn truyền thống của các dân tộc Việt, Hoa, Chăm...; cùng đi chợ quê; tham gia các trò chơi dân gian như đẩy gậy, ném còn, nhảy sạp, vẽ ký họa, xin thư pháp miễn phí, xem chiếu phim dân tộc học hay thi múa Lâm thôn của dân tộc Khmer...

Nét đặc biệt nhất của ngày hội Nhân học lần III là lần đầu tiên tái hiện trò chơi bài chòi do chính các nghệ nhân đến từ Phú Yên - địa phương sản sinh ra nét văn hóa độc đáo này thể hiện. Mới, lạ, độc đáo, vui nhộn là những gì các nghệ nhân tuổi đã cao này mang đến cho mọi người và để chào mừng 30 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Ngày hội còn là cơ hội để các bạn trẻ hiểu biết thêm về những nét văn hóa đẹp của dân tộc.

PV

VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN

* ĐÀO TẠO

Từ ngày 11-15/04/2005 Viện Tài nguyên Môi trường đã tổ chức lễ bảo vệ luận văn thạc sĩ đợt 2 cho 33 học viên cao học, 100% đạt loại khá, đặc biệt có 04 luận văn đạt xuất sắc như sau:

1. Nghiên cứu ứng dụng quá trình làm mát bay hơi đoạn nhiệt cải thiện chất lượng môi trường lao động tại các xưởng may công nghiệp tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của học viên Nguyễn Minh Thái

2. Áp dụng phương pháp đo tốc độ hô hấp (Respirometry Method) xác định các thành phần COD và thông số động học quá trình bùn hoạt tính của một số loại nước thải của học viên Bùi Thị Như Phượng

3. Nghiên cứu xác định hệ số phát thải chất thải rắn công nghiệp của một số ngành công nghiệp tại các khu vực công nghiệp ở Đồng Nai phục vụ công

tác quản lý môi trường của học viên Nguyễn Thị Mai Liên

4. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng chất thải rắn để xuất các giải pháp quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh Bình Dương đến năm 2020 của học viên Nguyễn Văn Phước

* SEMINAR ĐỊNH KỲ

Trong sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần, ngày 10/03/2005 Viện Môi trường và Tài nguyên có tổ chức 1 Seminar do các phòng chuyên môn luân phiên chủ trì (Phòng Quản lý môi trường) "Hiện trạng phát thải POPs vào môi trường tại TP.HCM và định hướng nghiên cứu" báo cáo viên TS. Lê Thanh Hải

* TIN HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Trong tháng 03-4/2005 Trung tâm CEFINEA, Viện Môi trường và Tài nguyên đã ký kết 03 hợp đồng tổng giá trị là 163.550.000 đ

1. Đánh giá tác động môi trường xí nghiệp sản xuất và kinh doanh thép tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước Nhà Bè TP. HCM

2. Đánh giá tác động môi trường Dự án thành lập Công ty TNHH BUWON VINA, khu công nghiệp Amata, Biên Hòa- Đồng Nai

3. Giám sát môi trường cho Liên doanh NISHIMATSU - EBARA - SHIMIZU, Quận 7, TP.HCM



K H O A K I N H T Ế

* Ngày 4-4, Câu lạc bộ tin học Khoa Kinh tế- ĐHQG HCM mở lớp "Phổ cập tin học" dành cho sinh viên của Khoa và sinh viên các trường. Chương trình gồm hai học phần: WINDOW XP+WINWORD và WINDOWS XP+ EXCEL. Sau khi học xong sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng làm việc trên hệ điều hành WINDOWS XP, sử dụng thành thạo và khai thác các ứng dụng WINDOWS XP, các kỹ năng soạn thảo và xử lý văn bản, phòng ngừa vi rút và cách khắc phục những lỗi thông thường... từ đó có thể áp dụng một cách hiệu quả vào trong công việc học tập và nghề nghiệp trong tương lai.

Khóa học có 100 học viên và sẽ kết thúc vào 6-5-2005.

MINH BẢO

* KHOA KINH TẾ - ĐHQG TIẾP VÀ TRAO ĐỔI KHOA HỌC VỚI CÁC GIÁO SƯ TRƯỜNG ĐẠI HỌC JOHOTOKYO - NHẬT BẢN

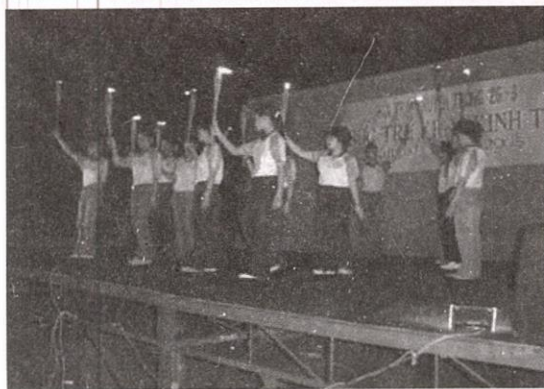
Ngày 01/4/2005, Khoa Kinh tế - ĐHQG TP. HCM

đã tiếp và trao đổi khoa học với các giáo sư đến từ Trường ĐH Johotokyo - Nhật Bản. Các giáo sư đã trao đổi xoay quanh các chủ đề về kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản và một số nước trong khu vực Đông Á; về phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội; về chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam... Đây là chương trình trao đổi nhằm cung cấp thông tin khoa học, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội của các nhà khoa học ở hai trường và nhằm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ của Khoa Kinh tế - ĐHQG TP. HCM.

THANH HÀ

* HỘI TRẠI TRUYỀN THỐNG 26/03 - "SỨC TRẺ KHOA KINH TẾ"

Ngày 25-26/03/2005 Đoàn Thanh niên Khoa Kinh tế đã tổ chức Hội trại truyền thống 26/03 với chủ đề "Sức trẻ Khoa Kinh tế" tại Xã Cần Thạnh - Huyện Cần Giờ - TP. HCM đã thu hút 1350 đoàn viên, sinh viên



tham gia.

Nhân dịp hội trại này, tuổi trẻ Khoa Kinh tế đã thực hiện và bàn giao Công trình thanh niên "Xây dựng thư viện và sân chơi cho thiếu nhi Huyện Cần Giuộc". Tổng trị giá công trình thanh niên này là 23,5 triệu đồng, được huy động từ nguồn đóng góp của sinh viên và qua đợt phát hành vé số rộng rãi trong toàn thể giảng viên và sinh viên Khoa Kinh tế.

ĐOÀN KHOA KINH TẾ

* KHOA KINH TẾ: CHUNG KẾT CUỘC THI OLYMPIC CÁC MÔN KHOA HỌC MÁC-LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Ngày 15-4, tại hội trường B Khoa Kinh tế ĐHQG-HCM đã diễn ra trận chung kết Hội thi Olympic các

môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh với tên gọi "Tầm nhìn xuyên thế kỷ" giữa 3 đội A, B, C (mỗi đội 5 thành viên)

Trải qua 4 vòng thi: nhập môn tri thức, nhịp bước thời gian (các mốc thời gian quan trọng trong tiến trình lịch sử xã hội loài người và quá trình 60 năm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc), nhà thông thái trẻ (kiến thức tổng hợp về lịch sử đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh...) và đường đến tương lai (kiến thức về các giai đoạn phát triển của nhân loại, các phát minh khoa học, Nhà nước, pháp luật Việt Nam..., đội C (còn có tên là Mâu Thuẫn) đã xuất sắc giành ngôi vô địch. Hai đội A và B lần lượt giành giải nhì và ba.

PV



ĐẠI HỌC QUỐC C GIA HÀ NỘI

* LỄ KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA ĐHQGHN VÀ TẬP ĐOÀN TOSHIBA

Ngày 14/3/2005, tại ĐHQGHN đã diễn ra lễ ký kết văn bản thỏa thuận hợp tác giữa ĐHQGHN và tập đoàn Toshiba. Đây là lần đầu tiên có một văn bản hợp tác khung được hai bên ký kết, mở ra hướng hợp tác mới giữa một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu ở Việt Nam với một tập đoàn công nghiệp có uy tín của Nhật Bản.

Mở đầu cho mối quan hệ hợp tác hai bên này là chương trình học bổng của tập đoàn Toshiba dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh xuất sắc của ĐHQGHN trong các lĩnh vực khoa học công nghệ. Kể từ năm 2005, mỗi năm Toshiba sẽ tài trợ một khoản tiền học bổng là 1.600.000 yên (tương đương với 16 suất học bổng, mỗi suất trị giá 100.000 yên) cho các học viên cao học và nghiên cứu sinh của ĐHQGHN.

Trong khuôn khổ hợp tác song phương, tập đoàn Toshiba sẽ gửi các nhà khoa học và kỹ sư công nghệ của mình sang ĐHQGHN hợp tác nghiên cứu, tài trợ cho các dự án nghiên cứu chung, đồng thời tiếp nhận các học viên và nghiên cứu sinh của chương trình học bổng này sang thực tập và làm việc tại Nhật Bản. Đây

sẽ là cầu nối giữa cơ sở đào tạo và nơi sử dụng nhân tài. Chương trình mở ra triển vọng hợp tác giữa các nhà khoa học của ĐHQGHN với các chuyên gia công nghệ hàng đầu của Toshiba.

TRẦN ANH

* HỘI THẢO QUỐC TẾ "LÀNG CỔ, PHỐ CỔ VÀ CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC MỚI"

Đây là nội dung cuộc hội thảo quốc tế được Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển - ĐHQGHN đã phối hợp cùng trường Đại học Nữ Chiêu Hoà - Nhật Bản tổ chức sáng ngày 18/3/2005.

Theo các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu văn hoá, làng cổ Đường Lâm và phố cổ Hà Nội là hai khu vực còn bảo lưu được gần như nguyên vẹn nhiều giá trị văn hoá truyền thống. Từ các dấu vết văn hoá vật thể (nhà cửa, các công trình kiến trúc, tôn giáo,...) cho đến các giá trị văn hoá phi vật thể (lễ hội, đời sống tâm linh, văn hoá dân gian,...) đều tồn tại một cách khá rõ nét cho tới ngày nay. Tuy nhiên, dưới sự ảnh hưởng của những biến động lịch sử đã diễn ra ở miền Bắc Việt Nam trong suốt thế kỷ trước (thời kỳ thuộc địa, phong trào giải phóng dân tộc, chiến tranh

cách mạng và thời kỳ đổi mới...), các cộng đồng ở hai khu vực này cũng phải trải qua nhiều sự biến đổi về cấu trúc, phong tục tập quán cũng như các khía cạnh văn hoá, xã hội, chính trị và tinh thần.

Giai đoạn hiện nay, với sự tác động mạnh mẽ của sự phát triển kinh tế cũng như của quá trình đô thị hoá, làng cổ Đường Lâm và phố cổ Hà Nội đang đứng trước những thử thách lớn. Việc giải quyết mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa yêu cầu phát triển với việc bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá là một vấn đề cấp bách đang được đặt ra hiện nay. Các nội dung được đề cập đến trong hội thảo này sẽ đóng góp vào việc đề xuất các giải pháp tối ưu nhất trong việc quy hoạch, lập dự án và kế hoạch bảo tồn hai khu vực này trong tương lai.

TRẦN ĐỖ

* HỘI CHỢ VIỆC LÀM SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI LẦN II ĐÃ THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Ngày 19/3/2005, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tổ chức Hội chợ việc làm sinh viên lần thứ II nhằm tạo điều kiện cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội (gồm sinh viên đã tốt nghiệp và sinh viên đang học tập tại ĐHQGHN) tiếp cận được với thị trường lao động và các nhà sử dụng lao động.

Hội chợ có 149 gian trưng bày gồm 48 gian trưng bày của đơn vị tổ chức và 101 gian trưng bày của các cơ quan, doanh nghiệp. Đã có 214 cơ quan, doanh nghiệp đã tham gia Hội chợ, trong đó có 54 đơn vị tham gia tuyển dụng lao động. Trong khuôn khổ của Hội chợ, các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN đã phối hợp tổ chức được 27 cuộc giao lưu và đối thoại giữa sinh viên với các doanh nghiệp và các cựu sinh viên thành đạt. Hội chợ đã thu hút được hơn 12.000 lượt người tham quan và tham gia đăng ký dự tuyển việc làm.

MAI ANH

* LỄ TRAO BẰNG THẠC SỸ QUẢN LÝ GIÁO DỤC KHOA 2

Ngày 14/4/2005, tại Hội trường Lê Văn Thiêm, ĐHQGHN và ĐH New England, Australia đã long trọng tổ chức Lễ trao bằng Thạc sỹ Quản lý Giáo dục. Đây là lễ tốt nghiệp dành cho 22 học viên cao học khoá 2 của chương trình liên kết đào tạo giữa Khoa Sư phạm - ĐHQGHN với ĐH New England - Australia, kể từ khi lãnh đạo hai bên ký kết văn bản hợp tác đào tạo sau đại học, hồi tháng 4/2001.

Tham dự buổi lễ, về phía Australia có GS. John M. Cassidy - Chủ tịch Hội đồng Đại học New England, GS. Grant Harman - Chủ nhiệm Khoa Giáo dục, Y tế và Giáo dục Chuyên nghiệp cùng các đồng sự; về phía Việt Nam có GS.TSKH Trần Văn Nhung - Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, GS.TSKH Vũ Minh Giang - Phó Giám đốc ĐHQGHN, GS.TSKH Nguyễn

Hữu Công - Chủ nhiệm Khoa Sau đại học, lãnh đạo Khoa Sư phạm cùng tập thể giảng viên và học viên khoá 2.

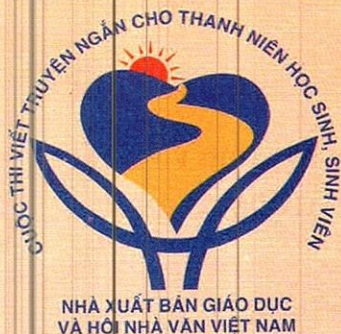
Từ năm 2002, Khoa Sư phạm, ĐHQGHN đã phối hợp với ĐH New England triển khai chương trình liên kết đào tạo Thạc sỹ Quản lý Giáo dục tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Khoá đào tạo đầu tiên đã tốt nghiệp vào tháng 9/2004. Trong tháng 4/2005, hai lớp (1 lớp tại Hà Nội và 1 lớp tại TP. Hồ Chí Minh) của khoá 2 cũng đã được nhận bằng Thạc sỹ do ĐH New England cấp. Cho đến nay, đã có tổng số 73 Thạc sỹ tốt nghiệp theo chương trình đào tạo này.

Chương trình và nội dung các khoá đào tạo liên kết này do ĐH New England, Australia thiết kế, giảng dạy, đánh giá kết quả môn học, cấp bằng theo đúng quy chế và chương trình đào tạo của New England.

Thay mặt cho Chính phủ Việt Nam, Bộ Giáo dục & Đào tạo và ĐHQGHN, phát biểu tại buổi lễ, Thứ trưởng Trần Văn Nhung và Phó Giám đốc Vũ Minh Giang hoan nghênh và đánh giá cao sự thành công trong quan hệ hợp tác đào tạo giữa Khoa Sư phạm và ĐH New England. Đây là một hoạt động có ý nghĩa sâu sắc trong việc đẩy mạnh việc xã hội hoá giáo dục. Bộ Giáo dục & Đào tạo rất ủng hộ các chương trình đào tạo liên kết có hiệu quả tốt của Khoa Sư phạm nói riêng và ĐHQGHN nói chung. Sự hợp tác trong đào tạo của các đơn vị sẽ góp phần thúc đẩy mối quan hệ hợp tác bền lâu giữa Chính phủ hai nước Việt - Úc.

ĐỖ NGỌC DIỆP





Thể lệ

CUỘC THI BÌNH TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC VIẾT CHO THANH NIÊN HỌC SINH, SINH VIÊN

Do Vụ Công tác học sinh, sinh viên ; Vụ Giáo dục Trung học ;
Nhà xuất bản Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức

MỤC ĐÍCH CUỘC THI

1. Phát huy kết quả tốt đẹp *Cuộc thi viết truyện ngắn cho thanh niên học sinh, sinh viên năm 2004*, đưa những tác phẩm văn học có chất lượng đến với đông đảo học sinh, sinh viên trong cả nước nhằm giáo dục đạo đức, lối sống và nhân cách cho thế hệ trẻ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện trong các nhà trường Phổ thông và Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp - Dạy nghề.
2. Đẩy mạnh việc đọc sách để hưởng ứng cuộc vận động phát triển Văn hóa đọc của Bộ Văn hóa - Thông tin.

NỘI DUNG CUỘC THI

Đọc 8 tập sách về các chủ đề sau:

- Tập một** : Mẹ ơi, hãy yêu con lần nữa! (Về gia đình)
- Tập hai** : Vị thánh trên bục giảng (Về tình nghĩa thầy trò)
- Tập ba** : Có một tình yêu không nói (Về tình yêu)
- Tập bốn** : Một thời để nhớ (Về tình bạn)
- Tập năm** : Một cuộc đua (Về tu thân, lập nghiệp)
- Tập sáu** : Cô gái có đôi mắt huyền (Về phòng chống các tệ nạn xã hội)
- Tập bảy** : Đứa con của loài cây (Về bảo vệ thiên nhiên, môi trường)
- Tập tám** : Đường chúng tôi đi (Về quê hương, đất nước, cộng đồng).

Đọc cuốn "30 tác phẩm được giải Cuộc thi viết truyện ngắn cho thanh niên học sinh, sinh viên".

Viết lời bình các truyện trong 9 tập sách trên hoặc truyện dự thi đã đăng trên các báo *Giáo dục thời đại*, *Văn nghệ Trẻ*, báo *Tiếng nói Việt Nam*, các tạp chí *Nhà văn*, *Thế giới mới*, *Thế giới trong ta* xuất bản trong năm 2004. Mỗi cá nhân có thể chọn và bình từ 1 đến 5 truyện.

Bài dự thi viết lời bình mỗi truyện dài không quá 350 chữ (1 trang khổ A4).

(Xem tiếp trang 35)